

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 16/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/6/2013)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 11/06/2013 tại:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 22205544

Fax: (84.4) 22200399

Website : www.bidv.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 1 - 10 - 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : Quách Hùng Hiệp

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Điện thoại : (84.4) 22201162

Fax: (84.8) 22200399

THÁNG 6 | 2013



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán :

Cổ phiếu trả cổ tức : N/A

Cổ phiếu chào bán : 10.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng số lượng phát hành : **510.040.685** cổ phiếu, trong đó:

Cổ phiếu trả cổ tức : 104.193.492 cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán : 405.847.193 cổ phiếu

Tổng giá trị phát hành : **5.100.406.850.000** đồng
(theo mệnh giá)

Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính : Tầng 1- 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 **Fax:** (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 **Fax:** (84.8) 38218510

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38315100 **Fax:** (84.4) 38315090

Website : www.ey.com

MỤC LỤC

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	1
2. RỦI RO VỀ TÍN DỤNG.....	1
3. RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI	2
4. RỦI RO VỀ THANH KHOẢN.....	2
5. RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG	2
6. RỦI RO LUẬT PHÁP	3
7. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	3
8. RỦI RO PHA LOÃNG	3
9. RỦI RO KHÁC	6
PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	7
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	7
PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	8
PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	10
1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	10
2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	10
3. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	14
3.1. Cơ cấu tổ chức.....	14
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý	16
4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	19
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV và những người có liên quan tại thời điểm 31/03/2013.....	19
4.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2013	19
4.3. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 31/03/2013	19
5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
5.1. Công ty mẹ của BIDV	19
5.2. Danh sách các công ty con của BIDV tại ngày 31/03/2013	20
5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV tại ngày 31/03/2013.....	20

5.4.	Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV	21
6.	QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ	21
7.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	22
7.1.	Ngành nghề kinh doanh chính của công ty	22
7.2.	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	45
7.3.	Thị trường hoạt động	51
7.4.	Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện	58
8.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	61
8.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh từ năm 2011 đến 31/03/2013	61
8.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2011 – 31/03/2013	61
9.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	64
9.1.	Vị thế của BIDV trong ngành	64
9.2.	Triển vọng của ngành ngân hàng	67
9.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành ...	68
10.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	69
10.1.	Số lượng lao động và cơ cấu lao động	69
10.2.	Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp	70
11.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	71
12.	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	72
13.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG	73
13.1.	Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT	73
13.2.	Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS	92
13.3.	Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc	97
13.4.	Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng	110
14.	TÀI SẢN	111
14.1.	Tài sản cố định theo sổ sách kế toán	111
14.2.	Tình hình quản lý và sử dụng đất	112
15.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO	115
16.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC	116
17.	THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC 117	
18.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA BIDV	117
18.1.	Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	117

18.2. Các cam kết khác	118
19. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI BIDV CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN	118
PHẦN 5: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	119
1. Loại cổ phiếu	119
2. Mệnh giá	119
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	119
4. Giá chào bán dự kiến	120
5. Phương pháp tính giá	121
6. Phương thức phân phối	121
7. Thời gian phân phối dự kiến	121
8. Đăng ký mua cổ phiếu	122
9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	123
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	123
11. Các loại thuế có liên quan	123
11.1. Thuế đối với BIDV	123
11.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	124
12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	125
PHẦN 6: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	126
PHẦN 7: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH	126
PHẦN 8: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	127
PHẦN 9: PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐẤT ĐAI	129

MỤC LỤC HÌNH VẼ

1: Cơ cấu tổ chức	14
2: Cơ cấu bộ máy quản lý.....	16
3: Mô hình tổ chức chi nhánh	18
4: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thống của BIDV năm 2011 – 31/03/2013	52
5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2012	64
6: Lợi nhuận sau thuế và Tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2012.....	64
nh 7: Huy động Vốn và Dư nợ của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2012	65
8: Cơ cấu lao động theo trình độ tại 31/03/2013	70
9: Cơ cấu lao động theo độ tuổi tại 31/03/2013	70
10: Cơ cấu lao động theo giới tính tại 31/03/2013	70

MỤC LỤC BẢNG

1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.....	11
2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý BIDV được trao tặng thời gian qua:	12
3: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	23
4: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2011 – 31/03/2013	24
5: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013	25
6: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2011 – 31/03/2013	26
7: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	27
8: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	27
9: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề giai đoạn 2011 – 31/03/2013	28
10: Phân loại nợ giai đoạn 2011 – 31/03/2013	29
11: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	30
12: Thu nhập hoạt động dịch vụ giai đoạn 2011 – 31/03/2013	31
13: Kết quả hoạt động thanh toán giai đoạn 2011 đến 31/03/2013	33
14: Kết quả hoạt động bảo lãnh giai đoạn 2011 – 31/03/2013	34

15: Hoạt động kinh doanh thẻ giai đoạn 2011 – 31/03/2013	35
16: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	36
17: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2011 – 31/03/2013	37
18: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013	38
19: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013	39
20: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	40
21: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2011 – 31/03/2013.....	41
22: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2011 – 31/03/2013	43
23: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2011 – 31/03/2013	44
24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC giai đoạn 2011 – 31/03/2013	45
25: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số ngân hàng thương mại tại 31/12/2012.....	55
26: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 31/03/2013	58
27: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 31/03/2013	60
28: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính.....	61
29: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2012.....	65
30: Chi tiết chỉ tiêu tài chính từ 2011 đến 31/03/2013.....	72
31: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	73
32: Danh sách thành viên Ban kiểm soát	92
33: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc	97
34: Chi tiết tài sản cố định tại 31/03/2013	111
35: Tình hình sử dụng đất tại 31/03/2013.....	112

PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

BIDV xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh, qua đó gián tiếp có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của BIDV.

1. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, ảnh hưởng đến thu nhập lãi và giá trị vốn kinh tế của ngân hàng. Nguyên nhân của rủi ro lãi suất xuất phát từ diễn biến bất lợi của lãi suất thị trường và chênh lệch kỳ hạn định giá lại lãi suất giữa Tài sản Có và Tài sản Nợ của ngân hàng.

Là một trong những ngân hàng tiên phong tại Việt Nam trong triển khai công tác quản trị rủi ro hiện đại, BIDV đã xây dựng đầy đủ các quy định nội bộ trong quản lý rủi ro lãi suất, đảm bảo các quy định có liên quan của NHNN cũng như đã chú trọng đến việc hướng theo thông lệ quốc tế.

Trong điều kiện lãi suất thị trường biến động mạnh như hiện nay, BIDV chủ trương quản lý rủi ro lãi suất theo hướng an toàn, cân trọng thông qua áp dụng các công cụ quản trị rủi ro lãi suất cùng với việc triển khai chính sách lãi suất linh hoạt theo tín hiệu thị trường, tăng cường các khoản vay/cho vay với lãi suất thả nổi, thu hẹp chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản - nguồn vốn cũng như sử dụng công cụ phái sinh nhằm phòng ngừa rủi ro lãi suất.

2. RỦI RO VỀ TÍN DỤNG

Bên cạnh rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng cũng là rủi ro lớn đối với hoạt động của các ngân hàng thương mại. Rủi ro này xảy ra khi khách hàng vay nợ của BIDV không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết trong hợp đồng, bao gồm cam kết trả nợ gốc, nợ lãi đúng hạn và các cam kết thanh toán khác làm giảm hay mất giá trị của tài sản có. Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh, năng lực tài chính của các khách hàng của BIDV, sự suy giảm của ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung.

Hiện nay, thu nhập lãi và các khoản tương đương lãi thuần chiếm bình quân 70-80% tổng thu nhập hoạt động kinh doanh của BIDV, cho thấy vai trò quan trọng của tín dụng trong các mảng hoạt động của BIDV. Do đó, công tác quản lý rủi ro tín dụng được BIDV đặc biệt coi trọng. Hoạt động quản trị rủi ro tín dụng được BIDV thực hiện thông qua Ban Quản lý tín dụng, Ban Quản lý rủi ro tín dụng, Ủy ban Quản lý rủi ro và quy trình chặt chẽ từ xếp hạng tín nhiệm, phê duyệt, thẩm định đến giải ngân và quản lý tín dụng, trích dự phòng rủi ro. Mặc dù vậy, không có gì đảm bảo mọi rủi ro tín dụng đều được loại bỏ và do đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu lãi, thu hồi nợ vay của BIDV.

3. RỦI RO VỀ NGOẠI HỐI

Rủi ro ngoại hối phát sinh từ những biến động bất lợi về tỷ giá hối đoái, gây ra sự sụt giảm giá trị đối với các tài sản mà BIDV nắm giữ. Các hoạt động kinh doanh ngoại hối, góp vốn liên doanh, đầu tư ra nước ngoài của BIDV chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá trên thị trường.

Tỷ giá hối đoái tại Việt Nam được NHNN quản lý và điều tiết, theo đó, NHNN sẽ công bố tỷ giá bình quân liên ngân hàng và các ngân hàng thương mại sẽ giao dịch ngoại tệ với biên độ cho phép. Vào thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối tại BIDV chủ yếu bao gồm các giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi thực hiện với cặp tiền USD - VND. Để quản lý rủi ro tỷ giá, BIDV đã ban hành một loạt các quy định về chính sách, hạn mức giao dịch ngoại hối, ngưỡng chấp nhận rủi ro ngoại hối, các công cụ đo lường và kiểm soát rủi ro ngoại hối, đồng thời nghiên cứu và ứng dụng các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá cho các khoản mục tài sản mà BIDV nắm giữ.

4. RỦI RO VỀ THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán đến hạn, bao gồm cả nhu cầu rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất của khách hàng cũng như các nghĩa vụ chi trả khác. Rủi ro này có thể bắt nguồn từ sự không phù hợp về quy mô và kỳ hạn giữa các tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng trong các thời điểm, đồng thời, ngân hàng chưa thể lường trước và dự phòng đầy đủ cho những giảm sút về nguồn vốn.

BIDV đã xây dựng một hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ về quản lý rủi ro thanh khoản với việc triển khai các mô hình quản lý hiện đại.

Với diễn biến thanh khoản thị trường phức tạp và khó lường trong giai đoạn hiện nay, BIDV chủ trương quản lý thanh khoản trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của NHNN, đảm bảo an toàn hệ thống, đảm bảo tính lỏng của tài sản và tăng cường chất lượng tài sản.

5. RỦI RO TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng, tài trợ thương mại,... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn của BIDV tại 31/12/2012 là 64.461 tỷ đồng, bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến bảo lãnh tài chính và các cam kết thanh toán thư tín dụng. Tới 31/3/2013, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn của BIDV là 66.593 tỷ đồng, tăng 2.132 tỷ đồng so

với thời điểm 31/12/2012. Các khoản này, một phần hoặc toàn bộ, đều có tài sản thế chấp (bất động sản, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ, mặc dù vậy, nếu xảy ra rủi ro, việc BIDV phải thực hiện các cam kết bảo lãnh này có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh, tình hình tài chính trong tương lai của BIDV.

6. RỦI RO LUẬT PHÁP

Nền kinh tế của Việt Nam đang trên đà phát triển, tuy nhiên, khung pháp lý và luật pháp tại Việt Nam chưa được đổi mới tương xứng với sự phát triển kinh tế. Hơn nữa, các thay đổi về chính sách và việc diễn giải về pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến BIDV.

Hiện nay, Việt Nam đã và đang nỗ lực để xây dựng và hoàn thiện một khung pháp lý mới cho tổ chức tín dụng (“TCTD”) tại Việt Nam, trong đó có ngân hàng thương mại như BIDV. Nhìn chung các quy định mới được ban hành góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, giúp cơ quan thẩm quyền quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tài chính nói chung, đồng thời giúp hoạt động của các tổ chức tín dụng diễn ra an toàn. Dù vậy, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, công tác lập pháp, pháp điển hóa đang trong quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng và trong khi chờ đợi hoàn thiện, rất khó để dự đoán chính xác khi nào hệ thống pháp luật của Việt Nam sẽ đạt mức độ ổn định và mang tính dự báo như tại các quốc gia, vùng lãnh thổ có hệ thống pháp luật phát triển.

7. RỦI RO CỦA ĐỢT CHÀO BÁN, CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Đợt chào bán đã được tính toán kỹ lưỡng căn cứ vào tình hình thị trường, giá chào bán và mục đích huy động vốn phù hợp. Tuy nhiên, trong đợt phát hành tăng vốn lần này, BIDV không sử dụng dịch vụ bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn cần thiết. Trong trường hợp đợt chào bán không thành công như mong đợi, số lượng cổ phần còn lại sẽ được giao cho Hội đồng quản trị quyết định phân phối cho các nhà đầu tư nhưng giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, với niềm tin của nhà đầu tư vào sự phát triển ổn định, bền vững của Ngân hàng, cổ phiếu của BIDV vẫn là sự lựa chọn của các nhà đầu tư.

8. RỦI RO PHA LOÃNG

Việc phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:
(i) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và

quyền mua cổ phiếu phát hành thêm; (ii) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS) và (iii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS).

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

- Giá giao dịch của cổ phiếu BIDV sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá trị tham chiếu của cổ phiếu BIDV sẽ bị điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{PR_{t-1} * A_{t-1} + PR * A_R}{A_{t-1} + A_R}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu sau khi pha loãng (hay giá tham chiếu của cổ phiếu BIDV trong ngày giao dịch không hưởng quyền)
- PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu BID trong ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- PR : Giá bán cổ phiếu phát hành thêm
- A_{t-1} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- A_R : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

Tham khảo:

- Hiện cổ phiếu của BIDV chưa thực hiện niêm yết (đang lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán), chưa có giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu phát sinh nên giá thị trường trong thời gian gần nhất để tham chiếu là giá đầu thành công bình quân tại thời điểm IPO tháng 12 năm 2011 là 18.583 đồng/cổ phiếu, giá tham chiếu của cổ phiếu BIDV tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được tính như sau:

$$P_{pl} = \frac{18.583 * 2.301.170.542 + 0 * 104.193.492 + 10.000 * 405.847.193}{2.811.211.227} = 16.655 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

- PR_{t-1} : Giá thị trường của cổ phiếu BID trong ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền giả định là 18.583 đồng/cổ phiếu
- A_{t-1} : Tổng số cổ phần đang lưu hành hiện tại: 2.301.170.542 cổ phần

- A_R: Số cổ phiếu phát hành thêm gồm:
 - ♦ Số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức: 104.193.492 cổ phần
 - ♦ Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 405.847.193 cổ phần
- PR: Giá cổ phiếu phát hành thêm: để trả cổ tức: 0 đồng/cổ phần; giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 2.811.211.227 cổ phần.

Rủi ro pha loãng EPS và giá trị sổ sách

Sau đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn, thu nhập cơ bản và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của BIDV sẽ bị ảnh hưởng do sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu, cụ thể như sau.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) pha loãng được tính như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{EPS pha loãng} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Mức độ pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần của BIDV sau khi phát hành như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Giá trị
1	Số cổ phần tại 01/01/2013	Cổ phần	2.301.170.542
2	Số cổ phần phát hành thêm	Cổ phần	510.040.685
3	Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm 2013	Cổ phần	2.556.190.885
4	Lợi nhuận sau thuế dự kiến 2013	VNĐ	3.580.000.000.000
5	EPS của năm 2013 dự kiến trước khi phát hành	VNĐ/cổ phần	1.556
6	EPS của năm 2013 dự kiến sau khi phát hành	VNĐ/cổ phần	1.401

Như vậy, việc tăng vốn điều lệ thêm 5.100 tỷ đồng có thể khiến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của BIDV giảm 11%.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính như sau:

Nguồn vốn chủ sở hữu (thuộc cổ đông)

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu (thuộc cổ đông)}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Sau khi thực hiện phát hành 510.040.685 cổ phiếu thành công, giá trị sổ sách trên cổ phiếu của BIDV có thể giảm xuống do BIDV thực hiện chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

TT	Nội dung	Giá trị
1.	Lợi nhuận sau thuế hai quý đầu năm 2013 dự kiến (đồng)	1.875.000.000.000
2.	Vốn chủ sở hữu của BIDV tại 31/12/2012 (đồng)	26.494.446.000.000
3.	Tổng số tiền thu dự kiến được từ đợt chào bán (đồng)	4.058.471.930.000
4.	Số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm trước khi phát hành (cổ phần)	2.301.170.542
5.	Số cổ phần dự kiến lưu hành tại thời điểm sau khi phát hành (cổ phần)	2.811.211.227
6.	BVPS dự kiến tại thời điểm trước khi phát hành (đồng/cổ phần) $[6=(1+2)/4]$	12.328
7.	BVPS dự kiến tại thời điểm sau khi phát hành (đồng/cổ phần) $[7=(1+2+3)/5]$	11.535

9. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, BIDV còn có thể phải chịu các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, v.v. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của BIDV.

PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông Trần Bắc Hà	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Đức Tú	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà Tạ Thị Hạnh	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Trần Văn Bé	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý, và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Huy Hoài

Chức vụ:— Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

-  **“BIDV”, “Ngân hàng”**: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  **“Cổ phiếu”**: Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  **“Bản cáo bạch”**: Bản công bố thông tin của BIDV về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của BIDV nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư
-  **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
-  **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
- Các từ hoặc nhóm từ viết tắt được viết trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:
 -  **ALCO** : Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có
 -  **ATM** : Máy rút tiền tự động
 -  **BGD** : Ban Giám đốc
 -  **BKS** : Ban kiểm soát
 -  **BSC** : Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
 -  **CAR** : Hệ số an toàn vốn
 -  **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
 -  **CMND** : Chứng minh nhân dân
 -  **CTCP** : Công ty cổ phần
 -  **DNVVN** : Doanh nghiệp vừa và nhỏ
 -  **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
 -  **ĐKKD** : Đăng ký kinh doanh
 -  **GDP** : Tổng sản phẩm quốc nội
 -  **HĐQT** : Hội đồng quản trị
 -  **NHNN** : Ngân hàng Nhà nước

 ODA	: Viện trợ phát triển chính thức
 UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
 TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
 USD	: Đồng đô la Mỹ
 VAS	: Chuẩn mực kế toán Việt Nam
 VND	: Việt Nam Đồng
 WB	: Ngân hàng Thế giới

PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên Tiếng Anh : Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Tên viết tắt : BIDV
- Mã chứng khoán : BID
- Logo :



- Vốn Điều lệ : 23.011.705.420.000 VND (Hai mươi ba nghìn không trăm mười một tỷ bảy trăm linh năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ trụ sở chính : Tòa nhà BIDV, 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại : 84-4-22205544
- Fax : 84-4-22200399
- Website : www.bidv.com.vn
- : 0100150619
- Đăng ký kinh doanh :

 Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân

viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua 56 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

1: Chặng đường phát triển của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (16 năm).
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.
2001 - 2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (06 năm).
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do WB tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.

2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đấu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
27/04/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.

2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý BIDV được trao tặng thời gian qua:

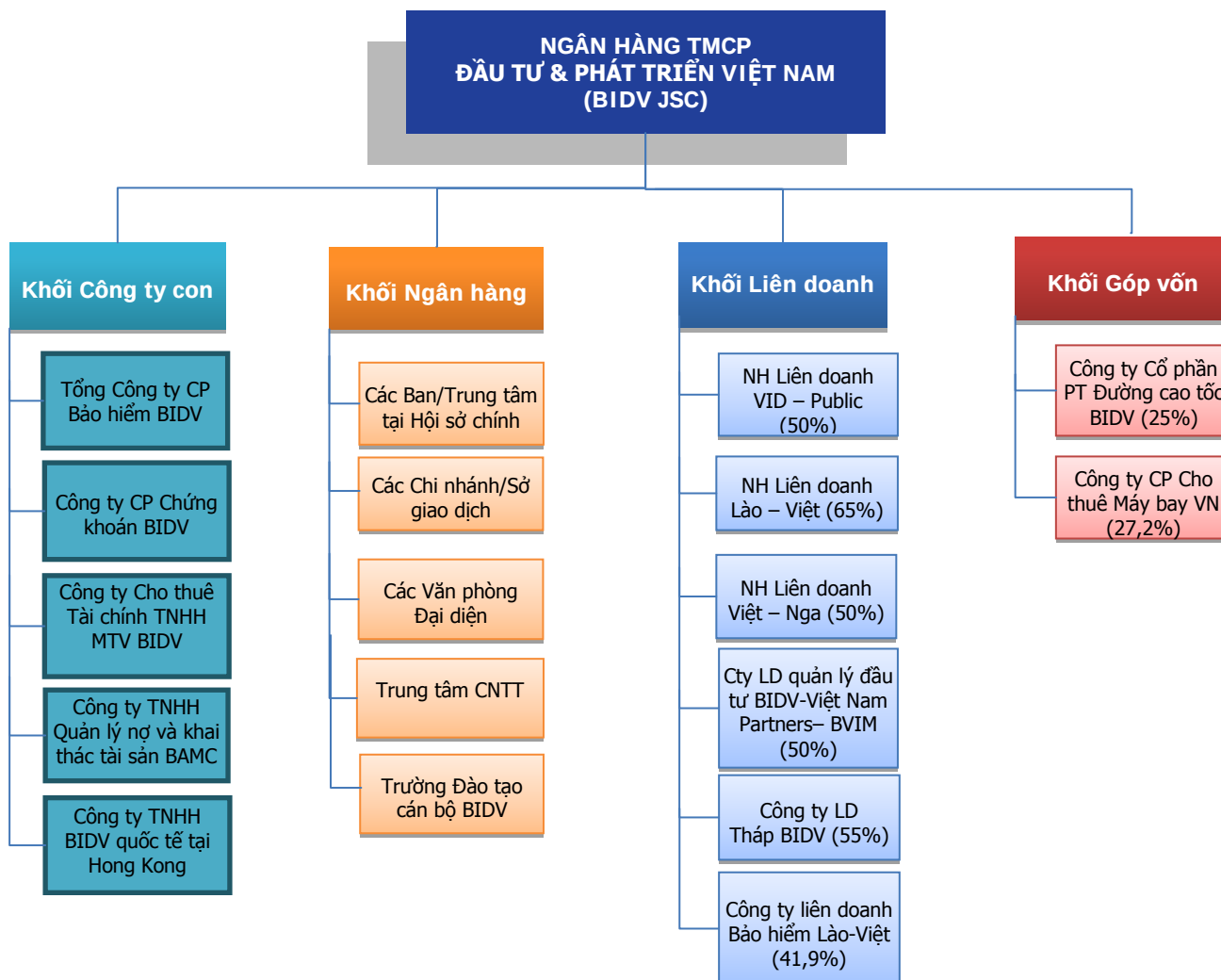
A	Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước.
	Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000).
	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997)
	53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.
	133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân
	79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
	Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV
B	Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào
	Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007)
	Huân chương lao động hạng nhì (2002)
	06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
C	Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia

	Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012)
D	Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế.
	Các giải thưởng của ADFIAP (Hiệp hội các định chế tài chính Phát triển Châu Á-Thái Bình Dương) trao tặng: Tài trợ phát triển giảm nghèo 2004 Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2005 Phát triển kinh tế địa phương 2005
	Các giải thưởng về thanh toán quốc tế “Ngân hàng có chất lượng thanh toán qua SWIFT tốt nhất do AMEX, Bank of New York, Citibank và HSBC trao tặng (2001 – 2005).
	UNDP xếp hạng là 1 trong 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2007).
	Finance Asia xếp BIDV trong top 100 ngân hàng của Châu Á (2007).
	Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ FX tốt nhất do AsiaMoney trao tặng 3 năm liên tiếp (2007, 2008, 2009)
	Giải thưởng “Thương hiệu Mạnh Việt Nam” do Bộ Công Thương, Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (2005, 2006, 2008, 2009).
	“Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010” do HSBC trao tặng
	Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2001 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 do Bộ Tài chính trao tặng.
	Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ huy động vốn tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch vụ tín dụng doanh nghiệp tốt nhất” do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và Báo Vietnamnet tổ chức bình chọn năm 2010.
	Liên tục từ năm 2007 đến nay, BIDV giữ vị trí hàng đầu Vietnam ICT Index (Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin) và nằm trong TOP 10 CIO (lãnh đạo Công nghệ Thông tin) tiêu biểu của Khu vực Đông Dương năm 2009 và Khu vực Đông Nam Á năm 2010.
	Giải Sao khuê 2011 cho sản phẩm phần mềm Cổng thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).
	Giải thưởng “Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011” do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng.
	Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012” do EuroMoney trao tặng.
	Giải thưởng “Ngân hàng của năm - “House of the year” năm 2012 do Asia Risk trao tặng.

3. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

3.1. Cơ cấu tổ chức

1: Cơ cấu tổ chức



Nguồn: BIDV

Tính đến thời điểm 31/03/2013, BIDV có mạng lưới như sau:

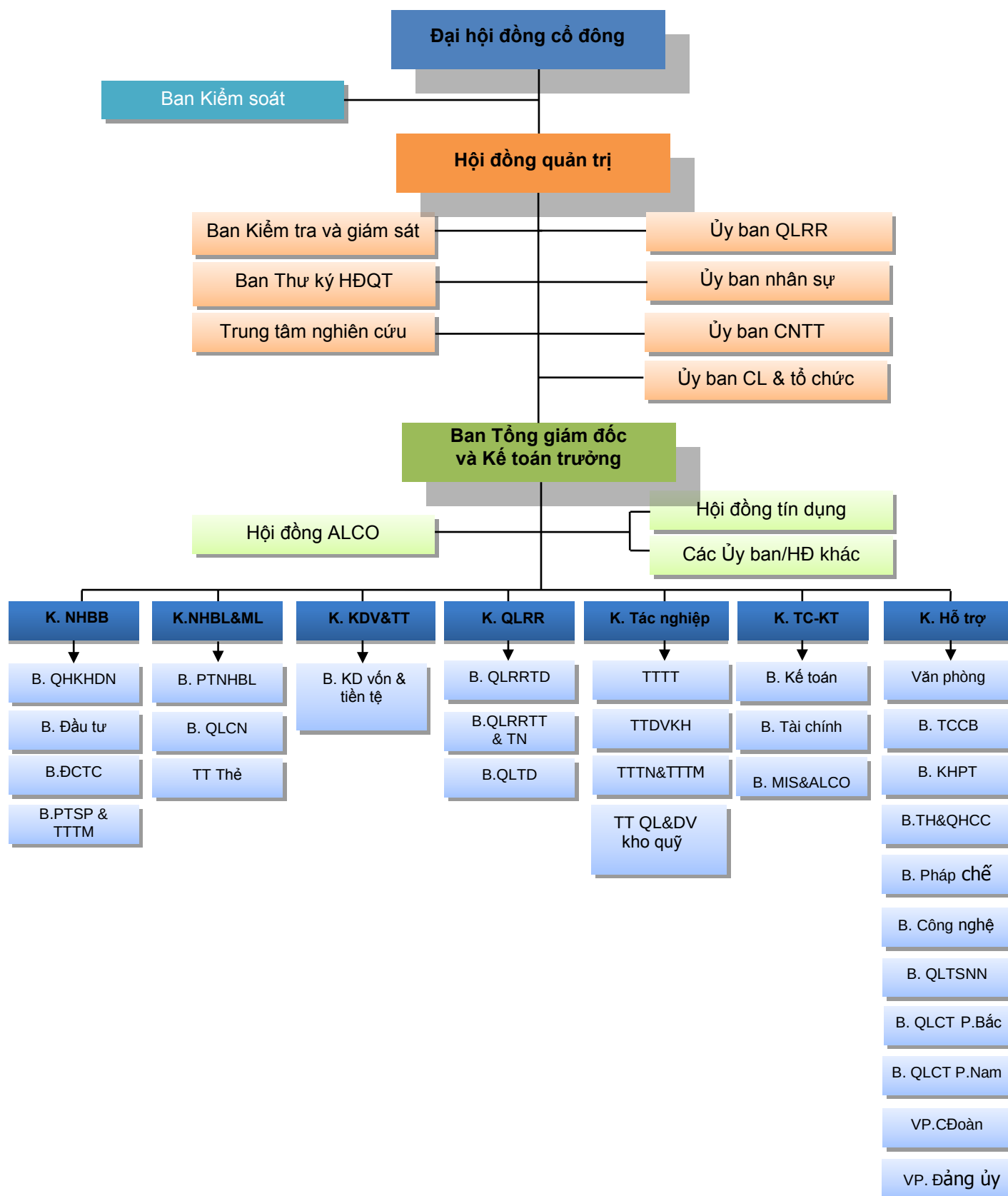
- Khối ngân hàng: Hội sở chính và 117 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch), 437 Phòng giao dịch, 113 Quỹ tiết kiệm, 1.295 máy ATM và trên 4.000 máy POS; Trường đào tạo cán bộ BIDV, Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện: VPĐD tại Tp. Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Myanmar, VPĐD tại Lào, VPĐD tại Séc.
- Khối công ty con: 05 Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC), Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC), , Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC), Công ty TNHH BIDV Quốc tế tại Hong Kong (BIDVI).
- Khối liên doanh: gồm 06 đơn vị liên doanh: Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB), Ngân hàng liên doanh Việt-Nga (VRB), Công ty liên doanh quản lý đầu tư

BIDV-Việt Nam Partners (BVIM), Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI).

- Khối các đơn vị liên kết: Công ty Cổ phần Phát triển Đường cao tốc BIDV (BEDC), Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC).

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

2: Cơ cấu bộ máy quản lý



Nguồn: BIDV

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

Danh sách và sơ yếu lý lịch của thành viên Ban kiểm soát xem tại Mục 13.2

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị BIDV gồm 11 thành viên.

Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị xem tại Mục 13.1

- Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, do Hội đồng Quản trị BIDV bổ nhiệm.

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của BIDV và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Danh sách và sơ yếu lý lịch của thành viên Ban Tổng giám đốc, xem mục 13.3

- Các khối chức năng tại Hội sở chính: Hội sở chính của BIDV được tổ chức theo 7 khối chức năng bao gồm:

 Khối Ngân hàng bán buôn: chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.

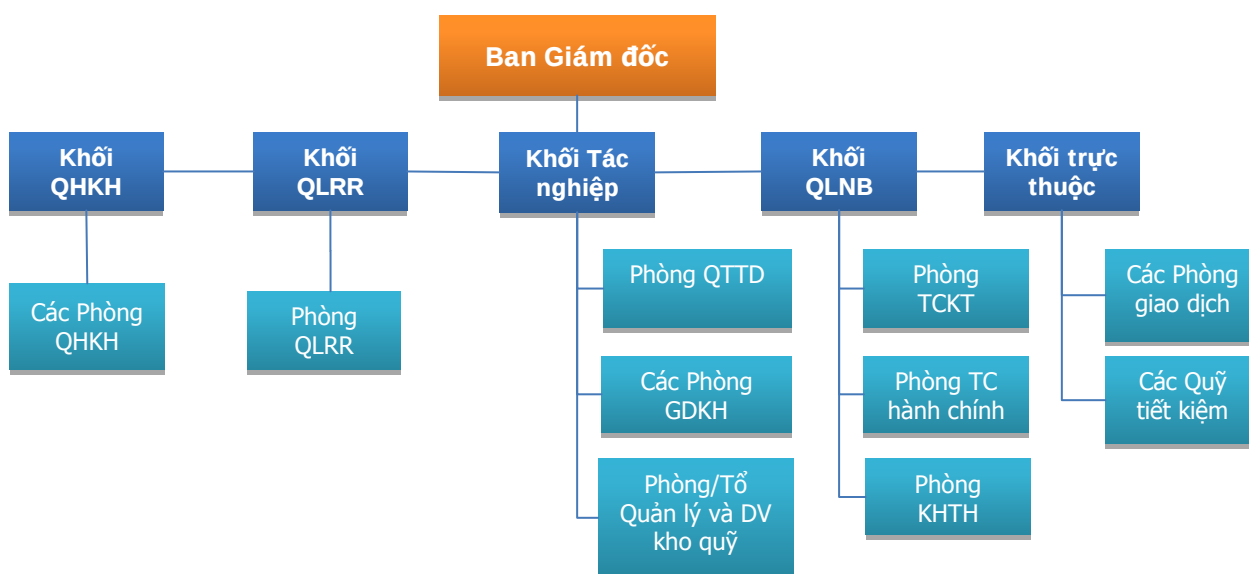
 Khối ngân hàng bán lẻ và mạng lưới: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng cá nhân và hộ gia đình, đồng thời quản lý mạng lưới các kênh phân phối của BIDV.

-  **Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ:** Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
-  **Khối Quản lý rủi ro:** Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.
-  **Khối Tác nghiệp:** Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng và hoạt động tài trợ thương mại.
-  **Khối Tài chính Kế toán:** Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính và kho quỹ, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.
-  **Khối hỗ trợ:** Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

- Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 31/03/2013, BIDV có 117 chi nhánh (bao gồm 01 Sở giao dịch) hoạt động theo mô hình chi nhánh hỗn hợp như hình dưới đây:

3: Mô hình tổ chức chi nhánh



Nguồn: BIDV

Trong thời gian tới, theo khuyến nghị tại Dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn II – TA2 do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, BIDV sẽ tiếp tục triển khai tách bạch các chi nhánh theo mô hình chi nhánh bán buôn hoặc chi nhánh bán lẻ để mang đến dịch vụ tốt hơn cho khách hàng và phù hợp hơn với tầm nhìn dài hạn của BIDV.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của BIDV và những người có liên quan tại thời điểm 31/03/2013

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm giữ 2.203.607.796 cổ phần, tương đương với 95,76% vốn điều lệ của BIDV. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại BIDV.

4.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/03/2013

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Nhà nước	01	2.203.607.796	95,76%
Trong nước, trong đó	17.365	97.436.531	4,234%
<i>Tổ chức</i>	136	25.354.123	1,102%
<i>Cá nhân</i>	17.229	72.082.408	3,132%
Ngoài nước, trong đó	30	126.215	0,006%
<i>Tổ chức</i>	1	44.420	0,002%
<i>Cá nhân</i>	29	81.795	0,004%
Tổng cộng	17.396	2.301.170.542	100%

Nguồn: BIDV

4.3. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 31/03/2013

Không có

5. DANH SÁCH CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

5.1. Công ty mẹ của BIDV

Không có

5.2. Danh sách các công ty con của BIDV tại ngày 31/03/2013

TT	Tên Công ty con	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Quyết định thành lập
1	Công ty cho thuê Tài chính TNHH Một thành viên BIDV (BLC)	447,8 tỷ đồng	100	Cho thuê Tài chính	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100777569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/06/1998, thay đổi lần 11 ngày 22/08/2012.
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC)	865 tỷ đồng	88,12	Chứng khoán	Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2010.
3	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)	660 tỷ đồng	82,3	Bảo hiểm	Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/GPĐC7/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2010.
4	Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC)	30 tỷ đồng	100	Quản lý nợ và Khai thác tài sản	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0101196750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/01/2011.
5	Công ty TNHH BIDV Quốc tế ¹ tại Hồng Kông (BIDVI)	1 USD	100	Quản lý quỹ, tư vấn	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 39283570-000-04-11-A ngày 17/04/2011 tại Hồng Kông và Giấy chứng nhận đầu tư số 111/BKH-ĐTRNN ngày 20/03/2008 của Bộ kế hoạch và Đầu tư.

Nguồn: BIDV

5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với BIDV tại ngày 31/03/2013

TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu
I	Các công ty liên doanh			
1	Ngân hàng liên doanh VID Public Bank (VPB)	62,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng

¹ Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế, việc huy động quỹ đầu tư và triển khai các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, trong năm 2010, BIDVI đã được chuyển sang trạng thái “không hoạt động” theo quy định của pháp luật Hong Kong. BIDVI sẽ xem xét triển khai lại hoạt động khi môi trường hoạt động thuận lợi hơn.

TT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV (%)	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu
2	Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV – Việt Nam Partners (BVIM)	25 tỷ đồng	50	Quản lý quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, nhận ủy thác và quản lý danh mục đầu tư, cung cấp dịch vụ tư vấn liên quan đến tái cơ cấu tài chính, mua bán và sáp nhập
3	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (VRB)	168,5 triệu USD	50	Tài chính Ngân hàng
4	Ngân hàng liên doanh Lào – Việt (LVB)	70 triệu USD	65	Tài chính ngân hàng
5	Công ty liên doanh Tháp BIDV	13,1 triệu USD	55	Xây dựng và cho thuê văn phòng
6	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI)	3 triệu USD	41,9 ²	Bảo hiểm, tài chính
II	Các công ty liên kết			
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)	1.336 tỷ đồng	27,2	Cho thuê máy bay
2	Công ty Cổ phần Phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC) ³	1.500 tỷ đồng	25	Xây dựng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, khu chế xuất

Nguồn: BIDV

5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối BIDV

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

6. QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

BIDV chưa tiến hành tăng vốn điều lệ kể từ thời điểm hoạt động chính thức dưới hình thức ngân hàng cổ phần.

² BIDV (thông qua BIC) góp vốn vào LVI với tỷ lệ là 41,9%.

³ Hiện Thủ tướng Chính phủ đã có thông báo chấp thuận đề xuất của BIDV (thay mặt các cổ đông BEDC) và Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển giao các dự án do BEDC triển khai cho Bộ Giao thông vận tải thực hiện. Hiện quá trình bàn giao dự án đang được thực hiện.

7. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty

Các sản phẩm dịch vụ của BIDV bao gồm:

- Dịch vụ tài khoản
- Dịch vụ huy động vốn
- Dịch vụ cho vay
- Dịch vụ bảo lãnh
- Dịch vụ chiết khấu chứng từ
- Dịch vụ thanh toán quốc tế
- Dịch vụ chuyển tiền
- Dịch vụ thẻ
- Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- Dịch vụ ngân hàng đại lý
- Dịch vụ bao thanh toán
- Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Các thông tin tiêu biểu dưới đây được trích từ các bản báo cáo tài chính hợp nhất (và các thuyết minh cho các báo cáo tài chính) của BIDV theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS cho năm tài chính kết thúc vào 31/12 từ năm 2011 và năm 2012 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ tại 31 tháng 3 năm 2013 do BIDV tự lập.

7.1.1. Hoạt động huy động vốn

Từ năm 2010 trở lại đây, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, thị trường tài chính nói chung và thị trường vốn nói riêng có nhiều biến động phức tạp, đặc biệt là lãi suất. Lạm phát cao và cạnh tranh giữa các TCTD trong nước đã ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của các NHTM nói chung và BIDV nói riêng. Mặc dù vậy, với việc xác định huy động vốn luôn là nhiệm vụ trọng tâm của ngân hàng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng, BIDV vẫn giữ được quy mô nguồn vốn huy động ổn định, chú trọng đảm bảo an toàn thanh khoản và tuân thủ các quy định của NHNN. Tổng nguồn vốn huy động tại 31/12/2012 và 31/03/2013 lần lượt là 399.326 tỷ đồng và 399.667 tỷ đồng, tăng 341 tỷ đồng so với đầu năm. Có được kết quả đó là nhờ BIDV đã áp dụng đồng bộ các biện pháp huy động vốn, phù hợp với từng thời kỳ và tuân thủ đúng quy định của NHNN. Các chiến lược huy động vốn của BIDV như sau:

-  Đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tăng dần tỷ trọng tiền gửi dân cư và đa dạng hoá khách hàng tổ chức, giảm dần tỷ trọng tiền gửi tập trung vào các khách hàng lớn, tăng dần độ ổn định của nguồn vốn huy động.

-  Tích cực đẩy mạnh các kênh huy động vốn dài hạn như: phát hành giấy tờ có giá dài hạn, vay thương mại định chế tài chính nước ngoài, vay qua hiệp định khung, vay cơ cấu vốn trung dài hạn bằng đối ứng tiền gửi ngắn hạn.
-  Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế, bộ ngành Chính phủ để tiếp nhận các nguồn vốn ODA, nguồn vay thương mại của Chính phủ đối với các tổ chức tài chính quốc tế và tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn trên thị trường tài chính quốc tế.
-  Điều hành chính sách lãi suất linh hoạt, phù hợp với thị trường, tuân thủ quy định của NHNN theo từng thời kỳ.
-  Phát triển các sản phẩm huy động đa dạng, linh hoạt về thời gian, lãi suất đáp ứng nhu cầu theo từng đối tượng khách hàng cá nhân, tổ chức doanh nghiệp trên cơ sở phân tích nhu cầu và quy mô của thị trường, phối hợp với các bộ phận khác phát triển sản phẩm thẻ, dịch vụ tăng cường khả năng huy động vốn.
-  Tích cực hoàn thiện hệ thống sản phẩm dịch vụ theo hướng chuẩn hoá, tăng tiện ích, đa dạng theo ngành nghề và địa bàn kinh doanh của khách hàng gắn với Quản trị rủi ro.
-  Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh vốn trên thị trường.

Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:

-  Tiền gửi và vay từ NHNN và Bộ tài chính
-  Tiền gửi và vay các TCTD khác
-  Tiền gửi của khách hàng
-  Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn⁴
-  Tiền vay BHXH

3: Nguồn vốn huy động giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011		2012		31/03/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay từ	26.799	8%	11.430	3%	8.751	2%

⁴ Trái phiếu tăng vốn - giấy tờ có giá có kỳ hạn trên 10 năm, Tiền vay bảo hiểm xã hội là nguồn vốn huy động khá ổn định của BIDV

Chỉ tiêu	2011		2012		31/03/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chính phủ và NHNN						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	35.704	10%	39.550	10%	39.764	10%
Tiền gửi của khách hàng	240.507	73%	303.060	76%	320.039	80%
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	8.938	3%	28.506	7%	16.833	4%
Tiền vay bảo hiểm xã hội	18.630	6%	16.780	4%	14.280	4%
Tổng cộng	330.578	100%	399.326	100%	399.667	100%

Nguồn: BIDV

Tại thời điểm 31/12/2012, tổng nguồn vốn huy động của BIDV đạt 399.326 tỷ đồng, tăng 20,8% so với năm 2011 vượt xa mức tăng trưởng năm 2011 9,65% do BIDV đã nỗ lực gia tăng nguồn vốn thông qua các biện pháp marketing, chiến lược sản phẩm và khách hàng phù hợp của BIDV. Đến 31/03/2013, tổng nguồn vốn huy động của BIDV đạt 399.667 tỷ đồng tăng nhẹ 341 tỷ đồng, tương ứng với 0,09% so với đầu năm, trong đó cơ cấu nguồn vốn huy động đã có cải thiện lớn theo hướng tăng tỷ trọng tiền gửi của khách hàng từ 76% năm 2012 lên 80% Quý I/2013.

Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, trung bình đạt tỷ trọng 76,5% trong giai đoạn 2011 – 31/03/2013, duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định hàng năm.

4: Cơ cấu tiền gửi khách hàng giai đoạn 2011 – 31/03/2013

TT	Khoản mục	2011	2012	31/03/2013
	Tổng tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)	240.507	303.060	320.039
1	Phân theo khách hàng (%)			
	Dân cư	53,6%	57,94%	57,52%

TT	Khoản mục	2011	2012	31/03/2013
	Tổ chức kinh tế, đối tượng khác	46,4%	42,06%	42,48%
2	Phân theo kỳ hạn (%)			
	Không kỳ hạn ⁵	16,6%	17,61%	12,08%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	1,6%	0,94%	0,91%
	Có kỳ hạn	81,8%	81,44%	87,01%
3	Phân theo loại tiền (%)			
	VND	86,2%	91,24%	91,84%
	Ngoại tệ	13,8%	8,76%	8,16%

Nguồn: BIDV

Tỷ trọng tiền gửi khách hàng dân cư trong Tổng tiền gửi khách hàng tăng dần từ 39,6% năm 2009 lên 57,52% tại 31/03/2013. Điều này thể hiện BIDV đang thực hiện thành công chiến lược thu hút vốn theo hướng đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ, chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng phát triển các khách hàng mới là DNVVN, khách hàng cá nhân.

Tỷ trọng huy động vốn của nhóm tổ chức kinh tế và đối tượng khác trong Tổng tiền gửi khách hàng có xu hướng giảm dần do các doanh nghiệp có xu hướng tận dụng nguồn tiền mặt nhàn rỗi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Huy động tiền gửi khách hàng chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn với tỷ trọng tăng dần qua các năm từ 71,9% năm 2009 lên 81,44% vào năm 2012 và 87,01% vào 31/03/2013.

5: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Không kỳ hạn	39.862	53.246	38.647
Tiền gửi vốn chuyên dùng	3.870	2.858	2.926
Có kỳ hạn	196.775	246.956	278.466
Tổng	240.507	303.060	320.039

Nguồn: BIDV

⁵ Bao gồm khoản mục Tiền gửi không kỳ hạn và Tiền gửi ký quỹ

Tỷ trọng tiền gửi nội tệ gia tăng qua các năm (năm 2009 chiếm 80,1% đến 31/03/2013 chiếm 91,84% tổng giá trị Tiền gửi của khách hàng). Trong khi tiền gửi ngoại tệ giảm cả về quy mô lẫn tỷ trọng do thực hiện chính sách chống đô la hóa của NHNN như duy trì lãi suất tiền gửi USD thấp, chính sách kết hối...

6: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
VND	207.317	276.512	293.918
Ngoại tệ	33.190	26.548	26.121
Tổng	240.507	303.060	320.039

Nguồn: BIDV

7.1.2. Hoạt động tín dụng

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Đến cuối năm 2012, BIDV có tổng dư nợ tín dụng đạt 339.923 tỷ đồng (bao gồm cho vay bằng nguồn vốn ODA, ủy thác), tại thời điểm 31/03/2013 là 344.893 tỷ đồng. Đây là năm thứ ba liên tiếp, BIDV là một trong hai ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Hoạt động tín dụng cũng là hoạt động thu lãi rất quan trọng trong tổng doanh thu của BIDV.

Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng

Giai đoạn 2009 – 2012, tăng trưởng tín dụng bình quân của BIDV là 20,6%, thấp hơn so với toàn ngành ngân hàng là 22,4%⁶ do mục tiêu của BIDV giai đoạn này là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, cơ cấu lại nền khách hàng và chuyển dịch cơ cấu tín dụng. Năm 2013, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô góp phần kiềm chế lạm phát, triển khai các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, BIDV đã thực hiện nhiều biện pháp để kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng. Dư nợ tín dụng tại 31/03/2013 tăng trưởng 1,48% so với thời điểm 31/12/2012 cao hơn so với bình quân chung toàn ngành. Tăng trưởng tín dụng BIDV được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng, tập trung ưu tiên vốn cho sản xuất và xuất khẩu, các công trình trọng điểm quốc gia, hỗ trợ phát triển các DNVVN và công nghiệp hỗ trợ, được kiểm soát theo đúng chỉ đạo kế hoạch tăng trưởng tín dụng của HĐQT BIDV và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

⁶ Nguồn: Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia

7: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011		2012		31/03/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	161.960	55,10%	190.034	55,91%	191.439	55,51%
Nợ trung hạn	35.673	12,10%	40.614	11,95%	41.818	12,12%
Nợ dài hạn	96.304	32,80%	109.275	32,15%	111.636	32,37%
Tổng	293.937	100%	339.923	100%	344.893	100%

Nguồn: BIDV

Cơ cấu tín dụng

BIDV đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tích cực, thông qua việc xây dựng nền khách hàng vững chắc, ưu tiên hướng vào thị trường mới là khối khách hàng cá nhân, DN-VN; thực hiện đa dạng hoá hơn nữa danh mục tín dụng theo ngành nghề, chú trọng vào các ngành có tiềm năng phát triển dài hạn, hạn chế cho vay những ngành có rủi ro cao, đồng thời tăng cường cho vay đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

Tỷ trọng cho vay đối tượng ngoài nhà nước tăng dần, từ 69% năm 2011 tới 72% tại 31/03/2013.

BIDV cũng thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu hướng tới hoạt động ngân hàng bán lẻ. Dư nợ tín dụng bán lẻ đã có mức tăng trưởng tốt từ năm 2011. Tỷ trọng cho vay đối với khách hàng cá nhân tăng từ 13% năm 2011 lên 13,5% tại 31/03/2013, hướng tới mục tiêu tăng dần tỷ trọng này trong các năm tiếp theo.

BIDV xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

8: Dư nợ tín dụng theo loại hình doanh nghiệp giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Cá nhân	38.326	47.437	46.797

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Doanh nghiệp Nhà nước ⁷	91.192	91.477	95.228
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	8.720	8.391	8.384
Doanh nghiệp ngoài nhà nước và các tổ chức khác	155.318	191.351	194.146
Cho vay khác và kinh tế tập thể	381	1.267	338
Tổng cộng	293.937	339.923	344.893

Nguồn: BIDV

9: Dư nợ tín dụng theo ngành nghề giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2011		2012		31/03/2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Xây dựng	42.612	14%	42.861	13%	41.498	12%
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	27.621	9%	42.617	13%	43.861	13%
3	Công nghiệp chế biến	75.275	26%	74.674	22%	74.757	22%
4	Công nghiệp khai thác mỏ	7.981	3%	10.098	3%	10.410	3%
5	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	13.090	4%	18.142	5%	17.279	5%
6	Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ..., đồ dùng cá nhân và gia đình	58.977	20%	67.884	20%	70.505	20%
7	Khách sạn, nhà hàng	2.377	1%	10.173	3%	10.645	3%
8	Ngành khác	66.004	22%	73.474	21%	75.938	22%
	Tổng cộng	293.937	100%	339.923	100%	344.893	100%

Nguồn: BIDV

Chất lượng tín dụng

BIDV là ngân hàng đầu tiên được NHNN chấp thuận việc áp dụng phân loại nợ theo Điều 7, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. BIDV đã xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

⁷ Bao gồm Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương, Doanh nghiệp Nhà nước địa phương, Công ty TNHH Nhà nước, CTCP Nhà nước

(Internal Credit Rating System - ICRS) để xếp hạng khách hàng làm cơ sở phân loại nợ theo thông lệ quốc tế. Đây là phương thức phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính kết hợp với định lượng tiệm cận với thông lệ quốc tế, góp phần đánh giá thực chất hơn chất lượng tín dụng, kiểm soát được nợ xấu, có biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Mặc dù suy thoái kinh tế ảnh hưởng nhiều đến tình hình tài chính của khách hàng và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, song chất lượng tín dụng của BIDV luôn được kiểm soát tốt. Năm 2013, BIDV tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng theo thông lệ quốc tế với các biện pháp giảm nợ xấu được tăng cường một cách hiệu quả. Thời điểm 31/3/2013, tỷ lệ này là 2,99%. Đặc biệt, trong cơ cấu tổng dư nợ tín dụng của BIDV, 87,18% thuộc nhóm Nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý giảm chỉ còn mức 9,83%.

10: Phân loại nợ giai đoạn 2011 – 31/03/2013⁸

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011		2012		31/03/2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	233.766	85,22%	273.615	87,09%	277.705	87,18%
Nợ cần chú ý	32.415	11,82%	31.383	9,99%	31.298	9,83%
Nợ dưới tiêu chuẩn	5.244	1,91%	5.857	1,86%	5.459	1,71%
Nợ nghi ngờ	420	0,15%	825	0,26%	931	0,29%
Nợ có khả năng mất vốn	2.458	0,90%	2.479	0,79%	3.139	0,99%
Tổng cộng	274.303	100%	314.159	100	318.533	100
Tỷ lệ nợ xấu		2,96%		2,91%		2,99%

Nguồn: BIDV

BIDV thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 của Ngân hàng Nhà nước và theo Chính sách của BIDV.

⁸ Số liệu không bao gồm giá trị cho vay bằng vốn ODA và cho vay ủy thác.

BIDV đang hoàn thiện chính sách tín dụng theo thông lệ quốc tế Basel 2 và đảm bảo phương hướng phù hợp với Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN Việt Nam v/v Quy định phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài ngay sau khi NHNN cho phép thực hiện. Bên cạnh đó, BIDV đang xây dựng các chương trình dự án liên quan đến quản lý chất lượng tín dụng (như hệ thống khoản vay, xếp hạng tín dụng nội bộ...)

11: Dự quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2011	3.865	1.992	5.857
31/12/2012	3.603	2.311	5.914
31/03/2013	4.462	2.285	6.747

Nguồn: BIDV

Về chính sách trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, xem Phần 4, mục 7.3.2

 Chính sách tín dụng

Chính sách tín dụng của BIDV được xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh của BIDV với mục tiêu kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Chính sách tín dụng được xây dựng theo đối tượng khách hàng như khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và định chế tài chính. Thêm vào đó, BIDV xây dựng những chính sách riêng dành cho đối tượng khách hàng đặc thù như các DNVVN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, các khách hàng lớn, khách hàng chiến lược...

BIDV đã ban hành và thường xuyên bổ sung chỉnh sửa các cơ chế, quy trình, quy định tín dụng, sổ tay tín dụng để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường. Bên cạnh đó, với mục đích tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa ngân hàng với khách hàng, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng gắn với hiệu quả trong hoạt động tín dụng, BIDV đã hoàn thiện, cập nhật đầy đủ hệ thống các văn bản, chính sách quy định cụ thể tiếp thị khách hàng, cấp tín dụng, lãi suất, bảo đảm tiền vay, dịch vụ, phí dịch vụ, tiền gửi.

 Tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động tín dụng dành cho doanh nghiệp luôn được coi là hoạt động trọng tâm của BIDV. Trong giai đoạn từ 2006 đến nay, nền khách hàng doanh nghiệp ngày càng được mở rộng.

Đến thời điểm 31/12/2012, tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp tại BIDV là 11.676 khách hàng với mức dư nợ là 292.486 tỷ đồng. Tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp tại BIDV thời điểm 31/03/2013 là 13.122 khách hàng với dư nợ là 298.096 tỷ đồng. BIDV đang gia tăng quan hệ với các DNVVN có tình hình hoạt động kinh doanh tốt, khẳng định vai trò là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các DNVVN.

Tín dụng bán lẻ

Trong giai đoạn 2006 - 2011, BIDV thuộc nhóm 5 NHTM có dư nợ tín dụng bán lẻ lớn nhất trong hệ thống ngân hàng. Quy mô dư nợ tín dụng bán lẻ tăng mạnh từ 10.003 tỷ đồng năm 2006 lên đến 47.437 tỷ đồng năm 2012, như vậy sau 6 năm dư nợ tín dụng cá nhân đã tăng gấp hơn 4,7 lần. Dư nợ tín dụng bán lẻ đến thời điểm 31/3/2013 đạt 46.797 tỷ đồng.

7.1.3. Hoạt động dịch vụ

Bên cạnh hai hoạt động chính là huy động vốn và tín dụng, BIDV luôn chú trọng đầu tư và phát triển hoạt động dịch vụ, thu dịch vụ ròng giai đoạn 2009 – 2012 của BIDV tăng trưởng bình quân 21%/ năm liên tục nhiều năm giữ vị trí dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam về thu dịch vụ ròng. Tỷ lệ thu dịch vụ ròng/ Tổng thu nhập hoạt động giai đoạn 2009 – 2012 duy trì ổn định ở mức 13%- 14%.

12: Thu nhập hoạt động dịch vụ giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
- Thu từ hoạt động thanh toán	911.957	830.148	207.133
- Thu từ hoạt động bảo lãnh	816.832	786.945	195.868
- Thu từ hoạt động ngân quỹ	39.527	26.550	6.653
- Thu từ hoạt động đại lý ủy thác	34.522	82.425	20.354
- Thu từ hoạt động bảo hiểm và thu dịch vụ khác	1.010.582	1.025.719	237.490
Tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.813.420	2.751.787	667.498
Chi phí hoạt động dịch vụ	(656.215)	(615.925)	(152.556)
Thu dịch vụ ròng	2.157.205	2.135.862	514.942

Nguồn: BIDV

 Hoạt động thanh toán

Dịch vụ thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế) là mảng hoạt động đóng góp nhiều nhất vào tổng thu dịch vụ BIDV năm 2012 với hơn 830 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 30,1%.

- **Dịch vụ Thanh toán trong nước**

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia tất cả các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), thanh toán bù trừ, BIDV còn chủ động kết nối thanh toán song phương với 6 đối tác và kết nối thanh toán đa phương với 12 đối tác là các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính. BIDV là ngân hàng chỉ định thanh toán cho thị trường chứng khoán Việt Nam và cũng là ngân hàng quyết toán duy nhất cho các giao dịch nội địa thẻ Master tại Việt Nam. Để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internetbanking và Mobile banking.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, BIDV ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế và triển khai các sản phẩm dịch vụ thanh toán hiện đại đáp ứng nhu cầu quản lý dòng tiền hiệu quả của từng đối tượng khách hàng. Các sản phẩm dịch vụ này không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận danh hiệu như: giải thưởng Ngân hàng cung cấp giải pháp Quản lý tiền tệ tốt nhất do Tạp chí Asia Money bình chọn, Top 10 Sản phẩm Vàng với sản phẩm Thu chi hộ điện tử và danh hiệu Nhân tài đất Việt năm 2012 cho hệ thống công nghệ BIDV@Securities dành cho các Công ty chứng khoán. Đây cũng chính là nhóm các sản phẩm tiềm năng sẽ phát triển trong thời gian tới.

- **Dịch vụ thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại**

Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại của BIDV tiếp tục được củng cố và phát triển với mạng lưới hơn 1.600 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với gần 50 ngân hàng trên toàn thế giới đã mang lại khả năng thanh toán trên 120 loại ngoại tệ khác nhau với tốc độ xử lý nhanh chóng chính xác, thanh toán hiệu lực trong ngày tại thị trường Châu Á.

Với những nỗ lực trong hoạt động tài trợ thương mại, BIDV được nhận Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012 - Best local trade finance provider in Vietnam” do tạp chí EuroMoney trao tặng.

BIDV cung cấp đầy đủ các dịch vụ thanh toán quốc tế (L/C, nhờ thu, chuyển tiền điện, CAD, thanh toán biên mậu,...) và tài trợ thương mại (chiết khấu có truy đòi, chiết khấu miễn truy đòi, bao thanh toán XNK,...) theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Ngoài ra, BIDV đã chú trọng

phát triển các sản phẩm, gói sản phẩm đặc thù nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng như: tài trợ nhập khẩu đảm bảo bằng lô hàng nhập; tài trợ nhập khẩu bằng vốn vay nước ngoài theo hợp đồng khung (Chương trình nhập khẩu nông sản Mỹ theo GSM 102), gói thanh toán xuất khẩu BIDV Export Pack 2011.

Để tiếp tục duy trì thị phần, khả năng cạnh tranh trong hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, đặc biệt là hỗ trợ khách hàng xuất khẩu vượt qua giai đoạn kinh tế khó khăn, những năm qua, BIDV liên tục triển khai các gói tín dụng ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động xuất nhập khẩu với quy mô từ 2.000-5.000 tỷ đồng, tập trung cho các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu; các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo, gỗ, thủy sản, cà phê, cao su, dệt may, nông sản; các chương trình thu mua tạm trữ nông sản như tạm trữ lúa các vụ Đông Xuân - Hè Thu trong năm 2012.

13: Kết quả hoạt động thanh toán giai đoạn 2011 đến 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Thu từ dịch vụ thanh toán (triệu đồng)	911.957	830.148	207.133
Thanh toán trong nước			
Số lượng giao dịch (triệu)	6,7	9,4	2,5
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	4.977	5.660	1.496
Thanh toán quốc tế và TTTM			
Doanh số thanh toán XNK (tỷ USD)	5,05	5,36	1,18
Thu phí tài trợ thương mại (tỷ VND)	269,5	237,6	58,7

Nguồn: BIDV

Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh (đặc biệt là bảo lãnh trong nước) là thế mạnh của BIDV, năm 2012, BIDV tiếp tục khẳng định ưu thế và vị trí dẫn đầu thị trường trong hoạt động này. Bên cạnh các sản phẩm bảo lãnh trong nước gắn liền với thương hiệu của BIDV trong lĩnh vực xây dựng, BIDV tích cực phát triển các loại hình bảo lãnh quốc tế, các loại hình bảo lãnh mới với hàm lượng công nghệ cao như bảo lãnh thanh toán thuế xuất nhập khẩu online (BIDV là 1 trong 2 ngân hàng đầu tiên triển khai dịch vụ này).

Năm 2012, hoạt động bảo lãnh đóng góp nguồn thu lớn thứ 2 chiếm tỷ trọng 28,6% trong tổng thu dịch vụ của BIDV với 786,9 tỷ đồng, trong đó, tập trung chủ yếu ở bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thanh toán.

14: Kết quả hoạt động bảo lãnh giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Số dư bảo lãnh (tỷ đồng)	43.256	45.514	43.244
Thu phí bảo lãnh (tỷ đồng)	816,8	786,9	195,9

Nguồn: BIDV

 Hoạt động kinh doanh thẻ

Với mục tiêu trở thành nhà cung cấp dịch vụ ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt nam, BIDV đã và đang đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong đó có dịch vụ thẻ. Các sản phẩm dịch vụ thẻ đã được phát triển mạnh mẽ và đa dạng.

Về sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa, BIDV hiện phát hành ba nhãn hiệu thẻ BIDV Etrans, BIDV Harmony và BIDV Moving và các sản phẩm thẻ sinh viên, thẻ liên kết, thẻ đồng thương hiệu. Bên cạnh các tính năng tiện ích cơ bản, sản phẩm thẻ ghi nợ nội địa của BIDV còn mang lại cho khách hàng nhiều dịch vụ giá trị gia tăng như nạp tiền điện thoại, thanh toán vé máy bay, phí bảo hiểm, thanh toán hóa đơn tiền điện, điện thoại,... qua ATM và thanh toán trực tuyến. Nguồn khách hàng của BIDV tương đối ổn định và tăng trưởng đều qua các năm, với tốc độ bình quân 39%/năm. Đến hết 31/03/2013, số lượng thẻ ghi nợ do BIDV đã phát hành đạt 5.091.616 thẻ, chiếm 9,8% thị phần (đứng thứ 5 trong số các NHTM tại Việt Nam).

Về sản phẩm thẻ tín dụng, BIDV đã triển khai dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế VISA từ cuối năm 2008. Mặc dù ra mắt thị trường sau một số ngân hàng khác, song sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế BIDV với lợi thế cạnh tranh về chính sách phí cũng như chất lượng dịch vụ ổn định, đã dần được thị trường đón nhận. Với 02 nhãn hiệu thẻ BIDV Precious (Visa Gold) và BIDV Flexi (Visa Classic), đến hết 31/03/2013, BIDV đã phát hành 55.556 thẻ tín dụng, chiếm 3,4% thị phần (đứng thứ 6 toàn ngành).

Trong năm 2013, BIDV chính thức ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng quốc tế Master Card Platinum, thẻ ghi nợ quốc tế BIDV Ready và thẻ đồng thương hiệu BIDV Manchester United.

Bên cạnh việc phát triển mạng lưới chấp nhận thẻ của mình, BIDV còn tham gia kết nối với trên 40 ngân hàng thuộc Liên minh Banknet, SmartLink và VNBC, 3 liên minh thẻ lớn nhất tại Việt Nam. Theo đó, khách hàng là chủ thẻ BIDV có thể thực hiện giao dịch tại hơn 7.000 ATM và 32.000 POS của các ngân hàng trên toàn quốc.

15: Hoạt động kinh doanh thẻ giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Số lượng thẻ ghi nợ	3.543.044	4.874.762	5.091.616
Số lượng thẻ tín dụng	32.381	51.753	55.556
POS	6.189	7.151	4.383
Số máy ATM	1.295	1.295	1.295

Nguồn: BIDV

Mạng lưới ATM và POS của BIDV từ năm 2009 đến nay cũng liên tục được mở rộng và phủ khắp 63 tỉnh thành của cả nước. Đến hết 31/03/2013, BIDV đã có gần 1.300 ATM và trên 4.000 POS trên toàn hệ thống. Trong năm 2013, BIDV tiếp tục có kế hoạch mở rộng mạng lưới ATM/POS của mình nhằm phục vụ tối đa nhu cầu sử dụng thẻ của khách hàng.

 Hoạt động ngân hàng đại lý và dự án Tài chính nông thôn

Hoạt động ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có uy tín, nhiều kinh nghiệm, chuyên nghiệp trong quản lý, giải ngân các nguồn vốn ODA với phần lớn hoạt động này được triển khai tại Sở Giao dịch III. Trong thời gian qua, BIDV đã được 15 nhà tài trợ quốc tế và các Bộ/ Ngành tin tưởng giao là cơ quan cho vay lại gần 300 chương trình/dự án với tổng dư nợ cho vay ủy thác (nguồn vốn mà BIDV không phải chịu rủi ro tín dụng) tính đến 31/03/2013 do Sở Giao dịch III quản lý là 29.008 tỷ đồng, trong đó số vốn do Sở Giao dịch III trực tiếp cho vay lại là 25.215 tỷ đồng và cho vay qua chi nhánh là 3.793 tỷ đồng. Thu nhập từ hoạt động ngân hàng đại lý tăng trưởng nhanh trong hai năm qua, với mức tăng trung bình là 65%/năm. Tính đến 31/03/2013, phí đại lý ủy thác Sở giao dịch 3 đã thu được đạt 11,53 tỷ đồng.

Dự án Tài chính nông thôn

BIDV tiếp nhận nguồn vốn trong khuôn khổ Dự án Tài chính Nông thôn từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính. Các nguồn vốn này sau đó được giải ngân đến các định chế tài chính, từ đó cho vay đến các hộ gia đình, doanh nghiệp nhằm mục đích phát triển các cộng đồng nông thôn và xóa đói giảm nghèo. Trên báo cáo tài chính đã kiểm toán, các khoản vay này thuộc phần Cho vay các ngân hàng khác.

BIDV chịu trách nhiệm thực hiện Dự án, trong đó bao gồm quản lý tài chính các Dự án Tài chính Nông thôn I, II và III. Các công việc gồm có quản lý nguồn vốn, đánh giá và lựa chọn các định chế tham gia dự án (các PFI), cấp hạn mức tín dụng cho các PFI, giải ngân và thu hồi nợ, giám sát, nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng một cách hiệu quả và đúng mục

đích, kiểm tra tác động của các tiểu dự án đối với môi trường, quản lý và đánh giá tiến độ thực hiện dự án. BIDV chịu rủi ro tín dụng ở cấp độ của các PFI.

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, BIDV chịu sự giám sát chặt chẽ của WB và các cơ quan quản lý nguồn vốn ODA của Chính phủ. Theo như đánh giá của WB, BIDV đã thực hiện rất tốt vai trò quản lý Dự án Tài chính Nông thôn, thực hiện đánh giá rủi ro tín dụng của các PFI với tính chuyên nghiệp cao, nỗ lực để đảm bảo các dự án mà PFI cấp vốn đều phù hợp với các mục tiêu của dự án, đồng thời BIDV đã đáp ứng tất cả các chỉ tiêu giải ngân và quản lý dự án tuân thủ với các hướng dẫn và yêu cầu của WB. Tất cả các báo cáo kiểm toán liên quan đến dự án đều không có điểm ngoại trừ và hệ thống quản lý tài chính đều được đánh giá là ổn định vững chắc.

16: Tình hình quản lý các Dự án Tài chính Nông thôn của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Tổng số các PFI đã được lựa chọn cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (đơn vị)	34	37	37
Tổng hạn mức tín dụng đã cấp cho 03 dự án Tài chính Nông thôn I, II, III (tỷ đồng)	7.494	7.876	7.926
Tổng thu lãi (tỷ đồng)	713	703	96

Nguồn: BIDV

Đến thời điểm 31/03/2013, dư nợ các Dự án TCNT I, II và III đạt 6.154 tỷ đồng, tỷ trọng sử dụng hạn mức (dư nợ trên tổng hạn mức tín dụng đã cấp) là 78%, thu lãi đạt 96 tỷ đồng.

Dịch vụ tư vấn thu xếp và phát hành trái phiếu

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của thị trường vốn, dịch vụ tư vấn và phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã phát triển mạnh. Với mạng lưới rộng khắp, nền khách hàng lớn, với kinh nghiệm và uy tín trong thị trường vốn trung và dài hạn cũng như kêu gọi dự án, BIDV trở thành một trong những nhà tư vấn thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thị trường trái phiếu Việt Nam. Từ năm 2007 đến hết 31/03/2013, BIDV đã tư vấn thành công 25 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị đạt gần 19.000 tỷ đồng trong đó bao gồm các doanh nghiệp như Vinaconex, Vincom, Vinpearl, Hoàng Anh Gia Lai và HUD.

7.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại tệ và phái sinh của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất trong 3 năm liên tiếp 2007, 2008 và 2009 do các

Ngân hàng và Định chế Tài chính bình chọn trên Tạp chí Asian Money; Giải thưởng Giao dịch tốt nhất Việt Nam 2009 do tạp chí The Asset trao tặng năm 2009; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

 Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ đối với trên 100 loại tiền tệ khác nhau thông qua các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân,...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

Giai đoạn 2009-2011, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ liên tục tăng trưởng với mức tăng bình quân 23,5%/năm. Bước sang năm 2012, BIDV tiếp tục duy trì được kết quả kinh doanh ngoại tệ tích cực với lợi nhuận thu được 329,8 tỷ đồng, tăng 4.9% so với năm 2011. Kết thúc quý I/2013, BIDV đã thu được khoản lợi nhuận 40,6 tỷ đồng từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong bối cảnh thị trường gặp nhiều khó khăn.

17: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Thu nhập từ hoạt động KD ngoại hối	905,7	697,8	244,5
Chi phí hoạt động KD ngoại hối	(591,3)	(367,8)	(203,9)
Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối	314,4	330	40,6

Nguồn: BIDV

 Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Tổng doanh số giao dịch phái sinh lũy

kế đạt xấp xỉ 1,8 tỷ USD kể từ năm 2007 đến 31/03/2013, tương đương với 37.809 tỷ đồng. BIDV là một trong hai ngân hàng có thị phần phái sinh hàng hóa lớn nhất trên thị trường, có quan hệ đối tác và phát sinh giao dịch thực tế với hầu hết các định chế tài chính trên thị trường, là cầu nối giúp thị trường hoạt động thông

trong thời gian qua, năm 2012, BIDV vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng của năm - “House of the year” năm 2012 do Asia Risk trao tặng. Đây là giải thưởng thường niên trao cho các tổ chức, định chế tài chính xuất sắc nhất tại các quốc gia trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương trong lĩnh vực quản trị rủi ro và kinh doanh sản phẩm phái sinh.

7.1.5. Hoạt động góp vốn và đầu tư chứng khoán

Hoạt động góp vốn

Hoạt động đầu tư góp vốn của BIDV chủ yếu là tập trung trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính. Bắt đầu thực hiện từ những năm 1990, đến nay, các hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết của BIDV ngày càng được mở rộng và tăng trưởng. BIDV hiện đang góp vốn vào 05 công ty con (trong đó, 03 công ty con BIDV nắm giữ 100% vốn, 02 công ty con BIDV nắm trên 80% vốn) và 06 công ty liên doanh, 02 công ty liên kết.

Bên cạnh đó, đối với các khoản đầu tư khác, mục tiêu đầu tư của BIDV là đầu tư dài hạn, thông qua việc góp vốn thành lập công ty với tư cách là cổ đông sáng lập để triển khai các dự án trong lĩnh vực năng lượng, bất động sản, viễn thông, hàng không, tài nguyên - khoáng sản..., tham gia là cổ đông chiến lược, mua cổ phần tại các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa.

Thông qua các hoạt động đầu tư, BIDV đang nỗ lực triển khai mở rộng, phát triển hoạt động kinh doanh và tăng cường khả năng cạnh tranh của mình bằng cách tập trung ưu tiên hàng đầu vào hoạt động đầu tư cho các lĩnh vực mà BIDV có lợi thế, đặc biệt là cung cấp các dịch vụ tài chính phi ngân hàng như bảo hiểm, chứng khoán, cho thuê tài chính, quản lý tài sản... Ngoài ra, BIDV còn cung cấp dịch vụ ngân hàng, tài chính ra ngoài lãnh thổ Việt Nam như tại Lào và Liên bang Nga.

 Thông tin về các công ty con tại Phần 4. Mục Bản cáo bạch này.

18: Tổng hợp danh mục đầu tư góp vốn dài hạn giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Công ty trực thuộc ⁹	1.783	1.783	1.783

⁹ Số liệu công ty trực thuộc được trích từ Báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2011, 2012, báo cáo tài chính riêng lẻ 31/03/2013.

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Đơn vị liên doanh	2.559	2.764	3.234
Đơn vị liên kết	442	449	460
Đầu tư dài hạn khác	975	1.001	996

Nguồn: BIDV

Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bên cạnh hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn vào các công ty con, liên doanh, dự án và các doanh nghiệp khác, danh mục đầu tư của BIDV tập trung vào đầu tư chứng khoán trong đó chủ yếu là các công cụ nợ có lãi suất cố định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu Chính quyền địa phương... Danh mục chứng khoán bao gồm chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn được Ngân hàng mua và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá. Tại thời điểm 31/03/2013, số dư chứng khoán kinh doanh là 6.757 tỷ đồng (chưa bao gồm dự phòng giảm giá), tăng 5.992 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2011 phần lớn do Ngân hàng tăng mạnh đầu tư vào chứng khoán nợ Chính phủ.

19: Tổng hợp chứng khoán kinh doanh của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
1	Chứng khoán Nợ	765	3.981	6.757
	Chứng khoán Nợ Chính phủ	765	3.981	6.757
2	Chứng khoán Vốn	497	251	176
	Do các tổ chức tín dụng khác phát hành	16	0,02	15
	Do các Tổ chức kinh tế trong nước phát hành	481	251	161
	Tổng	1.262	4.232	6.871
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(223)	(127)	(46)
	Tổng cộng	1.039	4.105	6.887

Nguồn: BIDV

Chứng khoán đầu tư được phân thành chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn dựa theo mục đích nắm giữ chứng khoán. Đến 31/03/2013, số dư chứng khoán đầu tư đạt 55.358 tỷ đồng, tăng 13% so với thời điểm 31/12/2012, trong đó số dư chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và số dư chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn lần lượt là 53.586 tỷ đồng và 1.772 tỷ đồng. Trong danh mục chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán, chứng khoán nợ Chính phủ chiếm tỷ trọng lớn nhất, cụ thể chiếm 76,7% trong quý I/2013. Đầu tư vào chứng khoán, đặc biệt là trái phiếu Chính phủ là biện pháp quan trọng để BIDV quản lý cơ cấu Tài sản Có theo hướng nâng cao khả năng sinh lời, giảm thiểu rủi ro, tạo nguồn thanh khoản khi cần thiết.

20: Tổng hợp chứng khoán đầu tư của BIDV giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	30.144	47.403	53.586
Chứng khoán Nợ (mệnh giá)	29.437	46.628	52.813
Chứng khoán Nợ - Chính phủ	22.951	35.181	41.091
Chứng khoán Nợ - Tổ chức tín dụng	1.628	943	1.069
Chứng khoán Nợ - Tổ chức kinh tế	4.858	10.503	10.652
Chứng khoán Vốn (ghi nhận theo giá gốc)	1.205	1.199	1.197
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng	140	141	141
Đầu tư vào tổ chức kinh tế khác	1.065	1.058	1.056
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(498)	(423)	(423)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.540	1.561	1.772
Chứng khoán Chính phủ	1.350	1.371	1.382
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	200	200	400
Dự phòng giảm giá CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(10)	(10)	(10)
Tổng cộng	31.684	48.964	55.358

Nguồn: BIDV

7.1.6. Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Hoạt động kinh doanh chứng khoán của BIDV được thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BSC.

Năm 1999, BIDV thành lập Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) với mức vốn điều lệ ban đầu là 55 tỷ đồng và là một trong hai công ty chứng khoán đầu tiên được cấp phép hoạt động tại Việt Nam. Kể từ khi thành lập tới nay, BSC cung cấp đầy đủ các dịch vụ của công ty chứng khoán gồm: Môi giới, tự doanh, lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trải qua quá trình hoạt động, để đáp ứng yêu cầu theo quy định của UBCKNN và sự phát triển của công ty, từ năm 2003 đến 2007, BSC đã thực hiện tăng vốn 4 lần, từ 55 tỷ lên 700 tỷ đồng. Năm 2010, BSC đã thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ 01/01/2011 với vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, trong đó BIDV sở hữu 88,12% vốn điều lệ.

Năm 2011, những khó khăn bất ổn của nền kinh tế Việt Nam (lãi suất tăng, lạm phát vẫn ở mức cao, thị trường bất động sản đóng băng...) đã ảnh hưởng nặng nề đến thị trường chứng khoán và hoạt động của các công ty chứng khoán. Do đó, hoạt động kinh doanh của BSC gặp nhiều khó khăn, công ty hoạt động không có lãi, chủ yếu do khoản trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Tuy nhiên, bước sang năm 2012 và những tháng đầu năm 2013, nhờ những diễn biến tích cực hơn từ thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như sự nỗ lực từ tập thể cán bộ nhân viên, hoạt động kinh doanh của BSC đã khởi sắc và đạt được một số kết quả khả quan. Kết thúc năm 2012 tổng doanh thu kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư đạt 221,1 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2011. Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2012 đạt 34 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2011 và LNTT đạt 21,2 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch năm. Thị phần môi giới tăng từ mức 1,78% năm 2011 lên 2,19% năm 2012 và tiếp tục tăng lên mức 2,78% trong Quý I/2013. Đến hết Quý I/2013 Công ty đã lọt vào Top 10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

21: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BSC giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2011	2012	31/03/2013
Vốn điều lệ	865	865	865
Tổng tài sản	3.161,1	1.307,7	1.319,8
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	197,5	221,1	38,3

Khoản mục	2011	2012	31/03/2013
Lợi nhuận trước thuế	(208,4)	21,2	2,4
ROE	n/a	3,2%	0,4%

Nguồn: BSC

7.1.7. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm của BIDV được thực hiện thông qua Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam – BIC.

Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIC) được chính thức đổi tên và đi vào hoạt động từ năm 2006 trên cơ sở BIDV mua lại toàn bộ phần vốn góp của QBE tại Công ty Liên doanh bảo hiểm Việt Úc (được thành lập năm 1999).

Năm 2010, BIC đã thực hiện cổ phần hóa thành công và chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ 01/10/2010, đổi tên thành Tổng công ty CP Bảo hiểm BIDV với vốn điều lệ là 660 tỷ đồng (trong đó BIDV sở hữu 82,3%).

Giai đoạn 2009 – 2011, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn và thách thức, BIC đã triển khai nhiều biện pháp để thúc đẩy kinh doanh và đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận: tốc độ tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm bình quân là 32%, luôn cao hơn so với tăng trưởng bình quân của thị trường, liên tục duy trì vị trí đứng thứ 6/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ tại thị trường Việt Nam xét về thị phần bảo hiểm gốc, tỷ lệ nợ phí, tỷ lệ tái tục được cải thiện qua các năm.

Mặc dù chịu ảnh hưởng từ những khó khăn của nền kinh tế trong năm 2012, BIC vẫn đạt được những kết quả đáng ghi nhận như: tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 754 tỷ đồng, tăng 9,4% so với năm 2011, tương đương với tốc độ tăng trưởng chung của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ; tỷ lệ bồi thường đạt 38%, giảm mạnh so với năm 2011, lợi nhuận trước thuế đạt 110,8 tỷ đồng. Chiến lược tập trung phát triển kênh bán lẻ (kênh Bancassurance và Bảo hiểm trực tuyến) đã đạt được những thành công nhất định với sự tăng trưởng nhanh về doanh thu, thị phần, số lượng khách hàng và góp phần phát triển thương hiệu BIC là một trong những doanh nghiệp có thế mạnh về sản phẩm Bancassurance. Trong 3 tháng đầu năm 2013, doanh thu phí bảo hiểm đạt tương đương 199 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế đạt 30,5 tỷ đồng.

Về mạng lưới hoạt động: Đến nay, BIC đã có 21 Công ty thành viên và 91 Phòng Kinh doanh khu vực, cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu bao phủ trên phạm vi cả nước. Không chỉ dừng ở đó, BIC đã phát triển mạng lưới kinh doanh bảo hiểm trên toàn khu vực Đông Dương thông qua việc thành lập Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào - Việt (LVI) vào tháng 6/2008 trong đó BIC sở hữu 51% và được BIDV giao quản lý hoạt động Công ty Bảo hiểm

Campuchia – Việt Nam (CVI) từ tháng 9/2009. Hiện BIC đang hoàn tất thủ tục tăng tỷ lệ góp vốn tại LVI lên 65% và nhận chuyển nhượng, góp vốn vào CVI với tỷ lệ 65%.

22: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BIC giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Vốn điều lệ	660	660	660
Tổng tài sản	1.870	1.565,7	1.548,6
Tổng DT phí, trong đó:	689,5	754	199
<i>Doanh thu phí Bảo hiểm gốc</i>	623,8	670	186
<i>Doanh thu tái Bảo hiểm</i>	65,7	84	13
Tỷ lệ bồi thường (%)	47	38	36,5
Lợi nhuận trước thuế	100,5	110,8	30,5
Thị phần bảo hiểm gốc (%)	3,1	3%	n/a

Nguồn: BIC

7.1.8. Hoạt động cho thuê tài chính

Hoạt động cho thuê tài chính của BIDV được thực hiện thông qua Công ty Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BLC.

2 trên cơ sở tách và nâng c

-

Sau khi được thà

c

tư trung dài hạn cho nhiều . Tuy nhiên, do quy mô vốn hoạt động còn nhỏ bé cùng với tác động của suy thoái kinh tế, môi trường kinh doanh không thuận lợi, cơ chế chính sách của nhà nước chưa thực sự tạo điều kiện cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển, hoạt động kinh doanh của 02 Công ty giảm sút trong giai đoạn từ năm 2009 trở lại đây.

Năm 2010,

. Ngày 29/07/2011, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 1659/QĐ – NHNN và Quyết định số 1660/QĐ – NHNN chấp thuận chính thức việc sáp nhập đồng thời chuyển đổi mô hình sang Công ty TNHH MTV. Theo đó, ngày 07/10/2011, Công ty đã hoàn thành thủ tục đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động với tên gọi Công ty CTTC TNHH MTV BIDV với mức vốn điều lệ là 447,8 tỷ đồng. Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm: Hội sở chính tại TP. HCM và 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Giai đoạn 2011 - nay, Công ty tập trung vào việc sáp nhập, ổn định mô hình tổ chức, cơ cấu lại hoạt động theo hướng thu hẹp quy mô hoạt động kinh doanh, tập trung thực hiện cơ cấu danh mục khách hàng, thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng, phối hợp với doanh nghiệp để tìm các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhằm cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, do tác động kéo dài của suy thoái kinh tế trong nước và trên thế giới, các doanh nghiệp thuê tài chính (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa) tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải biển, đã ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

23: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BLC giai đoạn 2011 – 31/03/2013¹⁰

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	2011	2012	31/03/2013
Vốn điều lệ	447,8	447,8	447,8
Tổng tài sản	3.292	2.673	2.770
Dư nợ cho thuê	3.001	2.554	2.454
Lợi nhuận trước thuế	(13)	(219)	(9,6)

Nguồn: BLC

¹⁰ Số liệu 31/03/2013 là số liệu chưa kiểm toán

7.1.9. Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản

Hoạt động mua bán nợ và khai thác tài sản của BIDV được thực hiện thông qua Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BAMC.

BAMC được thành lập vào năm 2001 nhằm thực hiện xử lý nợ tồn đọng theo quyết định số 149/2001/QĐ-TTg ngày 05/10/2001. Từ khi thành lập đến cuối năm 2005, BAMC đã tiếp nhận và thu hồi nợ chủ yếu là các khoản nợ tồn đọng phát sinh trước 31/12/2000 của BIDV.

Năm 2009, đánh giá hoạt động của BAMC đã hoàn thành nhiệm vụ hỗ trợ BIDV thu hồi các khoản nợ trước năm 2000, BIDV đã thực hiện cơ cấu lại hoạt động BAMC với mục tiêu trước mắt thu gọn mô hình hoạt động, nhân sự và sẽ tập trung mở rộng hoạt động của công ty vào thời điểm phù hợp (giải thể Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, giảm thiểu nhân sự, dừng triển khai hoạt động nghiệp vụ). Tháng 01/2011, thực hiện Nghị định 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH một thành viên, BAMC đã chính thức chuyển đổi loại hình sang mô hình công ty TNHH một thành viên.

Kể từ khi thành lập đến nay, hoạt động của Công ty đều có lãi (tổng lợi nhuận lũy kế đến 31/03/2013 là 61,7 tỷ đồng). Hiện tại, BAMC đang trong quá trình nghiên cứu xây dựng phương án kinh doanh với các nghiệp vụ mới để triển khai hoạt động lại vào thời điểm thích hợp.

24: Một số chỉ tiêu chủ yếu của BAMC giai đoạn 2011 – 31/03/2013

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
Tổng tài sản	36,5	38,6	38,3
Nợ tiếp nhận	-	-	-
Thu nợ	0	-	-
Lợi nhuận trước thuế	3,2	3,8	0,7

Nguồn: BAMC

7.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

7.2.1. Tổng quan

BIDV phân biệt rủi ro thành 3 loại cơ bản để quản lý là rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, BIDV sử dụng một hệ thống quản lý thông tin tập trung cho mục đích quản lý kinh doanh và quản lý rủi ro. Năm 2005, dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất được khuyến nghị theo Dự án hiện đại hóa Ngân hàng (TA1) do Ngân hàng thế giới tài trợ, BIDV thành lập Hội đồng Quản lý tài sản nợ - có (ALCO) và trở thành ngân hàng thương

mại Việt Nam đầu tiên thành lập bộ phận chuyên trách quản lý rủi ro, qua đó đặt nền tảng cho việc hoàn thiện công tác quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Khối Quản lý rủi ro được kiện toàn vào năm 2008 trong giai đoạn II của Dự án hiện đại hóa Ngân hàng.

Khối Quản lý rủi ro bao gồm Ban Quản lý rủi ro tín dụng, Ban Quản lý tín dụng và Ban Quản lý rủi ro thị trường & tác nghiệp. Thêm vào đó, Ban Thông tin quản lý & hỗ trợ ALCO có trách nhiệm hỗ trợ việc quản lý rủi ro thanh khoản, giám sát các giới hạn an toàn trong hoạt động kinh doanh; Ban Pháp chế phụ trách quản lý các rủi ro pháp lý.

7.2.2. Quản lý rủi ro tín dụng

Việc quản lý rủi ro tín dụng luôn được BIDV đặt lên hàng đầu, đặc biệt là quản trị rủi ro danh mục tín dụng nhằm đảm bảo một danh mục an toàn và hiệu quả. Các khoản tín dụng được rà soát rủi ro ngay trong quy trình. BIDV đã triển khai đồng bộ nhiều chính sách quản lý rủi ro tín dụng áp dụng trong toàn hệ thống. Sổ tay tín dụng là cẩm nang cho cán bộ làm công tác tín dụng, quy trình phê duyệt tín dụng đã tách biệt giữa bộ phận đề xuất tín dụng – thẩm định rủi ro – quản trị tác nghiệp... Ngoài ra, BIDV là NHTM đầu tiên được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ từ quý IV/2006, đảm bảo sàng lọc, kiểm soát tốt nền khách hàng.

Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng đã được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở tại chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Trụ sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV luôn kiểm soát và phòng ngừa được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Chiến lược phát triển tín dụng và chính sách tín dụng phù hợp được nghiên cứu xây dựng dựa trên chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ, trong đó xác định vị trí của BIDV, đối tượng khách hàng mục tiêu và thị trường cần hướng tới. Căn cứ vào chiến lược tín dụng, tình hình hoạt động kinh doanh cũng như nhu cầu vốn dự kiến, các chỉ tiêu như: kế hoạch về cơ cấu tín dụng; giới hạn tín dụng theo từng sản phẩm, loại tiền, lĩnh vực, thành phần kinh tế và khách hàng sẽ được phân giao cho các đơn vị thành viên.

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng

Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng được thực hiện tại cấp chi nhánh và Trụ sở chính. Sau khi khách hàng có đơn đề nghị cấp tín dụng cùng với hồ sơ vay vốn, bộ phận quan hệ khách hàng sẽ thực hiện thẩm định khoản vay bao gồm: tư cách pháp lý của khách hàng, tình hình sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính, đánh giá phân tích phương án/kế hoạch sản xuất

kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng, thẩm định tài sản đảm bảo, xác định hạn mức cho vay, mức lãi suất, phương án cấp tín dụng... và lập báo cáo đề xuất tín dụng. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất tín dụng sẽ được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro tín dụng để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Báo cáo đề xuất tín dụng, báo cáo thẩm định rủi ro (trong trường hợp phải thực hiện thẩm định rủi ro tín dụng) và hồ sơ tín dụng sau đó sẽ được trình lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền cho các cấp tại Hội sở chính và các cấp, chức danh tại chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ.

Khoản tín dụng sau khi đã được phê duyệt sẽ được theo dõi và giám sát trong suốt quá trình đàm phán ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay, thanh lý hợp đồng và các thủ tục khác.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (ICRS)

Ngay sau khi quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN được ban hành, song song với việc phân loại nợ theo điều 6 (phân loại nợ theo tuổi nợ quá hạn), BIDV đã xây dựng Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (Internal Credit Rating System - ICRS) để xếp hạng khách hàng làm cơ sở phân loại nợ theo thông lệ quốc tế. Sau khi được NHNN thẩm tra và phê duyệt, bắt đầu từ quý IV/2006, BIDV đã chính thức áp dụng hệ thống này. Hệ thống bao gồm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính để đánh giá toàn diện về khách hàng như tình hình tài chính, khả năng trả nợ, chiều hướng phát triển của doanh nghiệp cũng như những ảnh hưởng từ các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng phát triển của ngành nghề. Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được xây dựng thành 3 mô hình cho ba loại khách hàng chính là tổ chức tín dụng, tổ chức kinh tế và khách hàng cá nhân. Hệ thống này giúp Ngân hàng có cơ sở đánh giá thống nhất và mang tính hệ thống trong suốt quá trình tìm hiểu về khách hàng, xem xét dự án đầu tư, đánh giá phân tích, thẩm định và ra quyết định cấp tín dụng, định giá khoản vay.

Phân loại các khoản nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Trên cơ sở kết quả xếp hạng theo ICRS (đối với những khách hàng đủ điều kiện xếp hạng)

hoặc tình hình trả nợ của khách hàng (nợ quá hạn, nợ cơ cấu – đối với những khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng), BIDV thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Điều 7 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sửa đổi bổ sung.

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN rồi nhân với các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm nợ như sau:

Hạng khách hàng	Nhóm	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
AAA, AA, A	1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
BBB, BB	2	Nợ cần chú ý	5%
B, CCC, CC	3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
C	4	Nợ nghi ngờ	50%
D	5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

7.2.3. Quản lý rủi ro thanh khoản

Trong những năm gần đây, quản lý rủi ro thanh khoản tại BIDV đã dần tiệm cận tới thông lệ quốc tế. Rủi ro thanh khoản của toàn bộ Ngân hàng được quản lý tập trung tại Hội sở chính, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc:

- Đảm bảo tuân thủ các chính sách, quy định về giới hạn thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng ALCO;
- Thanh khoản được quản lý hàng ngày thông qua các quy định, quy trình, thiết lập và kiểm soát giới hạn thanh khoản;
- Quản lý thanh khoản được thực hiện theo các giả định trong trường hợp dư thừa, thiếu hụt hoặc khủng hoảng thanh khoản (thể hiện tại các kịch bản thanh khoản).
- Thanh khoản được quản lý theo từng loại tiền

BIDV thực hiện kết hợp phương pháp quản lý thanh khoản tĩnh và phương pháp quản lý thanh khoản động (dòng tiền).

- Quản lý thanh khoản tĩnh: là phương pháp quản lý thanh khoản bằng cách phân tích các chỉ số thanh khoản rút ra từ bảng tổng kết tài sản và cơ sở dữ liệu hiện tại: chỉ số dự trữ, chỉ số LDR...

- Quản lý thanh khoản động: xác định, dự đoán trạng thái thanh khoản cho các khoảng thời gian trong tương lai để làm cơ sở đưa ra các biện pháp quản lý rủi ro thanh khoản

Việc quản lý thanh khoản được thực hiện thông qua việc thiết lập và tuân thủ các hạn mức và phân giao cho các đơn vị thực hiện. Việc thiết lập hạn mức phụ thuộc vào “khẩu vị rủi ro” của ngân hàng.

Hàng ngày, theo dõi dòng tiền đến hạn, thông tin các dòng tiền thanh toán lớn trong ngày để luôn đảm bảo các nguồn chi trả, đảm bảo các giới hạn an toàn của Ngân hàng nhà nước và Hội đồng ALCO.

Định kỳ hoặc đột xuất, xây dựng kịch bản và kiểm nghiệm khủng hoảng theo mức độ biến động thị trường và dự kiến kịch bản có khả năng xảy ra cao nhất, đề xuất các biện pháp xử lý thanh khoản kịp thời.

Trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế Việt Nam trải qua giai đoạn khó khăn, khả năng thanh khoản của BIDV vẫn luôn vững chắc nhờ có hệ thống quản lý rủi ro thanh khoản hoạt động tốt và hiệu quả.

7.2.4. Quản lý rủi ro thị trường & tác nghiệp

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thành lập bộ máy quản lý rủi ro độc lập vào tháng 8/2004. Tiếp theo đó, tháng 9/2008, thực hiện Đề án chuyển đổi mô hình tổ chức theo TA2, BIDV đã thành lập Ban Quản lý rủi ro thị trường và tác nghiệp với 2 phòng trực thuộc chịu trách nhiệm quản lý độc lập rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp của toàn hệ thống, đồng thời thành lập Phòng Quản lý rủi ro ở tất cả các chi nhánh. Như vậy, mô hình quản lý rủi ro hiện tại của BIDV đã đáp ứng nguyên tắc độc lập và tập trung theo khuyến nghị của Ủy ban Basel thuộc Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS).

Về quản lý rủi ro thị trường

BIDV đã xây dựng được một hệ thống chính sách, quy định tương đối đồng bộ bao gồm Chính sách quản lý rủi ro thị trường và Hệ thống các quy định về quản lý rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro thanh khoản, rủi ro giá hàng hóa. Chính sách và các quy định này định kỳ đều được rà soát và cập nhật để phù hợp với tình hình thực tế.

Bên cạnh đó, BIDV cũng là ngân hàng đi đầu trong việc triển khai áp dụng các công cụ quản lý rủi ro thị trường theo thông lệ:

- Đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối, lãi suất, cổ phiếu và trái phiếu định kỳ hàng ngày.

- Thực hiện kiểm nghiệm giả thuyết (back test) đối với rủi ro ngoại hối, rủi ro giá trái phiếu, rủi ro giá cổ phiếu.
- Thực hiện tính vốn yêu cầu tối thiểu đối với rủi ro ngoại hối, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro lãi suất trong Sổ kinh doanh.
- Xây dựng hệ thống các hạn mức và kiểm soát rủi ro thị trường, rà soát định kỳ song song với công tác giám sát tuân thủ.

Các công cụ mới như thử nghiệm khủng hoảng (stress test), mô hình xác định VaR theo phương pháp Monte Carlo, quản lý rủi ro thanh khoản đang tiếp tục được nghiên cứu để từng bước vận dụng, hướng theo thông lệ quốc tế (Basel II và Basel III).

Về quản lý rủi ro tác nghiệp

Hệ thống Chính sách và các quy định phục vụ công tác quản lý rủi ro tác nghiệp được BIDV ban hành đầy đủ và định kỳ chỉnh sửa, cập nhật cho phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế của BIDV trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, BIDV đã ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết, cách thức triển khai thực hiện Quản lý rủi ro tác nghiệp cho các đơn vị trong toàn Hệ thống.

Để phục vụ cho hoạt động quản lý rủi ro tác nghiệp của hệ thống, BIDV đã xây dựng và triển khai đồng bộ hệ thống công cụ báo cáo dấu hiệu, sự cố, ma trận rủi ro tác nghiệp đi đôi với hệ thống cảnh báo các giao dịch nghi ngờ, bất thường, góp phần kiểm soát, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp. Chương trình phần mềm Quản lý rủi ro tác nghiệp và Báo cáo giao dịch nghi ngờ, bất thường được triển khai áp dụng rộng rãi trong toàn hệ thống, liên tục được nâng cấp, hoàn thiện, đảm bảo tốc độ truy cập và tính chính xác của dữ liệu.

Bên cạnh đó, BIDV còn chú trọng đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho công tác quản trị RRTN thông qua các chương trình đào tạo quản lý rủi ro cơ bản, đào tạo quản lý rủi ro nâng cao, đào tạo nhận thức cán bộ mới. Công tác tuyển dụng theo vị trí cũng được đặc biệt quan tâm, nhằm từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực này.

Ngoài ra, nhằm nâng cao năng lực quản lý rủi ro tác nghiệp của ngân hàng, BIDV đã đẩy mạnh triển khai thực hiện các khuyến nghị của Nhà thầu tư vấn Nâng cao năng lực quản lý rủi ro tác nghiệp thuộc Dự án Tài chính nông thôn III. Theo đó, BIDV đã và đang triển khai áp dụng các công cụ quản lý rủi ro tác nghiệp theo thông lệ quốc tế như: tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA), tự đánh giá kiểm soát (CSA), Chỉ số rủi ro chính (KRI), tính vốn yêu cầu cho rủi ro tác nghiệp. Đồng thời, BIDV cũng mua bảo hiểm BBB và D&O, xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục, mua sắm giải pháp phần mềm quản lý rủi ro tác nghiệp.

7.2.5. Quản lý rủi ro pháp lý

Để tuân thủ các quy định pháp luật, đồng thời quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý lên hoạt động của Ngân hàng, BIDV thường xuyên theo dõi, nắm bắt các chủ trương chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và kế hoạch xây dựng pháp luật từng giai đoạn, hàng năm của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan để chủ động đón đầu, xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh cho phù hợp và điều chỉnh kịp thời mỗi khi có sự thay đổi; chủ động trong việc đóng góp xây dựng ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi bổ sung những vướng mắc, bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong văn bản pháp luật.

Tại BIDV, các công tác nghiên cứu, đề xuất xây dựng pháp luật thực hiện thông qua đầu mối là Ban Pháp chế với sự phối hợp của Trung tâm Nghiên cứu trực thuộc Hội đồng quản trị.

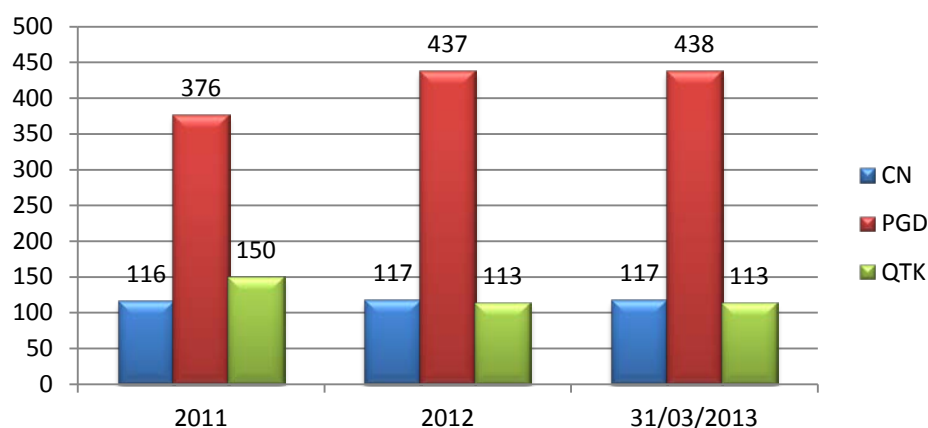
Bên cạnh việc chủ động nghiên cứu, cập nhật và đề xuất xây dựng chính sách pháp luật, công tác tổ chức thực thi, áp dụng luật cũng đặc biệt được chú trọng, thể hiện rõ trên các mặt: (i) Ban hành hệ thống quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp; (ii) thẩm định pháp lý toàn diện đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế; (iii) tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động của BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ; (iv) đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chế độ nội bộ; (iv) giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chế độ; (v) Đối với những giao dịch có giá trị lớn, tính phức tạp cao như liên quan đến đối tác nước ngoài, cấp tín dụng cho các dự án lớn,... để đảm bảo chặt chẽ, hạn chế rủi ro pháp lý, BIDV đã thuê các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

7.3. Thị trường hoạt động

7.3.1. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc

Năm 2013, tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn trong công tác phát triển mạng lưới nhưng với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo cũng như nỗ lực của các chi nhánh, BIDV cũng đã đạt được một số kết quả khả quan. Đến 31/03/2013, tổng số mạng lưới hoạt động của BIDV là 668 điểm, trong đó có 117 chi nhánh (CN), 438 Phòng giao dịch (PGD) và 113 Quỹ tiết kiệm (QTK), đứng thứ 3 trong hệ thống NHTM về số lượng điểm mạng lưới.

4: Số lượng các điểm mạng lưới truyền thông của BIDV năm 2011 – 31/03/2013



Nguồn: BIDV

Mạng lưới BIDV đã có bước phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng, số lượng điểm mạng lưới tăng trưởng 3,5% trong khi tốc độ tăng trưởng quy mô hoạt động cũng ở mức tương ứng. Cùng với tăng trưởng về số lượng, chất lượng hoạt động của các điểm mạng lưới cũng được BIDV đặt lên hàng đầu. Với phương châm “Hiệu quả kinh doanh và an toàn hoạt động” trong công tác phát triển mạng lưới, việc mở rộng mạng lưới luôn gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đảm bảo khả năng quản lý, kiểm soát rủi ro và quản trị điều hành.

- Chú trọng phát triển mạng lưới hướng tới đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Xác định đây là hoạt động cốt lõi của khối PGD trong giai đoạn này. BIDV tập trung ưu tiên phát triển mạng lưới tại các địa bàn khu vực trọng điểm phía Bắc, phía Nam (đặc biệt Hà Nội và TP. HCM); các thành phố lớn, thị xã có tiềm năng phát triển hoạt động Ngân hàng bán lẻ. Từng bước hình thành mạng lưới Phòng giao dịch/QTK chuyên phục vụ khách hàng cá nhân.
- Tập trung đổi mới công tác quản trị điều hành hoạt động của các điểm mạng lưới, trong đó chú trọng công tác xây dựng kế hoạch, định hướng thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới. Chủ động xây dựng và hoàn thiện chương trình phần mềm chiết xuất số liệu các đơn vị trực thuộc PGD, QTK để phục vụ cho công tác đánh giá hiệu quả hoạt động các điểm mạng lưới. Đồng thời, xây dựng chế tài khen thưởng và xử lý trong công tác phát triển mạng lưới, gắn kết quả hoạt động của các điểm mạng lưới với cơ chế phân phối thu nhập, tạo động lực mạnh mẽ trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các điểm mạng lưới.

Công ty trực thuộc: Xin xem tại Phần 4. Mục 5 của Bản cáo bạch này.

7.3.2. *Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng*

Với bề dày truyền thống 56 năm hoạt động, BIDV đã xây dựng được một mạng lưới khách hàng doanh nghiệp phong phú, đa dạng trải rộng trên toàn quốc. Cụ thể như sau:

- Nhóm khách hàng doanh nghiệp: Tính đến ngày 31/03/2013, BIDV có quan hệ với 101.000 khách hàng doanh nghiệp, tăng 31% so với năm 2010, trong đó có khoảng 13.000 khách hàng doanh nghiệp có quan hệ tín dụng.
-  Nhóm khách hàng doanh nghiệp là các Tập đoàn, Tổng công ty: BIDV luôn khẳng định vai trò là định chế tài chính hàng đầu Việt Nam trong việc tài trợ vốn và cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty thuộc các ngành kinh tế then chốt. Với vị thế và cơ chế chính sách ưu đãi của BIDV dành cho nhóm khách hàng này, hơn 80 Tập đoàn, Tổng công ty đã xác định BIDV là ngân hàng chủ lực trong việc cung ứng tín dụng và dịch vụ như: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petro Việt Nam), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Viễn Thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG), Tổng công ty Sông Đà, Tổng công ty Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD)... và hàng loạt các Tập đoàn kinh tế tư nhân lớn như Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai, Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn Hòa Phát, Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp (Becamex), Công ty cổ phần ô tô Trường Hải, Công ty Cổ phần Eurowindow...
-  Nhóm khách hàng DNVVN: BIDV không ngừng gia tăng quan hệ với các DNVVN có tình hình hoạt động kinh doanh tốt. BIDV khẳng định là một ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam về cung cấp dịch vụ tài chính cho các DNVVN theo đúng chủ trương chính sách trợ giúp phát triển DNVVN của Chính phủ
- Nhóm khách hàng cá nhân: Đối tượng khách hàng bán lẻ của BIDV là tất cả cá nhân và hộ gia đình kinh doanh đang làm việc, sinh sống tại Việt Nam. Đến 31/3/2013, số lượng khách hàng cá nhân tại BIDV đạt trên 5 triệu khách hàng, tăng 130% so với năm 2009.

Để mở rộng số lượng khách hàng cá nhân, BIDV đã ban hành chính sách khách hàng cá nhân trong đó thực hiện phân đoạn khách hàng bán lẻ thành các nhóm khách hàng như: khách hàng quan trọng, khách hàng thân thiết và khách hàng phổ thông. Việc này giúp BIDV thực hiện các chính sách chăm sóc, tiếp thị phù hợp với từng phân đoạn để phát triển nền khách hàng bán lẻ mục tiêu của BIDV, đồng thời đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng tại mỗi phân đoạn.

Bên cạnh đó, BIDV không ngừng hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ bán lẻ theo hướng tiếp cận dễ dàng nhất với khách hàng, ứng dụng tối đa hàm lượng công nghệ

trong mỗi sản phẩm, phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng mọi lúc mọi nơi. Trong giai đoạn 2010-2013, BIDV đã cho ra mắt nhiều sản phẩm mới phù hợp với thu nhập và nhu cầu của từng đối tượng khách hàng cá nhân như:

-  **Tiết kiệm cá nhân:** Tiết kiệm dự thưởng, tiết kiệm dành cho các đối tượng khách hàng đặc biệt: trẻ em, hưu trí, cán bộ, gia đình... tiết kiệm Bảo lộc (Gửi USD quy đổi theo EUR hưởng lãi suất cao)
-  **Tín dụng bán lẻ:** Hợp tác cho vay mua nhà ở xã hội, cho vay mua nhà chung cư theo các dự án, cho vay mua xe máy của hãng Piaggio, cho vay SXKD theo vùng miền (CV kinh doanh chợ, trồng cà phê, đánh bắt hải sản...)
-  **Dịch vụ bán lẻ:** phát triển sản phẩm phù hợp với khách hàng trẻ, năng động như Internetbanking, Mobile banking, BSMS, Thanh toán hóa đơn online, Mobile Bank Plus, thẻ Visa, Master, thẻ đồng thương hiệu BIDV-MU.....

Thị trường hoạt động của BIDV trải rộng tất cả các ngành nghề, từ nông lâm nghiệp, thương nghiệp, xây dựng, công nghiệp chế biến, nhà hàng khách sạn, xuất nhập khẩu....

Về danh mục sản phẩm ngân hàng, hiện BIDV đã thiết kế hơn 100 sản phẩm dành cho khối khách hàng doanh nghiệp và cá nhân và liên tục bổ sung các sản phẩm mới nhằm cung ứng các dịch vụ ngân hàng tốt nhất đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh phong phú và đa dạng.

-  **Nhóm dịch vụ tiền gửi:** Tiền gửi Không kỳ hạn, tiền gửi Thặng dư, tiền gửi Đầu tư tự động, tiền gửi Kết hợp, tiền gửi Như ý, tiền gửi Ký quỹ, tiền gửi Tích lũy, đồng thời triển khai liên tục các chương trình phát hành giấy tờ có giá ngắn hạn và dài hạn...
-  **Nhóm dịch vụ thanh toán trong nước:** Chuyển tiền trong nước, điều chuyển vốn tự động, dịch vụ thu chi hộ, giải pháp kết nối trực tuyến với công ty chứng khoán (BIDV Smart@ccount), quản lý dòng tiền (Revenue Plus), thanh toán lương tự động, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, viễn thông, trả phí bảo hiểm, dịch vụ thu hộ tại quầy, thu hộ tại địa điểm, thu hộ Ngân sách Nhà nước, thu chi hộ điện tử...
-  **Nhóm dịch vụ thanh toán quốc tế:** Chuyển tiền quốc tế (TTR, Western Union...), thanh toán thư tín dụng L/C, nhờ thu, hoàn thiện bộ chứng từ, thanh toán xuất nhập khẩu theo hình thức CAD, thanh toán biên mẫu...
-  **Nhóm tài trợ thương mại:** Cho vay hỗ trợ xuất khẩu, chiết khấu có truy đòi và miễn truy đòi, tài trợ nhập khẩu bằng lô hàng nhập, tài trợ theo hợp đồng khung, bao thanh toán...
-  **Nhóm kinh doanh tiền tệ và phái sinh:** mua bán ngoại tệ giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ, Hoán đổi tiền tệ chéo (CCS), Hợp đồng hàng hóa tương lai, Quyền chọn hàng hóa, Đầu tư cơ cấu...
-  **Nhóm sản phẩm tín dụng:** Cho vay ngắn hạn thông thường, cho vay trung dài hạn,

đầu tư dự án, thầu chi doanh nghiệp, tài trợ doanh nghiệp vệ tinh, tài trợ doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp dệt may, xăng dầu, cho vay hỗ trợ nhu cầu nhà ở, cho vay xây dựng nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp, cho vay hộ sản xuất kinh doanh...

 Nhóm bảo lãnh: Bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đối ứng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh thuế xuất nhập khẩu...

 Nhóm bảo hiểm: bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm bảo lãnh, kỹ thuật...

 Nhóm dịch vụ ngân hàng điện tử: Internet banking, Mobile banking, Quản lý dòng tiền.....

7.3.3. *Thị phần và khả năng cạnh tranh*

 Thị phần

BIDV là một trong số những ngân hàng giữ vị trí chủ đạo và có thị phần lớn trên thị trường. Trong nhiều năm liền, BIDV luôn duy trì và nâng cao được thị phần của Ngân hàng ở các mảng hoạt động kinh doanh truyền thống, mở rộng thị phần trong các lĩnh vực dịch vụ mới.

Thị phần năm 2012 của BIDV đối với một số chỉ tiêu như sau¹¹:

- Thị phần tín dụng là 11,2%
- Thị phần tổng tài sản là 9,67%
- Thị phần tiền gửi là 11,5%

 Khả năng cạnh tranh trên các mặt hoạt động

Năng lực tài chính

25: Một số chỉ tiêu tài chính của BIDV và một số ngân hàng thương mại tại 31/12/2012

Tên NH	Tổng tài sản	Vốn CSH	Tổng dư nợ	HĐV từ tiền gửi KH	LN sau thuế	Nợ xấu
Agribank	620.997	39.268	487.042	492.935	2.565	6,94%
Vietinbank	503.530	33.625	333.356	289.105	6.170	1,47%
BIDV	484.785	26.494	339.923	303.060	3.281	2,91%

¹¹ BIDV tổng hợp

Tên NH	Tổng tài sản	Vốn CSH	Tổng dư nợ	HĐV từ tiền gửi KH	LN sau thuế	Nợ xấu
Vietcombank	414.475	41.553	241.163	284.415	4.427	2,40%
ACB	176.308	12.624	102.815	125.234	784	2,50%
Eximbank	170.156	15.812	74.922	70.458	2.139	1,32%
Sacombank	152.119	13.699	96.334	107.459	1.002	2,05%
MB	175.610	12.864	74.479	117.747	2.320	1,84%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 31/12/2012 các ngân hàng

Về nguồn nhân lực

BIDV là một trong số các ngân hàng có nguồn nhân lực mạnh cả về số lượng và chất lượng ở Việt Nam với 18.560 nhân viên tại 31/03/2013, trong đó trên 55,7% có tuổi đời dưới 30, và 86,4% có trình độ từ đại học trở lên. BIDV đang đẩy mạnh bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, đây chính là yếu tố tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Về công nghệ

Đánh giá công nghệ là yếu tố quyết định tới sức cạnh tranh của mình, thời gian qua, BIDV đã rất chú trọng tới đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, với các dự án đầu tư như: hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Core Banking, dự án kết nối thẻ Banknet, thẻ Visa, thẻ Master, Mobile Banking, Internet Banking... Các dự án hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin đã giúp BIDV đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng và sự phong phú của dịch vụ cung cấp. BIDV còn có hệ thống máy chủ dự phòng đảm bảo sự hoạt động thông suốt và liên tục của hệ thống 24/7.

Về mở rộng và phát triển dịch vụ

Bên cạnh các sản phẩm ngân hàng truyền thống, BIDV đã không ngừng nghiên cứu thị trường đưa ra các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dịch vụ của khách hàng. Với số lượng sản phẩm cho khách hàng tổ chức và cá nhân đầy đủ và tiện ích, BIDV có thể cạnh tranh với các ngân hàng khác trên thị trường về khả năng cung ứng dịch vụ.

Về thương hiệu

Với trên 56 năm hoạt động trong ngành ngân hàng, BIDV là một trong số ít ngân hàng có lịch sử phát triển lâu dài và có vị thế vững chắc tại Việt Nam. Cùng với mạng lưới chi nhánh rộng khắp, BIDV đã trở thành một thương hiệu uy tín tại Việt Nam. BIDV tin rằng, với

thương hiệu của mình, BIDV sẽ có nhiều cơ hội đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh theo hướng cung cấp dịch vụ tài chính và chào bán các sản phẩm mới mang thương hiệu BIDV.

Bên cạnh đó, sự năng động và chuyên nghiệp của BIDV cũng được nhiều định chế tài chính quốc tế đánh giá cao, điều đó được thể hiện qua hàng loạt các giải thưởng như Asiamoney bình chọn là ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất tại Việt Nam, giải “Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010” do HSBC trao tặng, giải thưởng “Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011” do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng...

Về năng lực quản trị hoạt động kinh doanh

BIDV đã được WB lựa chọn để tài trợ cho Dự án Hỗ trợ kỹ thuật TA2 nhằm chuyển đổi BIDV từ một ngân hàng truyền thống thành một định chế tài chính hiện đại cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ đa dạng. Dự án TA2 được một nhóm các nhà tư vấn của Tập đoàn tài chính - bảo hiểm ING và Hiệp hội Ngân hàng Bỉ (BBA) thực hiện và tập trung vào các hoạt động chính như tái cơ cấu tổ chức và tái cơ cấu hệ thống quản lý, xác định cơ cấu vốn tối ưu, quản lý rủi ro, quản lý tài sản và công nợ, kiểm toán nội bộ, tiếp thị, chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển CNTT và chiến lược phát triển các sản phẩm/dịch vụ. Việc đổi mới mô hình tổ chức, mô hình hoạt động theo dự án TA2 sẽ tạo ra những đột phá nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung và quản trị rủi ro.

Quan hệ sâu rộng với các định chế tài chính

Trong các năm qua, BIDV đã nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính quốc tế. Đến cuối năm 2011, BIDV đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý với trên 1.653 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại khắp các châu lục, trong đó có các ngân hàng lớn tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Điều này đã góp phần vào sự tăng trưởng của BIDV trong hoạt động kinh doanh quốc tế, bao gồm dịch vụ tín dụng, tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế, bảo lãnh, kinh doanh ngoại hối... BIDV đã chủ động đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ tại các thị trường nhiều tiềm năng như Nga, Đông Âu, Trung Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và tìm kiếm cơ hội đầu tư cũng như tìm kiếm đối tác tham gia vào các dự án lớn tại Việt Nam.

BIDV cũng đã hợp tác với các định chế tài chính quốc tế lớn như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Xuất khẩu Séc, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu..., góp phần khai thác các nguồn vốn, nguồn lực quốc tế cho nhiều dự án trọng điểm trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ, hạ tầng, giao thông, viễn thông, giáo dục, cung cấp nước và tưới tiêu, phát triển nông nghiệp.v.v

7.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

26: Các dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 31/03/2013

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
	I. CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM		
1	Tháp BIDV tại đường Phạm Hùng, HN	Đường Phạm Hùng, HN	Triển khai thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công phần nội thất
2	Tháp BIDV tại Tp. HCM	117-119 Nguyễn Huệ, Q.1, Tp. HCM	Hoàn thiện hồ ớ thiết kế cơ sở và dự án đầu tư
3	Tháp BIDV tại 263 Cầu Giấy, Hà Nội	263 Cầu Giấy, Hà nội	Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thiết kế
	II. TRỤ SỞ CHI NHÁNH ("CN") CẤP I		
4	Trụ sở CN Tây Sài Gòn	Khu Công nghiệp Tân Tạo	Tiếp tục hoàn thiện thiết kế bản vẽ thi công - Tổng dự toán
5	Trụ sở CN Đông Hà nội	Đông Anh, HN	Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thiết kế
6	Trụ sở CN Phúc Yên	Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc	Đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu xây lắp
7	Trụ sở CN Tây Nam Quảng Ninh	Số 430 Quang Trung, Tx Uông Bí, Quảng Ninh	Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thiết kế
8	Trụ sở CN Hà Giang	Tổ 5, P.Nguyễn Trãi, TX. Hà Giang	Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thiết kế
9	Trụ sở CN Mỹ Phước	Khu công nghiệp Mỹ Phước II, Bình Dương	Hoàn thành thẩm định dự án, đang triển khai thiết kế
10	Trụ sở CN Bắc Kạn	Thị xã Bắc Cạn, tỉnh Bắc Cạn	Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thiết kế
11	Trụ sở CN Bắc Hải Dương	Sao đỏ, Chí Linh, hải Dương	Đã thi công xong phần thô

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
12	Trụ sở CN Chợ Lớn	49 Kinh Dương Vương, P.12, Q.6, Tp.HCM	Hoàn thành lựa chọn nhà thầu xây lắp
13	Trụ sở CN Đồng Tháp	Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp	UBND tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ bản giao mặt bằng để thi công
14	Trụ sở CN Lào Cai tại Cam Đường	Khu đô thị mới Lào Cai-Cam Đường	Đang thi công móng
15	Trụ sở CN Móng Cái, Quảng Ninh	Đường Hùng Vương, Hòa Lạc, Tp Móng Cái, Quảng Ninh	Đã thi công xong tầng hầm, đang chuẩn bị triển khai thi công phần thô công trình
16	Trụ sở CN Bạc Liêu	Đường 23/8, P8, TP Bạc Liêu, Bạc Liêu	Đang thi công phần thô công trình
17	Trụ sở CN Kiên Giang	259 Trần Phú, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	Đang hoàn thiện chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
18	Trụ sở CN Nghệ An	Đại lộ Lê Nin TP Vinh Nghệ An	Triển khai nội thất chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
19	Trụ sở CN Ninh Thuận	138 đường 21/8, Phường Phước Mỹ, PRTC, Ninh Thuận	Đang hoàn thiện chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
20	Trụ sở CN Phú Mỹ	QL51, Mỹ xuân, Tân thành, Bà Rịa -Vũng Tàu	Đang thi công phần thô công trình
21	Trụ sở CN Sài Gòn	271 An Dương Vương	Thi công phần thô công trình
22	Trụ sở CN Vị Thanh	Đường Nguyễn Công Trứ, Hậu Giang	Đang hoàn thiện chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
23	Trụ sở Bắc An Giang	20 Quang Trung, Châu Phú B Tx. Châu Đốc, An Giang	Đang hoàn thiện chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
24	Trụ sở CN Phú Tài	Khu Công nghiệp Phú Tài	Thi công các hạng mục hoàn thiện

TT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
25	Trụ sở Vĩnh Long	Khóm A, Lê Lai, P1, TP Vĩnh Long	Đang hoàn thiện chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình
26	Trụ sở CN Quang Minh	Km số 9, đường Bắc Thăng Long Nội Bài, TT Quang Minh, mê Linh, Hà Nội	Thi công các hạng mục phần hoàn thiện công trình
27	Trung tâm HNHT Nha Trang	21 Hùng Vương, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa	Triển khai nội thất
28	Trung tâm lưu trữ tài liệu, tài sản BIDV tại Văn Lâm	Văn Lâm, Hưng Yên	Triển khai nội thất chuẩn bị hoàn thành bàn giao công trình

Nguồn: BIDV

27: Các dự án đầu tư công nghệ đến thời điểm 31/03/2013

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu BIDV	Đang trong giai đoạn thuê tư vấn thiết kế, xây dựng Trung tâm dữ liệu. Dự kiến hoàn thành dự án trong năm 2014
2	Trang bị hệ thống tủ đĩa ngoài cho hệ thống máy chủ CoreBanking	Dự án đang trong giai đoạn triển khai, hoàn thành trong năm 2013
3	Dự án xây dựng mới hệ thống Treasury	Đang trong giai đoạn triển khai, dự kiến hoàn thành tháng 04/2014
4	Đầu tư giải pháp ứng dụng tập hợp và phân bổ thu nhập chi phí - báo cáo lợi nhuận đa chiều (MPA)	Đang trong giai đoạn đấu thầu. Dự kiến hoàn thành trong năm 2014
5	Mở rộng và nâng cấp hệ thống SAN	Đang thực hiện nghiệm thu thiết bị, hoàn thành trong năm 2013
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng triển khai phần mềm theo định hướng SOA (Service Oriented Architecture)	Dự án đang trong giai đoạn xây dựng BCNCKT, dự kiến triển khai 2013-2014
7	Dự án xây dựng hệ thống Contact Center	Đang trong giai đoạn đấu thầu. Dự kiến hoàn thành trong năm 2014

Nguồn: BIDV

8. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh từ năm 2011 đến 31/03/2013

28: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012		31/03/2013
		Giá trị	% Tăng giảm	
Tổng giá trị tài sản	405.755	484.785	19%	485.923
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	44.557	46.309	3,9%	10.634
Thuế và các khoản phải nộp	(1.020)	(1.044)	2%	(369)
Lợi nhuận trước thuế	4.220	4.325	2%	1.515
Lợi nhuận sau thuế	3.200	3.281	3%	1.146

Nguồn: BIDV

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2011 – 31/03/2013

Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh

- Tiềm năng phát triển của ngành tài chính – ngân hàng

Trong thời gian hai thập kỷ qua, ngành ngân hàng đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng và qui mô. Số lượng ngân hàng tăng từ 9 ngân hàng (1991) lên 99 ngân hàng vào đầu năm 2013, trong đó có 5 NHTMNN (gồm cả NHTMCP Nhà nước giữ cổ phần chi phối), 1 ngân hàng chính sách, 34 NHTMCP, 50 chi nhánh NH nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 5 NH 100% vốn nước ngoài. Các ngân hàng đều đạt được mức tăng trưởng khả quan thể hiện qua tổng tài sản liên tục tăng qua các năm. Điều này cho thấy sức hấp dẫn của lĩnh vực ngân hàng Việt Nam đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Tiềm năng thị trường đối với ngành ngân hàng rất lớn. Với quy mô dân số 86 triệu dân song số lượng người dân Việt Nam sử dụng các dịch vụ tài chính ngân hàng rất khiêm tốn

(khoảng 20% dân số¹²) và đa phần mới chỉ sử dụng các dịch vụ ngân hàng truyền thống như tín dụng, tiền gửi, thanh toán, bảo lãnh.

- BIDV là thương hiệu có tên tuổi và mạng lưới rộng khắp cả nước, có quan hệ truyền thống với hầu hết các Tập đoàn, Tổng công ty lớn

Với tiền thân là một trong 4 NHTM Nhà nước lớn nhất tại Việt Nam, BIDV có quan hệ truyền thống với hầu hết các Tập đoàn, Tổng công ty lớn như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam,...

Nguồn vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của BIDV đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ và vững chắc trong thời gian qua. Với mạng lưới rộng khắp trên cả nước, có mặt tại tất cả các thành phố lớn như Hà Nội (19 chi nhánh và 1 Sở giao dịch), TP HCM (12 chi nhánh), các khu Công nghiệp, khu kinh tế thương mại, khu đông dân cư, BIDV có lợi thế cung cấp các dịch vụ ngân hàng truyền thống, dịch vụ ngân hàng hiện đại và các dịch vụ giá trị gia tăng đến với mọi thành phần kinh tế.

- Hoàn thành việc cổ phần hóa và phát hành lần đầu ra công chúng trong năm 2011

Cuối năm 2011, BIDV đã tiến hành IPO để chuyển đổi hoạt động sang mô hình NHTM cổ phần. Đây là đợt chào bán thành công nhất trên thị trường chứng khoán trong năm 2011 với tỉ lệ số cổ phần đăng ký mua/ số cổ phần chào bán là 1,66 lần. Sau khi chuyển đổi, chiến lược của BIDV là luôn đồng hành, chia sẻ và cung cấp dịch vụ tài chính – ngân hàng hiện đại, tốt nhất cho khách hàng; cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho các cổ đông; tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, cơ hội phát triển nghề nghiệp và lợi ích xứng đáng cho mọi nhân viên; và là ngân hàng tiên phong trong hoạt động phát triển cộng đồng.

-  Khó khăn trong hoạt động kinh doanh.

- Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới

Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 2008, thế giới lại phải đối mặt với cuộc khủng hoảng nợ công tại các nước Khu vực đồng tiền chung Châu Âu và Mỹ. Động đất, sóng thần và sự cố hạt nhân tại Nhật Bản, lũ lụt tại Thái Lan và nhiều nơi khác làm chậm lại sự phục hồi của kinh tế thế giới.

Trong nước, lạm phát tăng nóng từ Quý 4/2010 và có dấu hiệu hạ nhiệt từ tháng 8/2011 song cả năm 2011 CPI vẫn tăng ở mức 18,13%. Tỷ giá VND/USD được điều chỉnh tăng thêm 9,3% từ 11/02/2011 cùng với các hiệu ứng về tăng giá điện, xăng, tăng lương làm cho

¹² Theo số liệu của Worldbank, hiện nay chỉ khoảng 30% dân số ở độ tuổi lao động trở lên ở Việt Nam tiếp cận được với các dịch vụ thanh toán và tài chính, nếu xét toàn bộ dân số thì ước tính chỉ khoảng 20% dân số sử dụng dịch vụ ngân hàng.

tình hình lạm phát của năm 2011 lên cao. Chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ và tài khóa chặt chẽ thận trọng với hàng loạt biện pháp mạnh mẽ về kiểm soát tăng trưởng tín dụng, tăng tổng phương tiện thanh toán, khống chế tín dụng phi sản xuất, áp dụng trần lãi suất... qua đó đã từng bước khống chế được lạm phát song lại làm tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Lãi suất cho vay cao duy trì trong thời gian dài đã gây đình trệ sản xuất, thị trường BĐS đóng băng kéo theo hàng loạt sức ép và khó khăn cho các khách hàng của ngân hàng trong ngành xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

Mặt khác, sự đi xuống của thị trường chứng khoán trong năm 2011 còn dẫn đến sụt giảm trong thu nhập từ kinh doanh chứng khoán của BIDV cũng như tăng chi phí dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán của BIDV và các đơn vị thành viên, qua đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của BIDV trong năm 2011.

Bước sang năm 2012 và nửa đầu 2013, tuy nền kinh tế thể hiện một số chuyển biến tích cực về tình hình vĩ mô như tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng, lạm phát được kiểm soát, bên cạnh đó Chính phủ có nhiều biện pháp từng bước tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thị trường (nghị quyết 13/2012/NQ-CP, nghị quyết 01/2013/NQ-CP và 02/2013/NQ-CP) song sự phục hồi của các doanh nghiệp diễn ra chậm. Tổng cầu nền kinh tế yếu, hàng tồn kho cao, tỷ lệ nợ xấu trong nền kinh tế duy trì ở mức cao và chậm được giải quyết khiến tăng trưởng tín dụng đạt thấp (năm 2012 đạt 8,91%, 5 tháng đầu 2013 chỉ đạt 2,29%). Nền kinh tế tăng trưởng thấp hơn dự kiến trong năm 2012 và quý 1/2013 đang đặt ra thách thức lớn đối với việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5%-7% đặt ra cho giai đoạn 2011-2015.

- Áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt

Trong vài năm trở lại đây, các NHTMCP đã có sự tăng trưởng mạnh về vốn và quy mô hoạt động. Trong năm qua, một số ngân hàng đã thực hiện thành công việc tìm đối tác chiến lược, giúp tăng nguồn vốn kinh doanh và cải thiện tình hình quản trị và ứng dụng công nghệ. Dưới ảnh hưởng của cạnh tranh, các NHTM quốc doanh từ chỗ nắm giữ trên 50% thị phần về huy động vốn và dư nợ tín dụng (trước 2009) đã giảm xuống chỉ còn 45,75% thị phần huy động vốn và 46,6% thị phần dư nợ tín dụng cuối năm 2012.

Bên cạnh sự lớn mạnh của hệ thống các NHTMCP, hoạt động của các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài cũng ngày càng mở rộng. Theo cam kết hội nhập, từ năm 2011 Việt Nam đã cho phép các ngân hàng 100% vốn nước ngoài được hoạt động và thực hiện các nghiệp vụ như ngân hàng nội địa. Thị phần của các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài đã tăng từ mức 8,8% (huy động vốn) và 9% (tín dụng) cuối năm 2007 lên mức 11,1% và 17,4 % tương ứng cuối năm 2012.

9. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

9.1. Vị thế của BIDV trong ngành

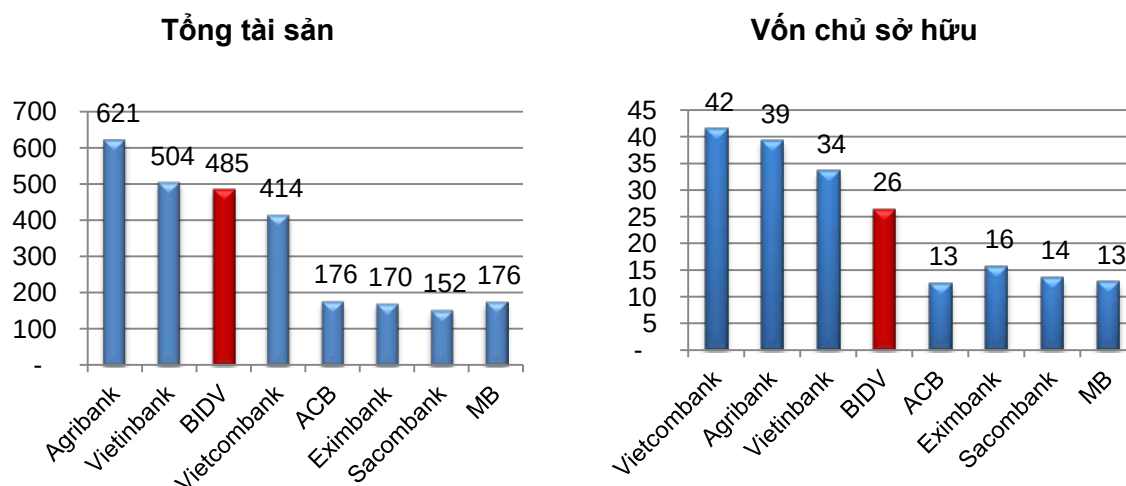
Trải qua 56 năm hoạt động và phát triển, BIDV đã đạt được những thành quả đáng tự hào và luôn là một trong các ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam. Vị thế của BIDV trong ngành được thể hiện qua các mặt sau:

Quy mô

Tính đến 31/12/2012, BIDV là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ ba và vốn chủ sở hữu đứng thứ tư trong hệ thống các NHTM Việt Nam. Với mức vốn điều lệ theo quyết định số 278/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/03/2012 là 23.012 tỷ đồng, BIDV đã trở thành ngân hàng có quy mô vốn điều lệ lớn thứ ba hiện nay.

5: Quy mô Tổng tài sản, Vốn chủ sở hữu của một số NHTM tại 31/12/2012

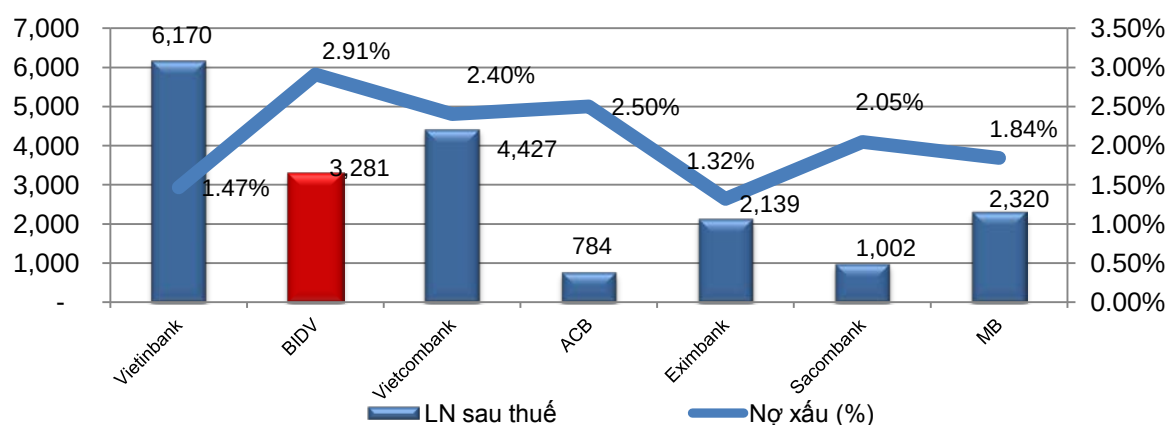
Đơn vị: nghìn tỷ đồng



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất theo VAS của các ngân hàng tại 31/12/2012

Hiệu quả hoạt động kinh doanh

6: Lợi nhuận sau thuế và Tỷ lệ nợ xấu của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2012



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất theo VAS của các ngân hàng tại 31/12/2012

Tại thời điểm 31/12/2012, BIDV có vốn chủ sở hữu đạt 26.494 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 484.785 tỷ đồng. Nguồn vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của BIDV đã tăng trưởng mạnh mẽ và vững chắc trong giai đoạn 2006-2012 với tốc độ bình quân tương ứng là 23,6% và 20,1%. Năm 2012, lợi nhuận sau thuế của BIDV đạt mức 3.281 tỷ đồng.

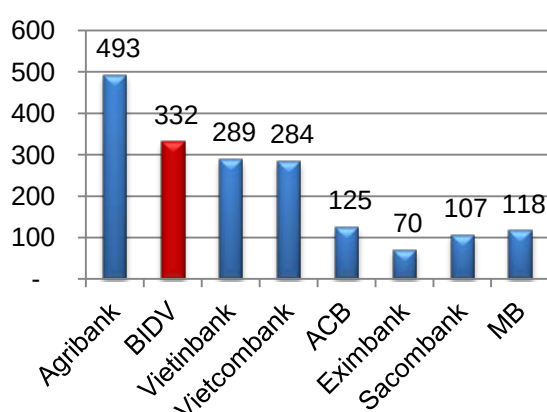
 Các mảng hoạt động kinh doanh chính:

Trong năm 2012, BIDV đứng thứ hai toàn hệ thống về huy động vốn từ tiền gửi khách hàng và tổng dư nợ.

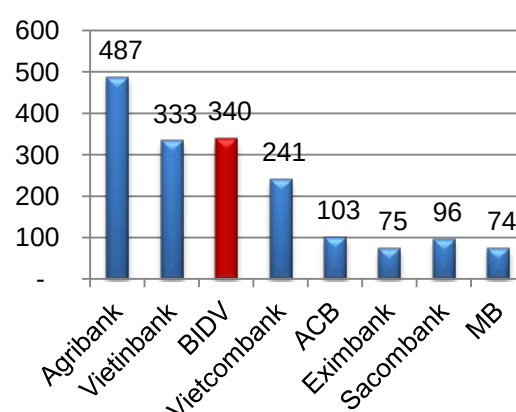
7: Huy động Vốn và Dư nợ của BIDV và một số NHTM tại 31/12/2012

Đơn vị: nghìn tỷ đồng

Huy động vốn từ tiền gửi khách hàng



Dư nợ



Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất theo VAS của các ngân hàng tại 31/12/2012

 Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch

Mạng lưới chi nhánh rộng khắp đã giúp BIDV tiếp cận một số lượng lớn khách hàng trên toàn quốc, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân, hộ gia đình đến các loại hình doanh nghiệp. BIDV dự kiến trong tương lai sẽ tiếp tục thành lập thêm các hiện diện thương mại tại một số nước Châu Âu để phục vụ các doanh nghiệp của Việt Nam hoạt động tại các thị trường này. Ngoài ra, với 05 công ty con, 06 đơn vị liên doanh và các đơn vị liên kết hoạt động trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, quản lý quỹ..., BIDV đang hướng tới mô hình một tập đoàn tài chính đa năng, đáp ứng nhu cầu phát triển trong quá trình hội nhập với thế giới của kinh tế Việt Nam.

29: Mạng lưới của một số NHTM lớn của Việt Nam tính đến 31/12/2012

STT	Ngân hàng	Số lượng
1.	Agribank	2.400 chi nhánh và điểm giao dịch khắp cả nước

STT	Ngân hàng	Số lượng
2.	Vietinbank	1 Sở Giao dịch, 151 chi nhánh, 899 phòng giao dịch, 49 QTK
3.	BIDV	117 chi nhánh, 432 PGD và 113 Quỹ tiết kiệm
4.	Vietcombank	75 chi nhánh, gần 300 PGD
5.	ACB	342 chi nhánh và phòng giao dịch
6.	STB	
7.	Đông Á	228 điểm giao dịch

Nguồn: BSC tổng hợp

 Vị thế của BIDV theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế

Moody's:

Theo công bố mới nhất ngày 28/09/2012, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's xếp hạng BIDV như sau:

Hạng mục

Định hạng của Moody's

Triển vọng	Ổn định
Định hạng năng lực độc lập	E
Định hạng tiền gửi nội tệ/ngoại tệ dài hạn	B2/B3
Định hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ dài hạn	B2/B2

Moody's đánh giá BIDV là ngân hàng có hệ thống mạng lưới rộng khắp và sở hữu một trong những hệ thống thanh toán tốt nhất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, công tác quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro của BIDV ngày càng được nâng cao.

Standard & Poor's (S&P):

Ngày 26/09/2012, Standard&Poor's thông báo điều chỉnh nâng kết quả điểm BICRA (đánh giá rủi ro môi trường kinh tế và ngành) đối với Việt Nam từ nhóm 10 lên nhóm 9, với nhận định các chính sách ổn định kinh tế của Chính phủ Việt Nam đã có tác dụng dẫn tới giảm tốc độ tăng trưởng tín dụng, tăng cường ổn định giá, giảm các mất cân đối vĩ mô, giá nhà đất giảm. Theo đó, định hạng năng lực độc lập của BIDV được nâng từ “b” lên thành “b+”. Kết quả định hạng của BIDV hiện tại cụ thể như sau:

Hạng mục

Định hạng của S&P

Triển vọng	Ổn định
Định hạng nhà phát hành dài hạn	B+

Định hạng nhà phát hành ngắn hạn

B

Định hạng năng lực độc lập

b+

S&P đánh giá BIDV có thương hiệu mạnh tại Việt Nam với mạng lưới nội địa trải rộng của ngân hàng. BIDV là ngân hàng lớn thứ 3 về tổng tài sản ở Việt Nam với 11,2% thị phần cho vay và 11,5% thị phần tiền gửi trong năm 2012. BIDV có mạng lưới hoạt động lớn thứ 3 tại Việt Nam và có mặt ở tất cả 63 tỉnh thành. BIDV cũng có lợi thế trong việc tiếp cận các nguồn vốn từ Chính phủ cũng như nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án phát triển từ các tổ chức quốc tế. Tiền gửi khách hàng tại BIDV vẫn tăng trưởng trong đợt khó khăn thanh khoản năm 2008, trong khi các ngân hàng tư nhân nhỏ khác giảm thị phần. Các tài sản thanh khoản mà BIDV nắm giữ (tiền mặt, khoản vay liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ) đủ để đáp ứng nhu cầu vay ngắn hạn trên thị trường vốn bán buôn.

9.2. Triển vọng của ngành ngân hàng

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010-2012

Kinh tế Việt Nam giai đoạn 2010-2012 chứng kiến nhiều thay đổi lớn: năm 2010 nền kinh tế nhanh chóng lấy lại đà tăng trưởng so với trước khủng hoảng (GDP tăng 6,8%) song các bất ổn vĩ mô bộc lộ từ nửa cuối 2010 và bùng phát trong năm 2011, tốc độ tăng trưởng GDP giảm dần, lạm phát gia tăng ở mức 2 con số, thâm hụt thương mại lớn, dự trữ ngoại hối mỏng nhất trong khu vực Đông Á... Chính phủ đã ban hành nhiều quyết sách quan trọng (tiêu biểu là Nghị Quyết 11/2011/NQ-CP Của Chính phủ ngày 24/02/2011 Về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội) qua đó từng bước ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và đảm bảo an sinh xã hội. Bước sang năm 2012, trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, Việt Nam vẫn đạt được một số thành tựu nhất định về ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát và duy trì tăng trưởng. Tăng trưởng GDP năm 2012 đạt 5%, lạm phát giảm nhanh và được kiềm chế ở mức 1 con số, cán cân thanh toán thặng dư, tỷ giá hối đoái ổn định, lòng tin vào VND được cải thiện, các vấn đề an sinh xã hội được quan tâm giải quyết tốt. Tuy nhiên Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức về quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng đã duy trì trong nhiều năm nay cũng như đang đối diện với những mất cân đối lớn của nền kinh tế.

Đánh giá triển vọng ngành ngân hàng năm 2013

Năm 2013 được đánh giá sẽ tiếp tục là năm khó khăn và nhiều thách thức đối với ngành ngân hàng. Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế như hiện nay, mục tiêu điều hành kinh tế năm 2013 đã được Quốc hội thông qua là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012; đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Theo đó, những định hướng cơ bản

trong điều hành chính sách tiền tệ năm 2013 của NHNN là: Điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt; triển khai quyết liệt các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu; tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp về tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Định hướng tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 14% - 16%, tín dụng tăng trưởng 12%.

Với những định hướng điều hành của Chính Phủ và NHNN, kết quả hoạt động kinh doanh toàn ngành ngân hàng 5 tháng đầu năm 2013 vẫn còn nhiều hạn chế: Tín dụng tăng trưởng ở mức thấp, còn xa mục tiêu đề ra (5 tháng đầu năm 2013, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống ước đạt 2,8% trong khi mục tiêu cả năm là 12%). Tăng trưởng tín dụng thấp có nguyên nhân khách quan từ thực trạng sức cầu nền kinh tế chưa thực sự phục hồi, cụ thể tăng trưởng GDP đạt thấp. Bên cạnh đó vấn đề chất lượng tín dụng cũng chưa được cải thiện, thậm chí đang trở thành nguy cơ cản trở tăng trưởng tín dụng, hạn chế khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tiềm năng thị trường đối với ngành ngân hàng Việt Nam trong các năm tới vẫn còn rất lớn. Việt Nam vẫn được đánh giá là nước có viễn cảnh chính trị ổn định, viễn cảnh kinh tế bền vững. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng BIDV cho rằng, với thị trường tiêu thụ nội địa rộng lớn và các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô đang dần phát huy tác dụng, nền kinh tế Việt Nam sau năm 2013 sẽ vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá so với các nước trên thế giới và trong khu vực Đông Nam Á.

Theo thống kê, Việt Nam đã có hơn 54 triệu thẻ thanh toán, hơn 14.000 máy rút tiền tự động (ATM) và 104.000 điểm chấp nhận thanh toán bằng thẻ (POS). Số thẻ đã gia tăng nhanh chóng từ 14,7 triệu thẻ trong năm 2008 lên 3,6 lần, đạt hơn 54 triệu thẻ ở thời điểm hiện nay. Công ty Nghiên cứu thị trường Mỹ Research & Markets cũng đưa ra đánh giá, thị trường thẻ Việt Nam là một thị trường năng động hàng đầu thế giới với mức tăng trưởng khoảng 18,5% từ nay đến năm 2014.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành

Trên cơ sở rà soát, đánh giá môi trường kinh doanh và định hướng phát triển của hệ thống ngân hàng Việt Nam, BIDV xác định định hướng chiến lược phát triển đến năm 2020 trở thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng có chất lượng, hiệu quả, uy tín hàng đầu tại Việt Nam. Trong đó, giai đoạn 2013-2015 tập trung vào tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả và chất lượng; chủ động kiểm soát rủi ro và tăng trưởng bền vững.

BIDV đặt ra 10 mục tiêu ưu tiên cần phải đạt được, trong đó, mục tiêu hoàn thiện mô hình tổ chức tăng cường năng lực điều hành các cấp, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và

nâng cao năng lực khai thác ứng dụng CNTT được xem là những yếu tố có thể giúp BIDV tạo nên đột phá chiến lược và sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. Cụ thể:

- Hoàn tất quá trình chuyển đổi BIDV thành NHTMCP đại chúng niêm yết; hoàn thành kế hoạch Cổ phần hóa BIDV (cấu phần bán chiến lược) và hướng đến xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức quản trị, tăng cường năng lực điều hành các cấp.
- Tập trung tái cơ cấu toàn diện các mặt hoạt động kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng; chủ động kiểm soát rủi ro và tăng trưởng bền vững;
- Cấu trúc lại hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết; cơ cấu danh mục đầu tư tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính;
- Duy trì và phát triển vị thế, tầm ảnh hưởng của BIDV trên thị trường tài chính, nỗ lực tiên phong thực thi có hiệu quả chính sách tiền tệ quốc gia;
- Nâng cao năng lực Quản trị rủi ro; chủ động áp dụng và quản lý theo các thông lệ tốt nhất phù hợp với thực tiễn kinh doanh tại Việt Nam;
- Phát triển hoạt động ngân hàng bán lẻ, nắm giữ thị phần lớn thứ 2 trên thị trường về dư nợ tín dụng, huy động vốn và dịch vụ bán lẻ;
- Nâng cao năng lực khai thác ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, tạo đột phá để tăng hiệu quả, năng suất lao động;
- Phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, lực lượng chuyên gia, nâng cao năng suất lao động;
- Phấn đấu trở thành một trong những ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm tốt nhất tại Việt Nam bởi các tổ chức định hạng tín nhiệm quốc tế;
- Bảo vệ, duy trì và phát huy giá trị cốt lõi; Xây dựng văn hoá Doanh nghiệp và phát triển thương hiệu BIDV;

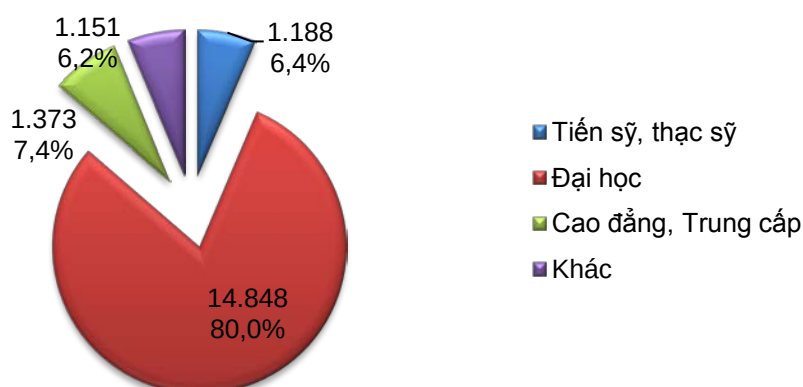
Định hướng phát triển của BIDV là hoàn toàn phù hợp với chính sách điều hành của Chính phủ và định hướng tái cơ cấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam. BIDV tin rằng với những định hướng chiến lược này BIDV sẽ đạt được những thành công trong cạnh tranh cũng như đạt được kết quả kinh doanh tích cực trong giai đoạn tới.

10. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

10.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

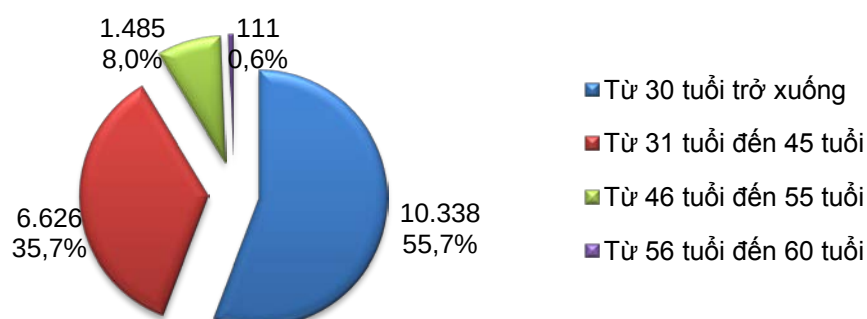
Nguồn nhân lực với số lượng 18.560 lao động tại thời điểm 31/03/2013 đã đáp ứng cơ bản nhu cầu nhân lực ổn định cho toàn hệ thống BIDV. Trên 80% nguồn nhân lực của BIDV có trình độ Đại học và trên đại học. Đội ngũ lao động của BIDV có tuổi đời trẻ (cán bộ có độ tuổi dưới 30 chiếm 56% tổng số lao động).

8: Cơ cấu lao động theo trình độ tại 31/03/2013



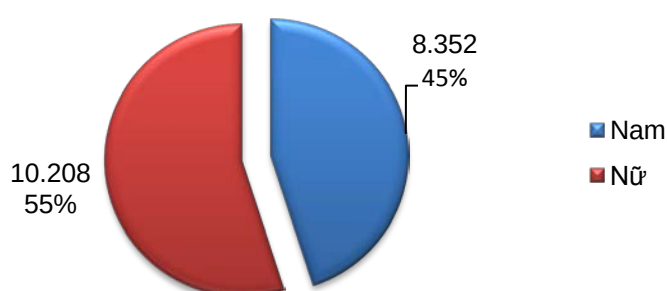
Nguồn: BIDV

9: Cơ cấu lao động theo độ tuổi tại 31/03/2013



Nguồn: BIDV

10: Cơ cấu lao động theo giới tính tại 31/03/2013



Nguồn: BIDV

10.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

- 
Chính sách tuyển dụng: BIDV là ngân hàng đi tiên phong trong việc đổi mới cả nội dung và hình thức tuyển dụng. Ngay từ những năm 2005- 2006, BIDV đã thực hiện tuyển dụng tập trung cán bộ cho Trụ sở chính và các chi nhánh trên địa bàn Hà Nội. Hình thức tuyển dụng này tiếp tục được mở rộng và đến năm 2011 là năm đầu tiên BIDV thực hiện tuyển dụng tập trung đối với toàn bộ các chi nhánh trong hệ thống,

được phân chia theo từng khu vực địa lý để đảm bảo tất cả các thí sinh có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tham gia kỳ thi. Năm 2013, BIDV tiếp tục đổi mới, cải tiến bằng việc ứng dụng CNTT qua một số khâu tuyển dụng mới như: nhận hồ sơ qua mạng internet, thi trực tuyến trên máy tính, bổ sung các hình thức tuyển dụng mới như: thi tuyển vị trí, thi tuyển lãnh đạo...Điều này đã đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, giúp cho BIDV thu hút và tuyển chọn được một đội ngũ cán bộ có chất lượng cao từ khắp mọi miền của đất nước.

-  Chính sách đào tạo: Không chỉ dừng lại ở việc cải tiến công tác tuyển dụng, việc đẩy mạnh công tác đào tạo sau tuyển dụng và trong quá trình sử dụng lao động cũng là một chính sách quan trọng trong sử dụng nguồn nhân lực của BIDV. Đội ngũ nhân sự của BIDV thường xuyên được đào tạo và đào tạo lại, cập nhật kiến thức và thực tiễn kinh doanh mới; rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ; nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm hỗ trợ cho hoạt động chuyên môn.
-  Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm: Cán bộ công nhân viên được thực hiện một cách bài bản, đúng quy trình, quy định, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo lựa chọn được đội ngũ cán bộ phù hợp tiêu chuẩn, đảm bảo cả về cơ sở và chất lượng, tạo được sự thống nhất cao trong đơn vị. Đặc biệt với việc đẩy mạnh tăng cường biệt phái cán bộ lãnh đạo từ Trụ sở chính và các đơn vị có nguồn cán bộ để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, đồng thời kết hợp thực hiện luân chuyển để đào tạo cán bộ đã góp phần tích cực trong việc nâng cao trình độ, năng lực quản lý điều hành cho cán bộ lãnh đạo và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ.
-  Chế độ đãi ngộ và khen thưởng: BIDV thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động, tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; Chính sách khen thưởng, đãi ngộ của BIDV được tưởng thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến xuất sắc trong lao động để người lao động vừa yên tâm công tác, vừa không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực bản thân. Mức thu nhập bình quân tháng cho cán bộ công nhân viên năm 2012 là 14.91 triệu đồng.

11. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2013 ngày 26/04/2013, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2012 là 10,8% và tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến cho năm 2013 là 8-9%/ năm.

12. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

30: Chi tiết chỉ tiêu tài chính từ 2011 đến 31/03/2013

Chỉ tiêu	2011	2012	31/03/2013
1. Vốn tự có	27.295	26.169	25.579
Vốn điều lệ	12.948	23.012	23.012
Tỷ lệ an toàn vốn ¹³	11,07%	9,65%	9,42%
2. Chất lượng tài sản ¹⁴			
Tỷ lệ nợ xấu	2,96%	2,91%	2,99%
Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng+các khoản cho vay TCTD khác)/Tổng tài sản	75%	75%	75%
TS có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	94%	92%	93%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu	17%	16%	5%
Thu nhập dịch vụ ròng/Tổng thu nhập	14%	13%	13%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	51%	49%	34%
4. Khả năng thanh khoản			
Tài sản Có thanh toán ngay trên Nợ phải trả ¹⁵	18,55%	18,18%	18,51%
Khả năng chi trả trong 7 ngày tới			
VND	1,17	2,04	2,69
USD	2,26	2,85	1,77
Nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn ¹⁶	25,6%	21,2%	22,4%

Nguồn: BIDV tổng hợp

¹³ Số liệu tại 31/03/2013 là số hợp nhất báo cáo NHNN, số liệu 2011, 2012 tính toán trên số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng

¹⁴ Cách tính toán các số liệu theo Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12/3/2008 của Thống đốc NHNN ban hành quy định xếp loại Ngân hàng TMCP

¹⁵ Tỷ lệ này được tính theo quy định tại Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Tổ chức tín dụng

¹⁶ Tỷ lệ này được tính theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-NHNN ngày 10/08/2009 quy định về tỉ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn đối với Tổ chức tín dụng

13. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

13.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

31: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Bắc Hà	Chủ tịch
2.	Ông Hoàng Huy Hà	Ủy viên
3.	Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên độc lập
4.	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Ủy viên
5.	Bà Lê Thị Kim Khuyên	Ủy viên
6.	Ông Ngô Bá Lại	Ủy viên
7.	Ông Lê Đào Nguyên	Ủy viên
8.	Ông Phan Đức Tú	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc
9.	Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên
10.	Ông Nguyễn Huy Tựa	Ủy viên
11.	Ông Trần Thanh Vân	Ủy viên kiêm Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT

Ông Trần Bắc Hà	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/08/1956
Nơi sinh	Hà Tây
Số CMND:	211455986 do Công An Bình Định cấp ngày 25/12/1998
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ấn Thanh, Hoài Ân, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	20 Hàng Tre – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22200666
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác:		
01/07/1991	: 30/09/1999	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định
01/10/1999	: 14/05/2003	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/05/2003	: 31/12/2007	Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2008	: 20/10/2011	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) - Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 02 thành viên Đầu tư phát triển quốc tế (IID) - Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư và Phát triển Myanmar (MIDC)
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		881.546.118 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		881.443.118 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		103.000 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

Những người có liên quan:		Vợ Ngô Kim Lan, CMND số 024017362 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Lan Phương, CMND số 023981429 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Duy Tùng, CMND số 024017363 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Hoạn, CMND số 220566370 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Huệ, CMND số 211076609 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Minh Ảnh, CMND số 210029469 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Đạt, CMND số 210003426 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Bình Định, CMND số 012999551 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Hoài Nam, CMND số 011768479 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Xuân Dung, CMND số 220702738 sở hữu 0 cổ phần
Ông Hoàng Huy Hà		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		23/05/1955
Nơi sinh		Hà Nội
Số CMND:		024038517 do Công An TP Hồ Chí Minh cấp ngày 19/1/2010
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:		Trung Hoà – Nhân Chính – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22200553
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Tiến sỹ kinh tế
Quá trình công tác:		
01/01/1997	: 19/10/1999	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

20/10/1999	: 30/06/2002	Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch 2 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/07/2002	: 31/05/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/06/2011	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC); - Ủy viên Ban chấp hành VCCI; - Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí.
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		53.478 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		0 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		53.478 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP chế tạo giàn khoan dầu khí: 3.267 cổ phần Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 4.029 cổ phần Công ty CP Xi măng Quảng Ninh: 21.600 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội: 50 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:		Mẹ Hoàng Thị Thám, CMND số 110047034 sở hữu 0 cổ phần Vợ Nguyễn Thị Lương, CMND số 025028644 sở hữu 0 cổ phần Con Hoàng Thị Thu Nga, CMND số 280777573 sở hữu 0 cổ phần

		Con Hoàng Huy Hiệp, CMND số 023937689 sở hữu 0 cổ phần Anh Hoàng Xuân Lễ, CMND số 111213370 sở hữu 0 cổ phần Chị Hoàng Thị Lựu, CMND số 012927440 sở hữu 0 cổ phần Em Hoàng Huy Đông, CMND số 012420391 sở hữu 0 cổ phần Em Hoàng Thị Lưu, CMND số 111736976 sở hữu 0 cổ phần
Ông Nguyễn Trung Hiếu		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		01/01/1954
Nơi sinh		Quảng Nam
Số CMND:		013379128 do Công An Đà Nẵng cấp ngày 16/03/2011
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Duy Anh, Duy Xuyên, Quảng Nam – Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú:		Trung Hoà – Cầu Giấy – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22200554
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
01/10/1991	: 31/12/1996	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng
01/01/1997	: 31/08/1997	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/09/1997	: 31/07/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/08/2002	: 31/03/2004	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương.
01/04/2004	: 30/09/2005	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân

		Trung ương.
01/10/2005	: 14/06/2007	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV.
15/06/2007	: 31/08/2008	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV.
01/09/2008	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐTV Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kiêm UVHĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV .
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH 01 thành viên BIDV (BLC), kiêm Ủy viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty LD Tháp BIDV.
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê tài chính TNHH 01 thành viên BIDV (BLC). - Ủy viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương - Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		38.900 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		0 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		38.900 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

Những người có liên quan:		Vợ Nguyễn Thị Thanh Tú, CMND số 200015151 sở hữu 3.405 cổ phần Con Nguyễn Thị Tú Anh, CMND số 013270462 sở hữu 500 cổ phần Con Nguyễn Thị Vân Anh, CMND số 201419695 sở hữu 400 cổ phần Chị Nguyễn Thị Bích Ngọc, CMND số 200138585 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Thị Thanh, CMND số 200634546 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Thị Ngân Liên, CMND số 205140544 sở hữu 2.732 cổ phần
Bà Lê Thị Kim Khuyên		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		09/03/1963
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		011551703 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 19/04/2007
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình
Địa chỉ thường trú:		52 Ngõ 45 Phố Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04.22225339
Trình độ văn hóa:		10/10
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
10/2002	: 04/2005	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội
05/2005	: 04/2012	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không

Số cổ phần BIDV đang nắm giữ	24.710 cổ phần
Trong đó:	
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:	0 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:	24.710 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện miền Bắc 2: 20.000 cổ phần Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC: 5 cổ phần Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang: 56.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 8 cổ phần Ngân hàng TMCP Á Châu: 24 cổ phần Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn: 40.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:	Bố Lê Văn Ngự, CMND số 160913389 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Trần Thị Thịnh, CMND số 180913417 sở hữu 0 cổ phần Chồng Phạm Văn Hoan, CMND số 012997519 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Ngọc Anh, hộ chiếu số N1310393 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Anh Trung, hộ chiếu số B6205578 sở hữu 0 cổ phần Chị Lê Thị Hải Yến, CMND số 164016392 sở hữu 0 cổ phần Chị Lê Thị Kim Uyên, CMND số 010442860 sở hữu 0 cổ phần Em Lê Thị Kim Oanh, CMND số 011582436 sở hữu 0 cổ phần Em Lê Tuấn Minh, CMND số 161743648 sở hữu 0 cổ phần
Ông Ngô Bá Lại	UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/10/1953

Nơi sinh	Đại Tự - Yên Lạc – Vĩnh Phúc	
CMND:	012708678 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 29/10/2008	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Đại Tự - Yên Lạc – Vĩnh Phúc	
Địa chỉ thường trú:	Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 39343332	
Trình độ văn hóa:	10/10	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính ngân hàng	
Quá trình công tác:		
05/1992	: 08/1994	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai
09/1994	: 12/1997	Giám đốc NHNN Chi nhánh tỉnh Lào Cai
01/1998	: 08/1999	Phó Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát – NHNN
09/1999	: 11/1999	Vụ trưởng phụ trách Thanh tra – NHNN
12/1999	: 06/2005	Chánh Thanh tra – NHNN
07/2005	: 07/03/2012	Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ - NHNN
01/05/2012	: nay	Vụ trưởng Vụ kiểm toán nội bộ - NHNN kiêm Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Vụ Trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:	661.082.339 cổ phần	
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:	661.082.339 cổ phần	
Cổ phần cá nhân nắm giữ:	0 cổ phần	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Không	

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:	Vợ Văn Thị Kim Dung, CMND số 012708677 sở hữu 0 cổ phần Con Ngô Khánh Toàn, CMND số 012708679 sở hữu 0 cổ phần Con Ngô Thị Thanh Ngân, CMND số 012810919 sở hữu 0 cổ phần Con Ngô Thị Thanh Tuyền, CMND số 012758993 sở hữu 0 cổ phần Con Ngô Ngọc Tú, CMND số 012810920 sở hữu 0 cổ phần Em Ngô Thị Hợp, CMND số 135737883 sở hữu 0 cổ phần Em Ngô Thị Hạnh, CMND số 135605187 sở hữu 2.832 cổ phần
Ông Lê Đào Nguyên	UỶ VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	27/04/1956
Nơi sinh	Hà Nội
CMND:	011432410 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 20/08/2009
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Gia Hội, Thành phố Huế
Địa chỉ thường trú:	Phường Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22200556
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
04/1997	: 06/1998
Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	

15/07/1998	: 05/1999	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
06/1999	: 06/2001	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch I – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2001	: 05/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
06/2002	: 06/2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2008	15/10/2010	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC); - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC) - Thành viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) - Thành viên HĐQT Công ty TNHH 02 TV Đầu tư Phát triển Quốc tế (IID)
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		41.884 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		0 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		41.884 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Chiếu xạ An Phú 3.460 cổ phần Công ty CP Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ 8.600 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không

Các khoản nợ đối với BIDV:	Không	
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không	
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV	
Những người có liên quan:	Vợ Vũ Lệ Xuân, CMND số 010358380 sở hữu 444 cổ phần Con Lê Vũ Diễm Hằng, CMND số 012332279 sở hữu 3.609 cổ phần Em Lê Đào Nhị, CMND số 012783587 sở hữu 2.866 cổ phần Em Lê Đào Nghĩa, CMND số 010455317 sở hữu 0 cổ phần Em Lê Đào Hạnh, CMND số 010251746 sở hữu 0 cổ phần	
Ông Phan Đức Tú	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	22/12/1964	
Nơi sinh	Nghệ An	
CMND:	211109236 do Công An TP Quảng Ngãi cấp ngày 24/10/2000	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Xã Quỳnh Thiên – Huyện Quỳnh Lưu – Tỉnh Nghệ An	
Địa chỉ thường trú:	Khu đô Thị Trung Hoà – Nhân Chính, Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22122535	
Trình độ văn hóa:	12/12	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
12/1998	: 02/2005	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi
03/2005	: 05/2007	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
06/2007	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		661.115.139 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		661.082.339 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		32.800 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 13.698 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác		Không
Những người có liên quan:		Vợ Đoàn Thị Trần Hùng Phi, CMND số 211055258 sở hữu 7.000 cổ phần Con gái Phan Thị Hải Vân, CMND số 013157457 sở hữu 0 cổ phần Anh Phan Đức Tuấn, CMND số 017317148 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Khánh, CMND số 210023809 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Thương, CMND số 181893715 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Lượng, CMND số 233096735 sở hữu 0 cổ phần Em Phan Đức Tài, CMND số 181976395 sở hữu 3.800 cổ phần
Ông Trần Anh Tuấn		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		01/04/1958
Nơi sinh		Yên Bái
CMND:		013314650 do Công An Hà Nội cấp ngày 23/09/2010

Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Nghĩa Phương, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	
Địa chỉ thường trú:	80A/124 Âu Cơ – Tứ Liên – Tây Hồ - Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22200558	
Trình độ văn hóa:	10/10	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
03/1981	:06/1989	Cán bộ công tác trong hệ thống ngành ngân hàng tại tỉnh Gia Lai - Kontum
07/1989	: 08/1998	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Tỉnh Gia Lai – Kon Tum
		Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Gia Lai
09/1998	: 12/2007	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2008	: 04/2012	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không	
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:	53.000 cổ phần	
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:	0 cổ phần	
Cổ phần cá nhân nắm giữ:	53.000 cổ phần	
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 28.203 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không	
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV	

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không	
Những người có liên quan:	Vợ Đặng Thị Thu Hà, CMND số 012558002 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Thị Kim Anh, CMND số 012395142 sở hữu 20.100 cổ phần Con Trần Thành Linh, CMND số 012418775 sở hữu 10.000 cổ phần Em Trần Anh Hải, CMND số 230305424 sở hữu 4.609 cổ phần Em Trần Hưng Hà, CMND số 025179391 sở hữu 6.642 cổ phần	
Ông Nguyễn Huy Tựa	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Giới tính:	Nam	
Ngày tháng năm sinh:	16/10/1957	
Nơi sinh	Hà Nội	
CMND:	011561772 do Công An Hà Nội cấp ngày 12/02/2007	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	
Địa chỉ thường trú:	Khu TT Nhà máy in tiền Quốc Gia – Hà Nội	
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22200445	
Trình độ văn hóa:	10/10	
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	
Quá trình công tác:		
08/2002	: 02/2005	Giám đốc Ban Quản lý Tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
03/2005	: 09/2006	Giám đốc Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2006	: 11/2006	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
12/2006	: 12/2006	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Giám đốc Sở Giao dịch 3 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 20/10/2011	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân

		hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
21/10/2011	: 30/04/2012	Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Bảo hiểm Lào – Việt (LVI). - Phó Chủ tịch Hiệp hội ngân hàng Việt Nam
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		19.363 cổ phần
Trong đó:		
Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:		0 cổ phần
Cổ phần cá nhân nắm giữ:		19.363 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 28.203 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:		Vợ Ngô Thị Hoàn, CMND số 010641370 sở hữu 0 cổ phần Con Nguyễn Huy Tuấn, CMND số 012750254 sở hữu 1.432 cổ phần Con Nguyễn Huy Tú, CMND số 012845953 sở hữu 0 cổ phần Anh Nguyễn Huy Lương, CMND số 010633870 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Tý, CMND số 010633542 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Dần, CMND số 010542599 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Bé, CMND số 010633621 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Thị Mai, CMND số 010633869 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Thị Thành, CMND số 011554166 sở hữu 0 cổ phần
Ông Trần Thanh Vân		ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM

		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		01/01/1961
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		200057314 do Công An TP Đà Nẵng cấp ngày 10/05/2007
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hòa Châu – Hòa Vang – Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú:		190, Phố Núi Thành, TP Đà Nẵng
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22200233
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
01/10/1991	: 31/03/2004	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/04/2004	: 31/08/2008	Giám đốc Chính nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng
01/09/2008	: 30/04/2012	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: 25/04/2013	Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/04/2013	: nay	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 02 thành viên Đầu tư và Phát triển Quốc tế (IID) - Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Campuchia (IDCC) - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phát triển Đường cao tốc BIDV (BEDC)
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ: Trong đó:		32.900 cổ phần

Cổ phần nhà nước đại diện nắm giữ:	0 cổ phần
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:	32.900 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:	Mẹ Trần Thúy An, CMND số 200074271 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phan Thị Kim Phụng, CMND số 200732428 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Phan Bảo Trâm, CMND số 201668385 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Hải Vân, CMND số 201183753 sở hữu 10.842 cổ phần
Ông Nguyễn Văn Hà	ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/08/1948
Nơi sinh	Nghệ An
CMND:	022319258 do Công An TP HCM cấp ngày 06/11/2007
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hưng Phúc – Hưng Nguyên – Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	0903817813
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Tiến sỹ khoa học, chuyên ngành kinh tế
Quá trình công tác:	
1983	: 1987
	Chủ nhiệm khoa Mác – Lê Nin, Phó bí thư Đảng Ủy Trường cao cấp Ngân hàng TP.HCM

1987	: 1993	Phó Hiệu trưởng, Phó bí thư Đảng Ủy Trường cao cấp Ngân hàng TP.HCM
1993	: 1998	Phó bí thư Đảng Ủy, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và nghiên cứu khoa học Ngân hàng TP.HCM, Ủy viên đảng ủy khối các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp TP HCM
1998	: 2003	Phó Giám đốc Học Viện Ngân hàng kiêm Giám đốc phân viện TP.HCM, Bí thư Đảng Ủy, Đảng Ủy viên khối các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp TP HCM
2003	: 2008	Hiệu trưởng, Bí thư Đảng Ủy, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, Đảng Ủy viên khối các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp TP HCM
2008	: 25/04/2013	Nghỉ hưu
26/04/2013	: nay	Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Ủy viên Hội đồng khoa học Trường đại học Ngân hàng TP HCM
Số cổ phần BIDV đang nắm giữ:		Không
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Những người có liên quan:		Vợ Dương Thị Thảo, CMND số 023321355, sở hữu 0 cổ phần Con Nguyễn Khánh Linh, CMND số 022761692, sở hữu 0 cổ phần Con Nguyễn Quốc Việt, CMND số 023460213, sở hữu 0 cổ phần Anh Nguyễn Văn Khước, CMND số 182563229 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Loan, CMND số 186392236 sở hữu 0 cổ phần Anh Nguyễn Tiến Bộ, CMND số 182285366 sở hữu

	0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Hương, CMND số 081443689, sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Mai, CMND 090777001, sở hữu 0 cổ phần
--	---

13.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

32: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Văn Bé	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên chuyên trách
3	Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách

Nguồn: BIDV

Sơ yếu lý lịch các thành viên BKS

Ông Trần Văn Bé		TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		19/09/1961
Nơi sinh		Mỹ Quý, Tháp Mười, Đồng Tháp
CMND:		340029408 do Công An Đồng Tháp cấp ngày 26/05/2008
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Mỹ Quý, Tháp Mười, Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú:		35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22205827
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/04/1991	: 14/08/1994	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Đồng Tháp
15/08/1994	: 14/04/2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Đồng Tháp

15/04/2011	: 30/04/2012	Phó Giám đốc thường trực – Hàm Giám đốc Ban Kiểm soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		15.700 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Ngân hàng PGBank: 105.000 cổ phần Công ty BIDV-UC: 9.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Vợ Trương Thị Thu Vân, CMND số 340023473 sở hữu 4.032 cổ phần Con Trần Vinh Quang, CMND số 341362655 sở hữu 0 cổ phần Con Trần Yến Ngọc, CMND số 341539153 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Tòng, CMND số 340029426 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Quang Thanh, CMND số 340687020 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Quang Tường, CMND số 340195292 sở hữu 0 cổ phần
Bà Nguyễn Thị Tâm		THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		25/10/1965
Nơi sinh		Hải Dương
CMND:		011814791 do Công An Hà Nội cấp ngày 15/06/2009
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương

Địa chỉ thường trú:		3/106 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22200540
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
10/05/1991	: 21/03/2000	Cán bộ Trụ Sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
22/03/2000	: 01/04/2006	Trưởng Phòng Kế toán Điện toán – Ngân hàng LD Lào Việt Hà Nội
01/04/2006	: 14/06/2007	Phó Trưởng Phòng Kiểm toán – Ban Kiểm soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/06/2007	: 31/08/2008	Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng Giám sát và Tổng hợp – Ban Kiểm soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/09/2008	: 25/03/2009	Trưởng phòng Phòng Giám sát – Ban Kiểm soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
26/03/2009	: 30/04/2012	Trưởng phòng Phòng Giám sát, Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Thành viên Ban Kiểm Soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		6.442 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty Công đoàn BIDV: 4.500 cổ phần Công ty Đầu tư Tài chính BIDV: 7.000 cổ phần Công ty CP giàn khoan dầu khí: 1.067 cổ phần Ngân hàng TMCP Đại Á: 3.693 cổ phần Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre: 1.108 cổ phần Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang: 3.840 cổ phần Công ty CP Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TPHCM: 4.500 cổ phần Công ty CP Phân đạm và Hóa chất dầu khí: 6.000 cổ phần Công ty CP cao su Đà Nẵng: 7.965 cổ phần

	Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển: 6.666 cổ phần Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai: 862 cổ phần Công ty CP Hacisco: 14.879 cổ phần Công ty CP Đầu tư-Công nghiệp Tân Tạo: 3.900 cổ phần Ngân hàng TMCP Quân đội: 27.354 cổ phần Công ty CP Cơ điện lạnh: 30.660 cổ phần Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn: 22.600 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 3.207 cổ phần Công ty CP Dầu thực vật Tường An: 9.500 cổ phần Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 7.323 cổ phần Công ty CP Sữa Việt Nam: 3.352 cổ phần Ngân hàng TMCP Á Châu: 17.131 cổ phần Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt: 3.000 cổ phần Công ty CP Xi măng Hoàng Mai: 3.000 cổ phần Công ty CP Sản xuất và kinh doanh Kim khí: 20.000 cổ phần Công ty CP Chứng khoán Kim Long: 45.050 cổ phần Công ty CP Than Núi Béo: 2.666 cổ phần Công ty CP Sản xuất TMDV Phú Phong: 1.650 cổ phần Tổng Công ty CP D.vụ và KT Dầu khí Việt Nam: 9.711 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội: 1.815 cổ phần Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 22.145 cổ phần Công ty CP Đá ốp lát cao cấp Vinaconex: 2.900 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố Nguyễn Trọng Hiếu, CMND số 140011209 sở hữu 0 cổ phần Chồng Nguyễn Văn Lâm, CMND số 011290150 sở hữu 0 cổ phần Con Nguyễn Thùy My, CMND số 013286340 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Bích Hạnh, CMND số 162833218 sở hữu 0 cổ phần Chị Nguyễn Thị Thư Chi, CMND số 142265453 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Trọng Tiến, CMND số 90027704 sở hữu 0 cổ phần Em Nguyễn Thị Thanh Phúc, CMND số 141898962 sở hữu 0 cổ phần

		Em Nguyễn Thị Thủy Chung, CMTND số 013039111 sở hữu 355 cổ phần Em Nguyễn Trọng Dũng, CMND số 011911748 sở hữu 0 cổ phần
Ông Cao Cự Trí		THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		04/10/1966
Nơi sinh		Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ An
CMND:		012500432 do Công An Hà Nội cấp ngày 01/04/2002
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Diễn Bình, Diễn Châu, Nghệ Tĩnh
Địa chỉ thường trú:		Phòng 3, nhà A1, Tập thể Đại học KTQD, Phường Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04. 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/10/1984	: 30/06/2002	Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, NHNN Trung ương)
01/07/2002	: 14/02/2004	Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/02/2004	: 30/09/2006	Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/10/2006	: 28/02/2009	Phó Giám đốc – Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (20/7/2007 – 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Quản lý tín dụng – Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/03/2009	: 30/04/2012	Phó Trưởng Ban Kiểm Soát – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Thành viên Ban Kiểm Soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (BIC)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ	2.700 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	NHTMCP Đại Á: 20.000 cổ phần. NHTMCP Hàng Hải: 1.300 cổ phần; Công ty BUC: 4.500 cổ phần; Công ty BIC: 1.000 cổ phần. Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2: 7.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố Cao Cự Bội, CMND số 010197611, sở hữu 0 cổ phần Mẹ Đậu Thị Thanh Liêm, CMND số 012557347, sở hữu 0 cổ phần Vợ Tạ Thị Kiều Anh, CMND số 013178197, sở hữu 0 cổ phần Con Cao Cự Nhật Minh, CMND số 013166525, sở hữu 0 cổ phần Em Cao Thị Lý, CMND số 012083858, sở hữu 0 cổ phần Em Cao Thị Ý Nhi, CMND số 012118043, sở hữu 0 cổ phần

13.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

33: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Phan Đức Tú	Tổng Giám đốc
2.	Ông Phạm Đức Ân	Phó Tổng Giám đốc
3.	Bà Phan Thị Chinh	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Trần Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông Trần Lục Lang	Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
8.	Ông Đoàn Ánh Sáng	Phó Tổng Giám đốc
9.	Ông Phạm Quang Tùng	Phó Tổng Giám đốc
10.	Ông Trần Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc

Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Đức Tú		TỔNG GIÁM ĐỐC
Xem mục 13.1		
Ông Phạm Đức Ấn		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính		Nam
Ngày tháng năm sinh		01/02/1970
Nơi sinh		Thanh Long – Thanh Chương – Nghệ An
Số CMTND		012655316 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 20/11/2003
Quốc tịch		Việt Nam
Dân tộc		Kinh
Quê quán		Thanh Long – Thanh Chương – Nghệ An
Địa chỉ thường trú		Tập thể Đại học Luật Hà Nội – Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan		04 22200444
Trình độ văn hóa		12/12
Trình độ chuyên môn		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
17/03/2004	: 30/09/2006	Trưởng phòng Phòng Pháp chế - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/10/2006	: 30/06/2009	Giám đốc Ban Pháp chế - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/07/2009	: 31/05/2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hưng Yên
01/06/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, được biệt phái giữ chức vụ Phó chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Ngân hàng liên doanh Việt Nga
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ	35.026 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	CTCP Chương Dương – 3.840 cổ phần CTCP Nông dược HAI – 60 cổ phần CTCP Sông Đà 9.01 – 2.340 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – 6.959 cổ phần Tập đoàn Vincom (VIC) – 371 cổ phần Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam: 98 cổ phần Ngân hàng TMCP Đại Á – 1.500 cổ phần CTCP Chế tạo Dàn khoan dầu khí – 1.467 cổ phần CTCP Cho thuê máy bay Việt Nam – 5.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với BIDV:	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan:	Bố Phạm Đức Thâm, CMND số 180691244, sở hữu 0 cổ phần Vợ Thái Thị Lan Phương, CMND số 011878691, sở hữu 0 cổ phần Anh Phạm Đức Bảo, CMND số 012655314 sở hữu 0 cổ phần Chị Phạm Thị Hải, CMND số 023162720 sở hữu 0 cổ phần Chị Phạm Thị Diệp, CMND số 025316458, sở hữu 0 cổ phần
Bà Phan Thị Chinh	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	06/01/1968
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND:	011920202 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 08/09/2010

Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Phan Sào Nam, Phù Cừ, Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:		Số 2, Ngõ 90, Phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hoà, TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		0422200446
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
01/03/2003	: 31/07/2004	Phó Giám đốc Ban Tài chính – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/08/2004	: 14/06/2007	Giám đốc Ban Tài chính – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
15/06/2007	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		Ủy viên HĐQT Công ty Liên doanh Tháp BIDV
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ		22.000 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam: 720 cổ phần Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 3.254 cổ phần Công ty cổ phần Vincom: 13 cổ phần Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 15.798 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Chồng Đinh Mạnh Tuấn, CMND số 011774333 sở hữu 0 cổ

		phần Con Đình Nam Hải, CMND số 013314668 sở hữu 0 cổ phần Anh Phan Văn Thủy, CMND số 030880054 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Xinh, CMND số 030141656 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Gái, CMND số 030144714 sở hữu 0 cổ phần Chị Phan Thị Kiên, CMND số 030144715 sở hữu 0 cổ phần
Ông Quách Hùng Hiệp		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		23/09/1969
Nơi sinh:		Hà Nội
CMND:		011733037 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 17/11/2003
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Cao Xá – Thanh Oai – Hà Tây
Địa chỉ thường trú:		Đốc Ngừ, Phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22201162
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:		
01/06/1999	: 31/07/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)
01/08/2002	: 31/03/2005	Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/12/2004	: 08/03/2010	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public
01/04/2005	: 31/10/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2006	: 31/12/2006	Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/01/2007	: 01/03/2011	Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
16/10/2010	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:	Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ	26.442 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 – 3.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố - Quách Chắp Hoàng, CMND số 011499679 sở hữu 0 cổ phần Vợ - Phạm Thị Mai Anh, CMND số 011888135 sở hữu 0 cổ phần Chị - Quách Thị Hồng Lợi, CMND số 012385567 sở hữu 0 cổ phần Chị - Quách Thị Minh Hương, CMND số 010406186 sở hữu 0 cổ phần
Ông Trần Xuân Hoàng	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/10/1965
Nơi sinh	Hải Phòng
CMND:	025549817 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2011
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Căn hộ A107, CC Hoàng Anh – Gia Lai 1, số 357, Đường Lê Văn Lương, Phường Tân Quy, Quận 7, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04 22201162
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:		
01/07/1996	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai
15/07/2006	: 14/08/2008	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
15/08/2008	: 30/04/2012	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		- Thành viên HĐQT Công ty Cho thuê Tài chính TNHH 01 TV BIDV (BLC); - Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn BIDV (BIDV-UC)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ		17.400 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Không
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Vợ Hoàng Thị Giang Hà, CMND số 025223210 sở hữu 8.631 cổ phần Con Trần Hồng Quân, CMND số 025223211 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Xuân Ba, CMND số 010790309 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Xuân Tư, CMND số 230085992 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Thị Minh Phượng, CMND số 230314689 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Thị Kim Hoa, CMND số 230397401 sở hữu 0 cổ phần
Ông Trần Lục Lang		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		21/06/1967
Nơi sinh:		TP Quy Nhơn, Bình Định
CMND:		215281334 do Công An TP Bình Định cấp ngày 19/05/2009
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Phước Hòa, Tuy Phước, Bình Định
Địa chỉ thường trú:		279 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:		
21/01/2002	: 14/07/2006	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định
14/07/2006	: 30/09/2006	Quyền Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/10/2006	: 31/05/2011	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài
01/06/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		202.000 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Thủy điện VS-SH: 2.265 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV:	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không
Những người có liên quan:	Mẹ Phạm Thị Lực, CMND số 210224349 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phạm Thị Tuyết Mai, CMND số 211509655 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Đại Lang, CMND số 210224522 sở hữu 0 cổ phần Anh Trần Nhị Lang, CMND số 210224528 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Tam Hoa Quân, CMND số 210224493 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Tứ Phương Quân, CMND số 211006327 sở hữu 0 cổ phần Chị Trần Ngũ Anh Quân, CMND số 211660866 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Thất Diễm Quân, CMND số 225423380 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Bát Lang, CMND số 025438243 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Cửu Lang, CMND số 215281792 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Thập Kiều Quân, CMND số 025217888 sở hữu 0 cổ phần Em Trần Thập Nhất Trinh Quân, CMND số 024566024 sở hữu 0 cổ phần
Ông Trần Phương	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	27/12/1973
Nơi sinh	Bắc Giang
CMND:	013045909 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 12/03/2008
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thanh Lĩnh, Thanh Chương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Phòng 211, C10, Tập thể Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	04. 22205544
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:	

01/2006	: 06/2006	Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
07/2006	: 12/2006	Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển– Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007	: 08/2008	Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
08/2008	: 04/2012	Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:		- Giám đốc Công ty TNHH 01 TV Quản lý nợ và Khai thác tài sản BIDV (BAMC); - Ủy viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		15.942 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam: 3.900 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Bố Trần Khanh, CMND số 122064827 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Thu Nhượng, CMND số 013322574 sở hữu 0 cổ phần Vợ Phạm Thị Kim Oanh, CMND số 011942246 sở hữu 3.000 cổ phần Em Trần Hoài Phương, CMND số 012845189 sở hữu 0 cổ phần
Ông Đoàn Ánh Sáng		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		02/03/1961
Nơi sinh		Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
CMND:		210111747 do CA Bình Định cấp ngày 25/12/1998

Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:		Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP HCM
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		08.38215038
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình đạo chuyên môn:		Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:		
01/1994	: 09/1999	Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
10/1999	: 11/2001	Quyền Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Bình Định
12/2001	05/2002	Điều động về Ngân hàng ĐT&PT VN chờ nhận nhiệm vụ mới
06/2002	: 09/2002	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giáo dục 2
10/2002	: 04/2012	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2
05/2012	Nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Sở Giao dịch 2
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Ủy viên HĐQT Công ty cho thuê tài chính BIDV
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		203.200 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị dầu khí: 10.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không

Những người có liên quan:		Vợ Võ Thị Cẩm Thúy, CMND số 024097126 sở hữu 0 cổ phần Con Đoàn Thanh Thuyền, CMND số 024097125 sở hữu 0 cổ phần Con Đoàn Thanh Thanh, CMND số 025342745 sở hữu 0 cổ phần Anh Đoàn Anh Nhơn, CMND số 023283768 sở hữu 0 cổ phần Chị Đoàn Thị Lệ Ánh, CMND số 023504725 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thủy, CMND số 212609912 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thúy, CMND số 024908584 sở hữu 0 cổ phần Em Đoàn Thị Lệ Thùy, CMND số 211132123 sở hữu 0 cổ phần
Ông Phạm Quang Tùng		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Giới tính:		Nam
Ngày tháng năm sinh:		12/09/1971
Nơi sinh		Hà Nội
CMND:		012227020 do Công An TP Hà Nội cấp ngày 27/04/1999
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Hải Dương
Địa chỉ thường trú:		902 CT1 Vimeco, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22201169
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Kỹ sư Kinh tế
Quá trình công tác:		
01/05/2003	: 01/03/2005	Phó Giám đốc Ban Tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
04/2005	: 10/2005	Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
11/2005	: 12/2005	Phó Tổng Giám đốc Công ty LD Bảo hiểm Việt – Úc
01/2006	: 30/09/2010	Quyền Giám đốc/Giám đốc Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
01/10/2010	: 15/10/2010	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo

		hiểm BIDV (BIC)
16/10/2010	: 27/04/2011	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
28/04/2011	: 30/04/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
01/05/2012	: nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Chức vụ công tác hiện nay:		Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ:		18.884 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công ty khác:		Ngân hàng TMCP Đại Á: 1.368 cổ phần Tổng công ty CP Bảo hiểm NHTMCP ĐT&PT Việt Nam: 230.000 cổ phần Ngân hàng TMCP Quân đội: 230.752 cổ phần Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín: 384 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:		Không
Các khoản nợ đối với BIDV:		Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV:		Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác:		Không
Những người có liên quan:		Bố Phạm Huy Chiền, CMND số 140870609 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Diễm, CMND số 142693266 sở hữu 0 cổ phần Vợ Đào Thúy Ngà, CMND số 012227021 sở hữu 0 cổ phần Con Phạm Quỳnh Chi, CMND số 013175842 sở hữu 0 cổ phần Em Phạm Quốc Huy, CMND số 013103467 sở hữu 0 cổ phần Em Phạm Trung Dũng, CMND số 012537013 sở hữu 0 cổ phần
Ông Trần Thanh Vân		PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Xem mục 13.1		

13.4. Sơ yếu lý lịch Kế toán trưởng

Kế toán trưởng: Bà Tạ Thị Hạnh

Bà Tạ Thị Hạnh		KẾ TOÁN TRƯỞNG
Giới tính:		Nữ
Ngày tháng năm sinh:		05/05/1972
Nơi sinh		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
CMND:		012287440 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 19/10/1999
Quốc tịch:		Việt Nam
Dân tộc:		Kinh
Quê quán:		Xã Việt Hoà, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:		Số nhà 14, ngõ 432/20 Phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:		04 22205544
Trình độ văn hóa:		12/12
Trình độ chuyên môn:		Thạc sỹ Ngân hàng
Quá trình công tác:		
01/11/2006	: 31/12/2009	Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
01/01/2010	: 31/10/2011	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/06/2011	: 30/10/2011	Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/11/2011	: 30/04/2012	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/05/2012	: nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:		Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:		Không
Số cổ phần BIDV cá nhân đang nắm giữ		1.700 cổ phần
Sở hữu chứng khoán tại các công		Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2: 10.000

ty khác:	cổ phần Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC: 2 cổ phần Công ty cổ phần chứng khoán dầu khí: 50 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với BIDV	Không
Lợi ích liên quan đối với BIDV	Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Những người có liên quan:	Bố Tạ Văn Đảo, CMND số 145717872 sở hữu 0 cổ phần Mẹ Nguyễn Thị Đáo, CMND số 145717873 sở hữu 0 cổ phần Chồng Dương Xuân An, CMND số 011344117 sở hữu 0 cổ phần Con Dương Đức Minh, CMND số 013288990 sở hữu 0 cổ phần Anh Tạ Văn Đảo, CMND số 145719085 sở hữu 0 cổ phần Anh Tạ Văn Quỳnh, CMND số 141748200 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thúy Quỳnh, CMND số 141466932 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Chính, CMND số 011677265 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Nhiều, CMND số 145717706 sở hữu 0 cổ phần Chị Tạ Thị Thạnh, CMND số 145719300 sở hữu 0 cổ phần

14. TÀI SẢN

14.1. Tài sản cố định theo sổ sách kế toán

34: Chi tiết tài sản cố định tại 31/03/2013

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
I. TSCĐ hữu hình	3.892.144.014.157	2.199.232.668.349	1.692.911.345.808	43,50
1.Nhà cửa, vật kiến trúc	1.746.946.666.539	469.843.447.789	1.277.103.218.750	73,10
2.Máy móc thiết bị	1.739.431.852.486	1.422.006.877.423	317.424.975.063	18,25
3.Phương tiện vận tải	344.152.727.342	271.534.770.334	72.617.957.008	21,10
4.Thiết bị dụng	17.438.208.435	5.657.840.501	11.780.367.934	67,55

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
cụ quản lý				
5.TSCĐ hữu hình khác	44.174.559.355	30.189.732.301	13.984.827.054	31,66
II. TSCĐ thuê tài chính	634.113.724.459	365.190.359.546	268.923.364.913	42,41
1.Máy móc thiết bị	370.184.503.558	223.842.397.437	146.342.106.121	39,53
2.Phương tiện vận tải	263.929.220.901	141.347.962.109	122.581.258.792	46,44
III. TSCĐ vô hình	2.537.539.544.308	377.926.985.957	2.159.612.558.351	85,11
1.Quyền sử dụng đất	2.094.706.398.362	74.096.330.144	2.020.610.068.218	96,46
2.Phần mềm vi tính, bản quyền, bằng sáng chế	440.625.903.130	302.901.228.919	137.724.674.211	31,26
3.TSCĐ vô hình khác	2.207.242.816	929.426.894	1.277.815.922	57,89
Tổng	7.063.797.282.924	2.942.350.013.852	4.121.447.269.072	58,35

Nguồn: BIDV

14.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất

Tổng diện tích đất BIDV đang quản lý và sử dụng tính đến thời điểm 31/03/2013: 423.635,10 m² với 300 địa điểm đất. Các địa điểm đất hầu hết đều đang được sử dụng (hoặc đang trong quá trình đầu tư xây dựng trụ sở) để làm trụ sở làm việc, giao dịch, nhà nghỉ công vụ, nhà khách, nhà kho, nhà để xe phục vụ hoạt động của Hội sở chính và cho các chi nhánh, đơn vị thành viên trong hệ thống.

35: Tình hình sử dụng đất tại 31/03/2013

STT	Nội dung	Diện tích (m2)	Số địa điểm đất
1.	Đất được Nhà nước giao	73. 092,23	59
2.	Đất thuê trả tiền 1 lần	36.749,13	14
3.	Đất thuê trả tiền hàng năm	264.109,94	158

4.	Đất nhận chuyển nhượng QSD đất	39.448,33	65
5.	Đất khác	10.235,47	4
	Tổng cộng	423.635,10	300

Nguồn: BIDV

Danh sách chi tiết các khu đất do BIDV đang quản lý và sử dụng: Xem tại Phụ lục I.

Nhà cửa, vật kiến trúc

Phần lớn các công trình BIDV đầu tư xây dựng được sử dụng làm trụ sở phục vụ cho hoạt động kinh doanh của BIDV theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao. Hội sở chính BIDV trước đây đặt tại 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Song để xây dựng lại trụ sở, từ năm 2005 đến năm 2009, Hội sở chính BIDV được chuyển về trụ sở mới của ngân hàng tại tháp A Vincom, 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Năm 2010, sau khi tòa tháp BIDV được xây dựng xong, trụ sở chính BIDV được chuyển về tháp BIDV tại 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội (thuê của Công ty Liên doanh tháp BIDV). Trụ sở tại tòa tháp A Vincom được sử dụng làm văn phòng cho các đơn vị thành viên như Chi nhánh Sở Giao Dịch I, Trụ sở chính của Tổng công ty CP bảo hiểm BIDV (BIC) và một số các Trung tâm và Ban tại Hội sở chính (Ban Kế toán; Kiểm soát; Trung tâm thẻ; Trung tâm thanh toán...). Tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh, trong năm 2009-2010 BIDV cũng đã đầu tư công trình trụ sở cho Văn phòng đại diện BIDV và các đơn vị thành viên BIDV khu vực phía Nam tại 472 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3.

Cùng với sự phát triển mở rộng hoạt động, kể từ năm 2003 BIDV đã tăng cường đầu tư xây dựng nhiều trụ sở chi nhánh. Tính đến 31/03/2013, BIDV đã có mạng lưới chi nhánh và các công ty thành viên tại tất cả các tỉnh, thành phố trên cả nước với tổng số lên tới 117 chi nhánh. Để đảm bảo ổn định kinh doanh và tăng trưởng bền vững, phần lớn các chi nhánh đang hoạt động đều được đầu tư xây dựng trụ sở mới (chiếm khoảng 80% diện tích sàn xây dựng) ở tất cả các tỉnh thành phố trên cả nước với các toà nhà 5-10 tầng trở lên với quy mô khoảng từ 3000~6000 m² sàn xây dựng/chi nhánh, được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ và đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, hệ thống mạng vi tính và điện thoại tích hợp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn ngân hàng hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Trụ sở Phòng giao dịch/điểm giao dịch: hầu hết có quy mô từ 300~600m² sàn xây dựng/Phòng giao dịch. Các công trình này cũng được trang bị các hệ thống kỹ thuật phụ trợ hiện đại, đồng bộ, đầy đủ như: hệ thống điều hòa không khí, camera quan sát; báo cháy, báo động chống đột nhập, hệ thống chống sét lan truyền, mạng vi tính và điện thoại tích hợp

đảm bảo theo tiêu chuẩn của một phòng Giao dịch, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả, an toàn trong hoạt động ngân hàng.

Phần nhỏ diện tích nhà cửa (chiếm khoảng dưới 10% diện tích sàn xây dựng) là các cơ sở nhà, công trình kiến trúc nhận bàn giao hoặc mua lại của các đơn vị khác đã lâu nay xuống cấp, giá trị sử dụng thấp, giá trị công trình không lớn. Một số công trình đang trong quá trình phê duyệt phá dỡ để xây dựng trụ sở mới và còn một phần diện tích không lớn được sử dụng làm nhà công vụ, nhà khách v.v.

Hệ thống công nghệ thông tin

BIDV là một trong những Ngân hàng thương mại đầu tiên triển khai thành công Dự án Hiện đại hóa ngân hàng theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước (vào năm 2004). Vì vậy nhu cầu về thiết bị tin học của BIDV trong các năm gần đây có sự gia tăng đột biến cả về số lượng và chủng loại thiết bị. Hiện tại, số lượng và giá trị của phần mềm, thiết bị tin học chiếm khoảng 30% tổng giá trị các tài sản. Đây là những loại tài sản có thời gian sử dụng không dài (từ 4-8 năm), cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, loại tài sản này dễ bị lạc hậu về tính năng sử dụng, hao mòn vô hình lớn và được trích khấu hao nhanh.

Trong những năm qua, các hệ thống CNTT triển khai tại BIDV đều phù hợp với mục tiêu đề ra cũng như phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh, các chính sách của BIDV và BIDV luôn được đánh giá là một trong những ngân hàng có hệ thống CNTT mạnh ở Việt Nam. Hệ thống ngân hàng cốt lõi của BIDV đã bao trùm hầu hết các hoạt động nghiệp vụ với cơ sở dữ liệu tập trung, các giao dịch được cập nhật trực tuyến, hệ thống thanh toán đáp ứng yêu cầu thanh toán và được tự động hoá cao, hệ thống an ninh bảo mật đã được trang bị đồng bộ nhằm đảm bảo an ninh đối với hệ thống CNTT và hoạt động ngân hàng.

Thông qua việc trang bị hệ thống ngân hàng cốt lõi – Core Banking (SIBS), BIDV đã phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại và đổi mới quản trị điều hành ngân hàng theo thông lệ quốc tế, tạo ra các lợi thế cạnh tranh mới, áp dụng mô hình tổ chức hoạt động với các quy trình theo thông lệ. Hiện tại, hệ thống Trung tâm xử lý chính của BIDV gồm 2 máy chủ IBM iSeries570 phục vụ hệ thống Core Banking (SIBS), ngoài ra còn có hàng trăm máy chủ các loại dùng cho các chương trình phần mềm, dịch vụ khác của BIDV (SWIFT, VISA, IBMB, WEB, E-mail, quản lý mẫu dấu chữ ký, chuyển tiền, thanh toán với các ngân hàng khác,...). Bên cạnh đó, toàn hệ thống hiện có trên 600 mạng cục bộ (LAN), với trên 1200 máy chủ các loại cùng với hàng nghìn thiết bị truyền thông, thiết bị bảo mật (Router, Switch, Modem, Firewall, HSM, ...) đáp ứng nhu cầu hoạt động của hệ thống. Toàn hệ thống có 1.295 ATM và trên 4.000 POS. Để đảm bảo kinh doanh liên tục, BIDV đã xây dựng Trung tâm dự phòng thảm họa với đầy đủ cơ sở hạ tầng gần tương tự như trung tâm xử lý chính nhằm dự phòng trong các trường hợp có sự cố xảy ra: hỏa hoạn, động đất,...

15. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC NĂM TIẾP THEO

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 của BIDV đã xác định các chỉ tiêu cho giai đoạn 2012 – 2015 như sau:

-  Tăng trưởng bình quân huy động vốn cuối kỳ: 18%-19%/năm
-  Tăng trưởng bình quân tổng Dư nợ tín dụng: 17%-18%/năm
-  Tỷ lệ nợ xấu đến 2015: $\leq 2,5\%$
-  Tăng trưởng bình quân lợi nhuận trước thuế: 20-25%/năm
-  ROA: $\geq 1\%$
-  ROE: $\geq 17\%$

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 đã thông qua một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2013 như sau:

-  Lợi nhuận trước thuế: 4.720 tỷ đồng
-  Tỷ lệ nợ xấu: $< 3\%$
-  ROA: 0,7%
-  ROE: 12%

Trên cơ sở triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, BIDV dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2013 như sau

Chỉ tiêu	Năm 2013	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2012
Thu nhập lãi thuần	15.100	14%
Lợi nhuận sau thuế	3.580	9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	24%	n/a
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12%	n/a
Cổ tức	8%-9%	n/a

Nguồn: BIDV

-  Căn cứ thực hiện:

Năm 2013, dự báo kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn, thương mại toàn cầu phục hồi chậm, tăng trưởng kinh tế không cao hơn nhiều so với năm 2012. Kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt những nguy cơ về suy giảm, đình trệ trong sản xuất kinh doanh và những rủi ro tiềm ẩn trong hệ thống ngân hàng tài chính do nợ xấu có xu hướng gia tăng. Nhận thức và lường đón được những thách thức của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng, cùng với những kinh

nhịệm ứng phó với khó khăn trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế, BIDV đã xây dựng KHKD năm 2013 phù hợp với khả năng phục hồi của nền kinh tế.

Về quy mô, BIDV dự kiến tăng trưởng tín dụng năm 2013 tối thiểu là 12% và phần đầu tăng trưởng 16,5% (bao gồm các chương trình tín dụng ưu tiên, theo chỉ đạo của Chính Phủ và NHNN), huy động vốn tăng trưởng tối thiểu 13%, tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng tài sản (ROA) là 0,7% và Tỷ lệ thu nhập ròng trên tổng nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) là 12%.

 Các biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2013:

- Đối với hoạt động tín dụng: Ưu tiên tập trung tăng trưởng dư nợ cho vay nhóm khách hàng có chất lượng tín dụng tốt và sử dụng tối đa mức tăng trưởng này để tăng dư nợ cho vay bình quân nhằm đảm bảo mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng; Kiểm soát tốt chất lượng tín dụng.
- Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán, đầu tư tiền gửi: Sử dụng một cách hiệu quả toàn bộ dự trữ thanh toán thứ cấp, cơ cấu danh mục đầu tư chứng khoán, tiền gửi vừa đảm bảo an toàn thanh khoản vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh; thực hiện kinh doanh vốn theo sát lãi suất thị trường góp phần tăng hiệu quả kinh doanh chung của ngân hàng.
- Đối với hoạt động dịch vụ: gia tăng thu dịch vụ ròng trên cơ sở phát triển sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại.
- Áp dụng các biện pháp hữu hiệu để tiết kiệm chi phí hoạt động.
- Nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng, tạo điều kiện giảm DPRR phải trích đối với hoạt động tín dụng

16. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, BSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của BIDV.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của BIDV, Công ty Chứng khoán Đầu tư cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của BIDV dự kiến cho năm 2013 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham

khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của BIDV.

17. THỜI HẠN DỰ KIẾN ĐƯA CỔ PHIẾU VÀO GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG CÓ TỔ CHỨC

Không quá 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA BIDV

18.1. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Chi tiết các khoản nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra tại ngày 31/03/2013 của BIDV như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	66.593.556
1. Bảo lãnh tài chính	43.943.041
Bảo lãnh vay vốn	337.792
Bảo lãnh khác	43.605.249
2. Cam kết thanh toán LC	22.650.515
Thư tín dụng trả ngay	11.739.319
Thư tín dụng trả chậm	10.911.195
II. Các cam kết khác	11.898.259

Nguồn: BIDV

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi khách hàng của Ngân hàng (bên được bảo lãnh) vi phạm các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Thư tín dụng là cam kết thanh toán của ngân hàng tới người thụ hưởng thư tín dụng khi người thụ hưởng xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các điều khoản và điều kiện của thư tín dụng.

Thư tín dụng trả ngay/ trả chậm là thư tín dụng theo đó ngân hàng cam kết thanh toán ngay/ thanh toán vào ngày đến hạn trong tương lai khi nhận được bộ chứng từ phù hợp.

Giao dịch thư tín dụng sẽ phát sinh rủi ro khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không thanh toán cho người thụ hưởng và ngân hàng phải thanh toán ngay. Các khoản thanh toán thay này được ngân hàng ghi nhận là khoản vay bắt buộc đối với khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

18.2. Các cam kết khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông BIDV số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/03/2012, BIDV dự kiến bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược với tỉ lệ phát hành cổ phần tối đa 15% vốn điều lệ sau khi phát hành. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị BIDV quyết định các nội dung liên quan tới đợt phát hành theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

19. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI BIDV CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

Không có

PHẦN 5: CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/ cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm: **510.040.685¹⁷** cổ phiếu, trong đó:

-  Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 104.193.492 cổ phần
- Đối tượng: Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Cổ tức năm 2012 đợt 1 được chi trả bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 4,52784% vốn điều lệ: tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phần thì nhận được 01 quyền nhận cổ tức. Cứ 100 quyền thì được nhận 4,52784 cổ phần mới.
- Số cổ phần được chia sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống, số cổ phần lẻ thập phân được trả bằng tiền mặt theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- **Ví dụ:** một cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm chốt danh sách sở hữu 2.000 cổ phần sẽ được nhận cổ tức bằng cổ phiếu là: $2.000 \times 4,52784\% = 90,5568$ (cổ phần)
- Do số cổ phần lẻ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên cổ đông trên sẽ được nhận cổ tức là 90 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Số cổ phần lẻ là 0,5568 cổ phần sẽ được trả bằng tiền mặt cho cổ đông với giá trị là 0,5568 (cổ phần) * 10.000 (đồng/cổ phần) = 5.568 đồng.

¹⁷ ĐHĐCĐ thường niên 2013 BIDV đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phần với số lượng là 519,3 triệu cổ phần, trong đó cổ phần phát hành để trả cổ tức là 113,5 triệu cổ phần và cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu là 405,8 triệu cổ phần. ĐHĐCĐ cũng đã ủy quyền cho HĐQT: quyết định thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu tăng vốn; điều chỉnh Phương án tăng vốn Điều lệ 2013 theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền nhằm triển khai hiệu quả việc tăng vốn điều lệ phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh của BIDV. Ngày 27/05/2013, HĐQT BIDV đã thông qua Nghị quyết số 762/NQ-HĐQT, theo đó quyết nghị việc phát hành cổ phiếu theo Phương án được ĐHĐCĐ phê duyệt được chia thành 02 đợt. Đợt 1 phát hành 510 triệu cổ phần (trong đó có 104,2 triệu cổ phần để chi trả cổ tức) và đợt 2 phát hành 9,3 triệu cổ phần còn lại từ nguồn chi trả cổ tức năm 2012. Nội dung này phù hợp với văn bản số 3840/NHNN-TTGSNNH ngày 30/5/2013 của Ngân hàng nhà nước v/v tăng vốn điều lệ năm 2013 của BIDV.

- Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu không được phép chuyển nhượng. Cổ phần được chia không bị hạn chế chuyển nhượng.

 Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 405.847.193 cổ phần

- Đối tượng: Cổ đông có tên trong sổ theo dõi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách
- Tỷ lệ thực hiện quyền: thực hiện quyền theo tỷ lệ 17,63655% vốn điều lệ: tại thời điểm chốt danh sách, cổ đông sở hữu 01 cổ phần thì nhận được 01 quyền mua cổ phần phát hành thêm. Cứ 100 quyền mua thì được mua 17,63655 cổ phần phát hành thêm.

Số cổ phần được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền và toàn bộ số cổ phiếu phát sinh do chênh lệch giữa tổng số cổ phiếu được phép phát hành và số cổ phiếu thực tế chia cho cổ đông sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ: cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm chốt danh sách sở hữu 2.000 cổ phần sẽ được quyền mua thêm: $2.000 \times 17,63655\% = 352,731$ (cổ phần phát hành thêm).

Số cổ phần được quyền mua thêm được làm tròn xuống thành 352 cổ phần. Số tiền mua cổ phần tương ứng là (giả sử giá phát hành là 10.000 đồng/ cổ phần): $352 \times 10.000 = 3.520.000$ đồng.

- Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua một lần (nếu có nhu cầu). Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba. Cổ phần phát hành thêm đợt này không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Xử lý quyền mua không được thực hiện: Nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phần chào bán thì toàn bộ quyền mua số lượng cổ phần còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quyết định chào bán cho đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp nhưng không ưu đãi hơn các điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Trường hợp kết thúc thời hạn phát hành (kể cả thời gian được gia hạn nếu có) mà cổ phiếu phát hành vẫn không được phân phối hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá dự kiến chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/ cổ phần.

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của BIDV theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2013 đã được kiểm toán là 12.019 đồng/cổ phiếu (= vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2013 chia cho tổng số cổ phần lưu hành tại 31/03/2013). Hiện cổ phiếu của BIDV chưa thực hiện niêm yết (đang lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán), chưa có giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu phát sinh nên giá thị trường trong thời gian gần nhất để tham chiếu là giá đấu thành công bình quân tại thời điểm IPO năm 2012 là 18.583 đồng/cổ phiếu. Căn cứ tình hình tài chính và nhu cầu huy động vốn của BIDV, đồng thời đảm bảo sự thành công của đợt chào bán, Hội đồng Quản trị BIDV đề xuất giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 53,8% giá đấu thành công bình quân tại thời điểm IPO và bằng 83,2% giá trị sổ sách tại 31/03/2013.

6. Phương thức phân phối

Cổ tức được nhận và cổ phiếu được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:

- Đối với cổ đông đã lưu ký chứng khoán: được nhận và phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: được nhận và phân phối tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

7. Thời gian phân phối dự kiến

Việc phân phối cổ phần phát hành thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến trong quý 2 - 3 năm 2013.

Chi tiết thời gian phân phối dự kiến như sau (tính theo ngày làm việc):

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ngày nhận giấy phép chào bán chứng khoán ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	$T \div (T+5)$
3	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành	T+10
4	Phối hợp cùng TTLK phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền nhận và quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	$(T+11) \div (T+17)$

5	Các cổ đông hiện hữu đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần	$(T+18) \div (T+38)$
6	TVLK tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho TTLK	T+45
7	TTLK gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+47
8	TCPH xử lý, phân phối cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không đăng ký mua	$(T+48) \div (T+58)$
9	Báo cáo UBCKNN về kết quả đợt phát hành	T+59

8. Đăng ký mua cổ phiếu

-  Thời hạn: cổ đông đến đăng ký mua cổ phần trực tiếp tại Công ty cổ phần chứng khoán BIDV hoặc tại Thành viên Lưu ký nơi chứng khoán được Lưu ký theo thời gian nêu trong Mục 7 Phần V của Bản cáo bạch này
-  Số lượng phát hành thêm: **510.040.685** cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu
-  Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
 - Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
-  Chuyển giao cổ phiếu: Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, BIDV sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho các cổ đông chưa lưu ký tập trung tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
-  Quyền lợi người mua cổ phiếu: theo quy định tại Điều lệ BIDV và tại Bản cáo bạch này
-  Số lượng đặt mua cổ phiếu tối thiểu: 01 cổ phần

9. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Căn cứ vào Điều 4 Nghị định của Chính phủ số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam:

-  Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
-  Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
-  Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
-  Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.
-  Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của NHNN, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến thời điểm ngày 31/03/2013, tổng số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tại BIDV là 126.215 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Các loại thuế có liên quan

11.1. Thuế đối với BIDV

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008, Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập

doanh nghiệp, BIDV và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các loại thuế khác

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, BIDV còn thực hiện nộp các loại thuế khác như Thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất....

11.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trong đó có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức): 5%
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trong đó có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - o Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng
 - o Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài;
 - o Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Kỳ tính thuế:
 - o Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - o Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

*Thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất*

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

*Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng * 0,1%*

12. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 02000130000080

Tại: Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt, chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 41 Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

PHẦN 6: MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Vốn điều lệ tăng thêm dự kiến sẽ được dùng toàn bộ để bổ sung vốn kinh doanh, được phân bổ sử dụng vào các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của BIDV với cơ cấu hợp lý và đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, an toàn, tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông.

Tiến độ sử dụng vốn điều lệ tăng thêm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh phù hợp theo tiến độ tăng vốn điều lệ và tình hình thị trường, do Hội đồng quản trị (hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp, ủy quyền), xem xét, quyết định.

PHẦN 7: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành: 4.058.471.930.000 đồng

Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được BIDV sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh trong giai đoạn 2013 – Q2/2014, nâng cao năng lực tài chính thông qua các hoạt động như mở rộng hoạt động tín dụng, hoạt động đầu tư, đầu tư vào cơ sở vật chất, công nghệ, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và mở rộng mạng lưới kinh doanh.

Việc tăng vốn điều lệ là cơ sở để BIDV thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược kinh doanh, bảo đảm cho BIDV phát triển bền vững. Bên cạnh đó, hỗ trợ cho BIDV tiếp tục tuân thủ chặt chẽ các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định hiện hành của NHNN.

PHẦN 8: CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Địa chỉ : Tầng 1-10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh Công ty BSC tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 9, Toà nhà 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BSC”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán

+ BIDV là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam, hoạt động hiệu quả và có chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

+ Giá chào bán ở mức 10.000 đồng/ cổ phiếu, thấp hơn giá trị sổ sách và phù hợp với điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành.

+ Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành sẽ được BIDV sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính và hoạt động của BIDV.

Với những nhận định trên, chúng tôi cho rằng đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu là phù hợp với nhu cầu vốn và chiến lược phát triển của BIDV. Mặc dù đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành, nhưng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán trong thời gian trở lại đây, cùng với việc giá phát hành khá hấp dẫn ở mức 10.000 đồng/ cổ phiếu thì BSC cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu BIDV.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y)

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Daeha, 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38315100

Fax: (84.4) 38315090

PHẦN 9: PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐẤT ĐAI

STT	Chi nhánh	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Tình trạng sở hữu đất
1	Hà Nội	Khu đất tại số 4B đường Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	1.111,43	Trụ sở chi nhánh Hà Nội	Đất thuê 50 năm (từ 2001 đến 2051), trả tiền thuê đất hàng năm
2	Nam Hà Nội	Khu đất tại số 1281 đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.	782,00	Trụ sở CN Nam Hà Nội	Đất thuê 50 năm (từ năm 2006), trả tiền thuê đất hàng năm
3	Thăng Long	Khu đất thuê tại đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội	630,00	Trụ sở PGD số 10 và nhà kho - CN Thăng Long	Đất thuê 20 năm (từ 1996-2016), trả tiền thuê đất hàng năm
4	Bắc Hà Nội	Khu đất tại 137A đường Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	1.341,50	Trụ sở chi nhánh Bắc Hà Nội	Đất thuê 46 năm (từ 2008 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
5	Bắc Hà Nội	Khu đất tại 60 Hoa Lâm, Long Biên, Hà Nội	1.631,20	Sử dụng xây dựng kho lưu trữ tài liệu của BIDV	Đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, hiện đã hết hạn thuê đất từ năm 2006 tuy nhiên BIDV đang thực hiện các thủ tục để tiếp tục thuê trong 50 năm
6	Cầu Giấy	Khu đất tại 263 Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2.171,00	Xây dựng trụ sở CN Cầu Giấy	Đất thuê 50 năm (từ 1993 đến 2043), trả tiền thuê đất hàng năm
7	Đông Hà Nội	Khu đất tại tổ 3 đường Cao Lỗ, thị trấn Đông Anh, Hà Nội	1.116,20	Trụ sở CN Đông Hà Nội	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
8	Tây Hà Nội	Khu đất tại km9 đường Bắc Thăng Long - Hà Nội, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	7.206,50	Đang xây dựng trụ sở CN cấp I (Tây Hà Nội - Quang Minh)	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
9	Tây Hà Nội	Khu đất thuê tại xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, Hà Nội	1.876,00	Sử dụng để XD địa điểm giao dịch	Đất thuê 49 năm (từ 2007 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm

10	Hà Tây	Lô đất giao số 197 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	538,36	Trụ sở CN Hà Tây	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
11	Hà Tây	Lô đất thuê số 197 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	991,60	Trụ sở CN Hà Tây	Đất thuê 30 năm (từ 1999 đến 2029), trả tiền thuê đất hàng năm
12	Sơn Tây	Khu đất tại 191 Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	731,23	Trụ sở CN Sơn Tây	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm. Hiện BIDV đang thực hiện các thủ tục cần thiết để ký hợp đồng thuê đất
13	Văn phòng Trung ương ("VPTW")	Khu đất tại 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, tp Hà Nội	3.279,60	Trụ sở của BIDV (Tháp Vincom)	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (từ năm 2002 đến 2052)
14	VPTW	Khu đất tại 20 Hàng Tre và số 4 Hàng Thùng	2.467,00	Hiện đang sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách toàn ngành, trụ sở Sở Giao dịch III	Đất thuê 50 năm (từ 2001 đến 2051), trả tiền thuê đất hàng năm
15	VPTW	Khu đất tại số 01 Lê Thánh Tông, Quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	7.389,10	Hiện đang sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách, trung tâm tập huấn toàn ngành	Đất thuê 30 năm (từ 2001-2031), trả tiền thuê đất hàng năm
16	VPTW	Khu đất tại đường Hậu Cần, Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	2.415,60	Dự kiến xây dựng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách toàn ngành	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
17	VPTW	Khu đất tại 16 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	3.344,00	Sử dụng để xây dựng tháp của BIDV	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
18	Trung tâm CNTT	Khu đất ở tại số 38 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	410,40	Sử dụng làm trụ sở Trung tâm CNTT	Đất mua
19	Trung tâm CNTT	Khu đất tại số 40 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	186,90	Sử dụng làm trụ sở Trung tâm CNTT	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
20	Trường Đào tạo cán bộ BIDV	Khu đất tại 733 đường Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	3.789,00	Trụ sở Trung tâm đào tạo	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

21	Vĩnh Phúc	Lô đất đặt Trụ sở chính tại số 8 đường Kim Ngọc, Tp Vĩnh Yên;	1.461,30	Trụ sở CN Vĩnh Phúc	Đất thuê 50 năm (từ 1997 đến 2047), trả tiền thuê đất hàng năm
22	Vĩnh Phúc	Lô đất đặt Phòng giao dịch Vĩnh Yên tại số 1 đường Lý Bôn, Tp Vĩnh Yên;	1.133,20	Trụ sở PGD Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Đất thuê 49 năm (từ 2007 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm
23	Vĩnh Phúc	Lô đất tại số 11 đường Lý Bôn, Tp Vĩnh Yên;	645,50	Hiện đang làm kho lưu trữ tài liệu	Đất thuê 49 năm (từ 2007 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm
24	Vĩnh Phúc	Lô đất tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;	2.060,00	Trụ sở PGD Bình Xuyên - Vĩnh phúc	Đất thuê 49 năm (từ 2007 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm
25	Vĩnh Phúc	Lô đất đặt Nhà khách chi nhánh tại thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc;	875,00	Hiện đang sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách toàn ngành	Đất thuê 49 năm (từ 2007 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm
26	Phúc Yên	Lô đất đặt Trụ sở chính tại đường Hai Bà Trưng, phường Hùng Vương, TX. Phúc Yên;	1.500,00	Trụ sở CN Phúc Yên	Đất thuê 49 năm (từ 2000 đến 2049), trả tiền thuê đất hàng năm
27	Phúc Yên	Lô đất tại xã Tiền Châu, TX. Phúc Yên;	1.356,90	Dự kiến xây dựng PGD Tiền Châu - Phúc Yên	Đất thuê 49 năm (từ 2009 đến 2058), trả tiền thuê đất hàng năm
28	Phúc Yên	Lô đất tại khu đô thị Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	952,40	Sử dụng làm trụ sở làm việc, giao dịch	Đất mua
29	Hải Phòng	Lô đất có địa chỉ tại số 68-70 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	507,00	Trụ sở CN Hải Phòng	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
30	Hải Phòng	Lô đất tại địa chỉ số 8 đường Bến Bính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	1.820,00	Trụ sở PGD Bến Bính - Hải phòng	Đất thuê 30 năm (từ 2005 đến 2035), trả tiền thuê đất hàng năm
31	Hải Phòng	Lô đất tại địa chỉ số 111 đường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.	191,70	Sử dụng làm trụ sở làm việc, giao dịch	Đất thuê 35 năm (từ 1996 đến 2031), trả tiền thuê đất hàng năm
32	Hải Phòng	Lô đất tại đường Hà Nội, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, Tp Hải Phòng	2.256,40	Trụ sở PGD Quán Toan - Hải phòng	Đất thuê 30 năm (từ 2004 đến 2034), trả tiền thuê đất hàng năm

33	Đông Hải Phòng	Thửa đất 12+13+14 lô 30A Khu đô thị mới ngã 5 sân bay Cát Bi, P.Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng	2.300,00	Để xây dựng trụ sở CN Đông Hải Phòng	Đất mua
34	Quảng Ninh	Lô đất tại số 737 đường Lê Thánh Tông - thành phố Hạ Long - Quảng Ninh.	2.171,00	Trụ sở CN Quảng Ninh	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
35	Quảng Ninh	Thửa đất số 47, địa chỉ tại tổ 77, khu 4, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long	97,24	Trụ sở CN Quảng Ninh	Đất mua
36	Quảng Ninh	Thửa đất số 48, địa chỉ tại tổ 77, khu 5B, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long.	336,40	Trụ sở CN Quảng Ninh	Đất mua
37	Quảng Ninh	Thửa đất số 46, địa chỉ tại tổ 77, khu 5B, phường Bạch Đằng, TP Hạ Long	162,40	Trụ sở CN Quảng Ninh	Đất mua
38	Quảng Ninh	Khu đất tại KĐC Đồng ga Hạ Long - phường Bãi Cháy - thành phố Hạ Long - Quảng Ninh	1.192,50	Trụ sở PGD Bãi Cháy	Đất mua
39	Quảng Ninh	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại số 204 đường Trần Phú - thị xã Cẩm Phả - Quảng Ninh	1.544,00	Trụ sở PGD Cẩm Phả	Đất thuê 30 năm (từ 1996 đến 2026), trả tiền thuê đất hàng năm
40	Tây Nam Quảng Ninh	Lô đất tại địa chỉ: Số 430 Quang Trung - thị xã Uông Bí - Quảng Ninh	1.209,00	Trụ sở CN Tây Nam Quảng Ninh	Đất thuê 20 năm (từ 1997 đến 2017), trả tiền thuê đất hàng năm
41	Tây Nam Quảng Ninh	Lô đất tại địa chỉ: Số 58 Hoàng Hoa Thám - Thị trấn Mạo Khê - huyện Đông Triều - Quảng Ninh	1.130,27	Trụ sở PGD Đông Triều - Tây Nam Quảng Ninh	Đất thuê 20 năm (từ 1997 đến 2017), trả tiền thuê đất hàng năm
42	Tây Nam Quảng Ninh	Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03, thôn Lâm Sinh 1, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	141,10	Sử dụng để xây PGD Minh Thành- CN Tây Nam Quảng Ninh	Đất mua
43	Móng Cái	Lô đất tại đường Hùng Vương, phường Hoà Lạc, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	990,00	Trụ sở CN Móng Cái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

44	Thái Bình	Lô đất có địa chỉ tại số 80B đường Lý Thường Kiệt, TP Thái Bình.	241,60	Trụ sở CN Thái Bình	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
45	Thái Bình	Lô đất có địa chỉ tại số 80B đường Lý Thường Kiệt, TP Thái Bình.	91,80	Trụ sở CN Thái Bình	Đất thuê 50 năm (từ 2001 đến 2051), trả tiền thuê đất một lần
46	Thái Bình	Lô đất có địa chỉ tại số 80B đường Lý Thường Kiệt, TP Thái Bình.	632,40	Trụ sở CN Thái Bình	Đất thuê 25 năm (từ 1996 đến 2021), trả tiền thuê đất hàng năm
47	Thái Bình	Lô đất có địa chỉ tại số 266 đường Lý Thường Kiệt, TP Thái Bình.	95,70	Trụ sở PGD Trần Lãm - Thái Bình	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
48	Thái Bình	Lô đất tại địa chỉ tổ 38 đường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình (nay là số 48 đường Phạm Ngũ Lão)	57,00	Trụ sở PGD - CN Thái Bình	Đất mua
49	Thái Bình	Lô đất tại địa chỉ đường Trần Quang Khải, thành phố Thái Bình.	1.242,50	Làm nhà ở cho Cán bộ CNV	Đất khác (Đất nằm trong hành lang đê điều, đã có Quyết định thu hồi của Tỉnh)
50	Bắc Hưng Yên	Lô đất thuê trả tiền hàng năm tại địa chỉ: Km số 01 đường 39A - xã Nghĩa Hiệp - huyện Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên	2.000,00	Trụ sở CN Bắc Hưng Yên	Đất thuê 50 năm (từ 2001 đến 2051), trả tiền thuê đất hàng năm
51	Bắc Hưng Yên	Khu đất giao tại địa chỉ: thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	5.708,00	Trụ sở PGD Văn Lâm Và xây kho lưu trữ của BIDV	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
52	Tp Hưng Yên	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại địa chỉ: số 240 Nguyễn Văn Linh - TP Hưng Yên - Hưng Yên	3.750,00	Trụ sở CN Tp Hưng Yên	Đất thuê 50 năm (từ 1997 đến 2047), trả tiền thuê đất hàng năm
53	Tp Hưng Yên	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại địa chỉ: số 80 Bãi Sậy, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	890,00	Trụ sở PGD - Hưng Yên	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
54	Hải Dương	Lô đất có địa chỉ tại số 02 đường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương (Trụ sở Chi nhánh).	3.427,10	Trụ sở CN Hải Dương	Đất thuê 30 năm (từ 2001 đến 2031), trả tiền thuê đất hàng năm

55	Hải Dương	Lô đất có địa chỉ tại: số 115 Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương (Phòng giao dịch Thành Đông)	815,00	Trụ sở PGD Thành Đông	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, hiện BIDV đang thực hiện các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất
56	Hải Dương	Lô đất tại địa chỉ xã Ái Quốc, thành phố Hải Dương (Phòng giao dịch Tiền Trung)	1.148,00	Trụ sở PGD Tiền Trung	Đất thuê 25 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
57	Hải Dương	Lô đất tại địa chỉ: Lỗ Sơn, thị trấn Phú Thử, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (Phòng giao dịch Hoàng Thạch)	682,00	Trụ sở PGD Hoàng Thạch	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
58	Hải Dương	Lô đất tại địa chỉ: thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, Hải Dương	3.451,50	Trụ sở PGD - Hải Dương	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
59	Bắc Hải Dương	Lô đất tại 206 Nguyễn Trãi 2, thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương	3.935,80	Trụ sở CN Bắc Hải Dương	Đất thuê 25 năm (từ 2009 đến 2034), trả tiền thuê đất hàng năm
60	Hà Nam	Thửa đất có địa chỉ tại số 210 đường Lê Hoàn, TP.Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	2.130,00	Trụ sở CN Hà Nam	Đất thuê 50 năm kể từ năm 1998, trả tiền thuê đất hàng năm
61	Nam Định	Lô đất tại số 92C đường Hùng Vương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	1.142,11	Trụ sở CN Nam Định	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
62	Nam Định	Thửa đất E12 khu công nghiệp Hoà Xá, TP.Nam Định, tỉnh Nam Định	3.000,00	Trụ sở PGD Hòa Xá	Đất thuê 49 năm kể từ năm 2003, trả tiền thuê đất hàng năm
63	Ninh Bình	Lô đất tại đường Lê Hồng Phong, thành phố Ninh Bình	2.377,70	Trụ sở CN Ninh Bình	Đất thuê 49 năm kể từ năm 1996, trả tiền thuê đất hàng năm
64	Ninh Bình	Lô đất thuê tại đường Trần Phú, thị xã Tam Điệp	720,00	Trụ sở PGD Tam Điệp	Đất thuê 49 năm kể từ năm 2004, trả tiền thuê đất hàng năm
65	Ninh Bình	Lô đất giao tại đường Trần Phú, thị xã Tam Điệp	331,50	Trụ sở PGD Tam Điệp	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

66	Bắc Ninh	Lô đất tại số 01 đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.	2.601,00	Trụ sở CN Bắc Ninh	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
67	Bắc Ninh	Lô đất thuê tại khu Công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	5.280,80	Trụ sở PGD Quế Võ	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm
68	Từ Sơn	Lô đất tại số 368 đường Trần Phú, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	1.790,60	Trụ sở CN Từ Sơn	Đất thuê 50 năm từ năm 2004, trả tiền thuê đất hàng năm
69	Từ Sơn	Khu đất tại Khu công nghiệp Làng nghề Đồng Quang, thị xã Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh	480,00	Trụ sở PGD Đồng Quang - Từ Sơn	Đất thuê 50 năm từ năm 2003, trả tiền thuê đất hàng năm
70	Bắc Giang	Lô đất thuê trả tiền hàng năm tại số 02 đường Nguyễn Gia Thiều, phường Trần Phú, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	1.924,00	Trụ sở CN Bắc Giang	Đất thuê 50 năm (từ 1999 đến 2049), trả tiền thuê đất hàng năm
71	Lạng Sơn	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại Ngã ba Mỏ than Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	658,00	Trụ sở PGD Na Dương - Lạng Sơn	Đất thuê 30 năm (từ 2004 đến 2034), trả tiền thuê đất hàng năm
72	Lạng Sơn	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn	551,00	Trụ sở PGD Tân Thanh - Lạng Sơn	Đất thuê 30 năm (từ 2000 đến 2030), trả tiền thuê đất hàng năm
73	Lạng Sơn	Khu đất thuê trả tiền hàng năm tại khu Dây thép, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	1.844,40	Trụ sở PGD Đồng Đăng - Lạng Sơn	Đất thuê 30 năm (từ 2001 đến 2031), trả tiền thuê đất hàng năm
74	Lạng Sơn	Khu đất thuê trả tiền định kỳ tại số 01, đường Hoàng Văn Thụ, phường Chi Lăng, TP.Lạng Sơn	729,30	Trụ sở CN Lạng Sơn	Đất thuê 30 năm (từ 2001 đến 2031), trả tiền thuê đất hàng năm
75	Lạng Sơn	Khu đất nhận chuyển nhượng tại số 14 đường Phan Đình Phùng, phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn	423,00	Trụ sở PGD Thành phố - CN Lạng Sơn	Đất mua

76	Lạng Sơn	Khu đất nhận chuyển nhượng tại đường Lê Hồng Phong, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn	623,00	Hiện tạm thời chưa sử dụng do khu đất dự kiến nằm trong quy hoạch công viên của Tỉnh	Đất mua
77	Phú Thọ	Khu đất đặt Trụ sở chính tại số 1167 đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì	3.653,50	Trụ sở CN Phú Thọ	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
78	Phú Thọ	Khu đất đặt Quỹ tiết kiệm số 04 tại số 1309 đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì	126,00	Trụ sở QTK số 4 - Phú Thọ	Đất thuê 49 năm (từ 2000 đến 2049), trả tiền thuê đất hàng năm
79	Phú Thọ	Khu đất đặt Phòng giao dịch Thụy Vân tại Khu công nghiệp Thụy Vân, Tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1.600,00	Trụ sở PGD Thụy Vân	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
80	Phú Thọ	Khu đất đặt phòng giao dịch Phong Châu, tại khu Núi Miếu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.	937,00	Trụ sở PGD Phong Châu	Đất thuê 49 năm kể (từ 2001 đến 2050), trả tiền thuê đất hàng năm
81	Phú Thọ	Khu đất đặt phòng giao dịch Hùng Vương tại số 5 phố Phú An, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	1.307,80	Trụ sở PGD Hùng Vương	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
82	Yên Bái	Khu đất Trụ sở chính tại tổ 48, P.Minh Tân, TP. Yên Bái:	3.560,00	Trụ sở CN Yên Bái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng: 50 năm
83	Yên Bái	Khu đất Quỹ tiết kiệm số 03 tại tổ 19, phường Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái	68,50	Trụ sở QTK số 3 - Yên Bái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
84	Yên Bái	Khu đất Phòng giao dịch thành phố tại tổ 21, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái	2.373,70	Trụ sở PGD Thành phố Yên Bái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
85	Yên Bái	Khu đất Quỹ tiết kiệm số 04, tại tổ 7A, phường Nguyễn Thái Học, TP.Yên Bái	112,70	Trụ sở QTK số 4 - Yên Bái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
86	Yên Bái	Khu đất phòng Giao dịch Yên Bình, Yên Bái	423,30	Trụ sở PGD Yên Bình - Yên Bái	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

87	Lào Cai	Trụ sở làm việc tại số 02 đường Hoàng Liên, phường Duyên Hải, TP Lào Cai	1.145,00	Trụ sở CN Lào Cai	Đất thuê 50 năm (từ 1999 đến 2049), trả tiền thuê đất hàng năm
88	Lào Cai	Quỹ tiết kiệm số 02 tại số 284 đường Hoàng Liên, P.Kim Tân	100,00	Trụ sở QTK số 2 - Lào Cai	Đất thuê 50 năm (từ 2000 đến 2050), trả tiền thuê đất hàng năm
89	Lào Cai	Quỹ tiết kiệm số 03, khu ga Phố Mới, phường Phố Mới	100,00	Trụ sở QTK số 3 - Lào Cai	Đất thuê 50 năm (từ năm 1995), trả tiền thuê đất hàng năm
90	Lào Cai	Phòng giao dịch SaPa	950,00	Trụ sở PGD Sa Pa - Lào Cai	Đất thuê 50 năm (từ năm 2002), trả tiền thuê đất hàng năm
91	Lào Cai	Lô đất tại Khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	7.306,86	Sử dụng để xây dựng trụ sở mới CN Lào Cai	Đất khác
92	Tuyên Quang	Khu đất đặt Trụ sở chính tại tại đường Bình Thuận, P.Minh Xuân, TX.Tuyên Quang	2.025,00	Trụ sở CN Tuyên Quang	Đất thuê 50 năm (từ năm 1996), trả tiền thuê đất hàng năm
93	Tuyên Quang	Khu đất tại đường Hoàng Thế Cao, P.Minh Xuân, TX. Tuyên Quang	185,00	Trụ sở PGD - CN Tuyên Quang	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
94	Hà Giang	Lô đất Trụ sở chính tại tổ 5 phường Nguyễn Trãi, TX Hà Giang	1.050,00	Trụ sở CN Hà Giang	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
95	Hà Giang	Lô đất Phòng Giao dịch TT Việt Quang, huyện Bắc Quang:	2.736,50	Trụ sở PGD Việt Quang - Hà Giang	Đất thuê 50 năm (từ 2003 đến 2053), trả tiền thuê đất hàng năm
96	Hà Giang	Lô đất Phòng giao dịch tổ 7 phường Trần Phú, TX Hà Giang, tỉnh Hà Giang	540,00	Trụ sở PGD - Hà Giang	Hiện đã hết hạn hợp đồng thuê đất, hiện BIDV đang thực hiện các thủ tục để tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm (dự kiến 50 năm)
97	Hà Giang	Lô đất Trụ sở chính (mới) tại tổ 10 phường Nguyễn Trãi, TX Hà Giang, tỉnh Hà Giang	2.813,30	Sử dụng xây dựng trụ sở mới Cn Hà Giang	Đất thuê 50 năm (từ 2010 đến 2060), trả tiền thuê đất hàng năm

98	Thái Nguyên	Lô đất tại phường Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên (Đường Lương Ngọc Quyến)	2.007,00	Trụ sở PGD - Thái Nguyên	Đất thuê 50 năm (từ năm 2006), trả tiền thuê đất hàng năm
99	Thái Nguyên	Lô đất tại tổ 27 phường Hoàng văn thụ TP Thái Nguyên	3.020,00	Trụ sở CN Thái Nguyên	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm
100	Thái Nguyên	Lô đất tại phường Cải Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	2.697,50	Trụ sở PGD Sông Công - Thái Nguyên	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
101	Bắc Kạn	Lô đất tại số 57 đường Trường Chinh, TX Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.457,00	Trụ sở CN Bắc Kạn	Đất thuê 50 năm (từ 1998 đến 2048), trả tiền thuê đất hàng năm
102	Bắc Kạn	Lô đất tại tổ 9 phường Phùng Chí Kiên, TX Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	1.385,90	Trụ sở PGD - Bắc Kạn	Đất mua
103	Bắc Kạn	Lô đất tại Nà Mỗ, xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	941,00	Trụ sở PGD Chợ Mới - Bắc Kạn	Đất khác
104	Cao Bằng	Lô đất tại số 46 đường Xuân Trường, phường Hợp Giang, TX Cao Bằng (Bao gồm 3 thửa đất nằm liền kề nhau có diện tích: $546m^2 + 224,2m^2 + 102,6m^2 = 872,8m^2$)	872,80	Trụ sở CN Cao Bằng	Đất thuê 50 năm (từ năm 2003), trả tiền thuê đất hàng năm
105	Điện Biên	Khu đất đặt Trụ sở chính tại tại số 888 đường 7/5, phường Mường Thanh, Tp Điện Biên;	2.380,00	Trụ sở CN Điện Biên	Đất thuê 20 năm (từ 1998 đến 2018), trả tiền thuê đất hàng năm
106	Điện Biên	Khu đất tại tổ dân phố 4, phường Nam Thanh, Tp Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên	2.045.26	Trụ sở PGD Nam Thanh	Đất thuê trả tiền hàng năm (đến 30/9/2052)
107	Lai Châu	Khu đất trụ sở tại số 220 đường Trần Hưng Đạo, phường Đoàn Kết, TX Lai Châu;	205,00	Trụ sở CN Lai Châu	Đất thuê 20 năm (từ 1999 đến 2019), trả tiền thuê đất hàng năm
108	Lai Châu	Khu đất để xây dựng trụ sở mới tại phường Tân Phong, TX Lai Châu;	4.550,00	Sử dụng để xây dựng trụ sở mới CN Lai Châu	Đất thuê 50 năm (từ 2005 đến 2055), trả tiền thuê đất hàng năm

109	Lai Châu	Khu đất đặt Phòng giao dịch Phong Thổ, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;	1.000,00	Trụ sở PGD Phong Thổ - Lai Châu	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
110	Sơn La	Khu đất tại số 188 đường Tô Hiệu, TX Sơn La, tỉnh Sơn La	1.009,00	Trụ sở Cn Sơn La	Đất thuê 30 năm (từ 2004 đến 2034), trả tiền thuê đất hàng năm
111	Sơn La	Khu đất tại Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	695,00	Trụ sở PGD Mộc Châu - Sơn La	Đất thuê 20 năm (từ 1996 đến 2016), trả tiền thuê đất hàng năm
112	Sơn La	Khu đất tại Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	828,00	Trụ sở PGD Mường La - Sơn La	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
113	Hòa Bình	Lô đất đặt Trụ sở chính tại đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, Tp Hoà Bình;	1.000,00	Trụ sở CN Hòa Bình	Đất thuê 50 năm (từ 2001 đến 2051), trả tiền thuê đất hàng năm
114	Hòa Bình	Lô đất Phòng giao dịch Sông Đà tại đường Lý Nam Đế, phường Tân Thịnh, Tp Hoà Bình;	1.402,00	Trụ sở PGD Sông Đà - Hòa Bình	Đất thuê 50 năm (từ 2000 đến 2050), trả tiền thuê đất hàng năm
115	Hòa Bình	Lô đất để xây dựng trụ sở mới tại đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, Tp Hoà Bình;	2.500,00	Sử dụng để xây dựng trụ sở mới CN Hòa Bình	Đất thuê 50 năm (từ 2006 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm
116	Bỉm Sơn	Khu đất đặt Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng ĐT & PT Bỉm Sơn - 117 đường Trần Phú (đầu cầu Đo đạc đến đầu cầu Cổ Đàm), phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.	1.410,50	Trụ sở CN Bỉm Sơn	Đất thuê 20 năm (từ 1996 đến 2016), trả tiền thuê đất hàng năm
117	Thanh Hóa	Lô đất số 07 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá	1.274,00	Trụ sở CN Thanh Hóa	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm
118	Thanh Hóa	Lô đất số 26 Đại Lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa	1.869,00	Trụ sở PGD số 1 - Thanh Hóa	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm
119	Thanh Hóa	Phòng giao dịch Nghi Sơn, xã Hải Yến, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.	2.505,00	Trụ sở PGD Nghi Sơn - Thanh Hóa	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm

120	Thanh Hóa	Lô đất số 44 đường Thanh Niên, phường Bắc Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá.	2.000,00	Hiện đang sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách, trung tâm tập huấn toàn ngành	Đất mua
121	Nghệ An	Lô đất tại số 216 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.	4.061,20	Trụ sở CN Nghệ An	Đất thuê 20 năm (từ 2003 đến 2023), trả tiền thuê đất hàng năm
122	Nghệ An	Lô đất tại đường số 2, phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	1.509,60	Hiện đang sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách, trung tâm tập huấn toàn ngành	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (từ năm 1996 đến 2046)
123	Nghệ An	Lô đất tại phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An	4.000,40	Trụ sở PGD - Nghệ An	Đất thuê 40 năm (từ 2006 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
124	Phủ Diễn	Lô đất tại khối 4, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.	2.260,00	Đất để xây trụ sở CN Phủ Diễn	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
125	Phủ Diễn	Lô đất tại Khối 7, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.	800,00	Trụ sở PGD Đô Lương	Đất thuê trả tiền 1 lần cho 50 năm (từ 1998 đến 2048)
126	Phủ Diễn	Thửa đất số 286 thuộc tờ bản đồ số 2 tại Khối 7 - Thị trấn đô Lương - Huyện Đô Lương - Nghệ An	1.600,00	Dự kiến sử dụng làm nhà nghỉ công vụ, nhà khách toàn ngành	Đất thuê 50 năm (từ năm 2010), trả tiền thuê đất hàng năm
127	Phủ Diễn	Lô đất tại Quốc lộ 1A, thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	2.000,00	Trụ sở PGD Hoàng Mai	Đất thuê 50 năm (từ năm 2002), trả tiền thuê đất hàng năm
128	Phủ Quỳ	Lô đất tại số 6, ngõ 4 đường 15, khối Kim Tân, thị trấn Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	3.689,00	Trụ sở CN Phủ Quỳ	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm
129	Phủ Quỳ	Lô đất tại khối 11, thị trấn Quỳ Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An	2.595,00	PGD Quỳ Hợp - Phủ Quỳ	Đất thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm
130	Phủ Quỳ	Lô đất tại khối Đồng Tâm, thị trấn Thái Hoà, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.	2.203,20	Trụ sở PGD - Phủ Quỳ	Đất thuê 50 năm (từ 2005 đến 2055), trả tiền thuê đất hàng năm

131	Hà Tĩnh	Lô đất số 88 đường Phan Đình Phùng, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	2.161,30	Trụ sở CN Hà Tĩnh	Đất thuê 50 năm (từ năm 1997), trả tiền thuê đất hàng năm
132	Hà Tĩnh	Lô đất số 90 đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	2.160,00	Trụ sở PGD Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh	Đất thuê 50 năm (từ năm 2003), trả tiền thuê đất hàng năm
133	Quảng Bình	Lô đất tại số 189 đường Hữu Nghị phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	8.158,00	Trụ sở CN Quảng Bình	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
134	Quảng Bình	Khu đất tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	1.225,00	Trụ sở CN Quảng Bình	Đất thuê 43 năm (từ 2009 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
135	Quảng Bình	Lô đất tại 46 Quang Trung, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	675,00	Trụ sở PGD Đồng Hới - Quảng Bình	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
136	Quảng Bình	Lô đất tại số 3 Nguyễn Trãi, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	2.428,00	Trụ sở PGD Nguyễn Trãi - Quảng Bình	Đất thuê 50 năm (từ năm 1993), trả tiền thuê đất hàng năm
137	Quảng Bình	Lô đất đường Lý Thường Kiệt phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	335,00	Trụ sở PGD Bắc Lý - Quảng Bình	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm
138	Quảng Bình	Lô đất tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, Quảng Bình	572,00	Trụ sở PGD Bố Trạch - Quảng Bình	Đất mua
139	Bắc Quảng Bình	Lô đất tại khu phố 4 thị trấn Ba Đồn, Quảng Trạch, Quảng Bình	1.256,00	Trụ sở CN Bắc Quảng Bình	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
140	Bắc Quảng Bình	Lô đất tại khu phố 1 thị trấn Ba Đồn, Quảng Trạch, Quảng Bình	357,00	Trụ sở QTK Ba Đồn - Bắc Quảng Bình	Đất thuê 30 năm (từ 2001 đến 2031), trả tiền thuê đất hàng năm
141	Bắc Quảng Bình	Tiến Hoá - Huyện Tuyên Hoá - tỉnh Quảng Bình	3.457,00	Trụ sở PGD Tuyên Hóa - Bắc Quảng Bình	Đất thuê 50 năm (từ năm 2004), trả tiền thuê đất hàng năm
142	Quảng Trị	Lô đất tại số 24 đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, Quảng Trị	1.738,00	Trụ sở CN Quảng Trị	Đất thuê 50 năm (từ năm 1998), trả tiền thuê đất hàng năm
143	Quảng Trị	Lô đất tại 66 Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà, Quảng Trị	473,00	Trụ sở PGD Đông Hà - Quảng Trị	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

144	Quảng Trị	Thửa đất số 291, tờ bản đồ số 20, khóm Hữu Nghị, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	480,00	Trụ sở PGD Vĩnh Linh - Quảng Trị	Đất mua
145	Quảng Trị	Thửa đất số 451, tờ bản đồ số 20, khóm Hữu Nghị, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị	154,000	Trụ sở PGD Vĩnh Linh - Quảng Trị	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
146	T.T. Huế	Lô đất số 41 đường Hùng Vương, Phường Phú Hội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	1.158,00	Trụ sở CN TT Huế	Đất thuê 50 năm (từ năm 2008), trả tiền thuê đất hàng năm
147	T.T. Huế	Lô đất số 171 đường Hùng Vương, phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	284,00	Trụ sở PGD An Cựu - Huế	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
148	Đà Nẵng	Lô đất số 90 Nguyễn Chí Thanh - quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	692,00	Trụ sở CN Đà Nẵng	Đất thuê 50 năm (từ năm 2003), trả tiền thuê đất hàng năm
149	Đà Nẵng	Lô đất số 111 Nguyễn Chí Thanh - quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	1.887,30	Dự kiến xây Tháp BIDV	Đất mua
150	Đà Nẵng	Lô đất số 40-42 Hùng Vương - quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng	204,10	Trụ sở PGD 2 - Đà Nẵng	Đất mua
151	Hải Vân	Lô đất số 339 Nguyễn Lương Bằng - quận Liên Chiểu - Thành phố Đà Nẵng	2.997,50	Trụ sở CN Hải Vân	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
152	Quảng Nam	Lô đất số 04 Phan Bội Châu - Thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	3.150,00	Trụ sở CN Quảng Nam	Đất thuê 50 năm (từ năm 2005), trả tiền thuê đất hàng năm
153	Quảng Nam	Lô đất số 562 Phan Chu Trinh - Thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam	213,00	Trụ sở PGD Tam Kỳ - Quảng Nam	Đất thuê 50 năm (từ năm 2002), trả tiền thuê đất hàng năm
154	Quảng Nam	Lô đất tại thửa số 28 tờ số 6c thuộc Thị trấn Vĩnh Điện - huyện Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam	740,00	Trụ sở PGD Điện Bàn - Quảng Nam	Đất thuê 50 năm (từ năm 2005), trả tiền thuê đất hàng năm

155	Quảng Nam	Lô đất số A10-7 và A10-8 tại khu dân cư mới 2A xã Điện Ngọc - huyện Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam	1.050,00	Trụ sở PGD Điện Nam Điện Ngọc - QNam	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
156	Quảng Nam	Lô đất tại đường Nguyễn Trường Tộ, phường Cẩm Phô, Tp Hội An, Quảng Nam	464,20	Trụ sở PGD Hội An	Đất mua
157	Quảng Ngãi	Lô đất số 56 Hùng Vương - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi	1.721,10	Trụ sở CN Quảng Ngãi	Đất thuê 50 năm (từ năm 2005), trả tiền thuê đất hàng năm
158	Quảng Ngãi	Lô đất số 215 Lê Trung Đình - Thành phố Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi	79,00	Trụ sở PGD 1 - Quảng Ngãi	Đất thuê 50 năm (từ năm 2008), trả tiền thuê đất hàng năm
159	Khánh Hòa	Lô đất số 35 đường 2/4, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang	1.274,10	Trụ sở CN Khánh Hòa	Đất mua
160	Khánh Hòa	Lô đất số 45-47 đường Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang	307,00	Trụ sở PGD Thống Nhất - Khánh Hòa	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
161	Khánh Hòa	Lô đất số 01 đường Đào Duy Từ, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang	113,00	Trụ sở PGD Thống Nhất - Khánh Hòa	Đất mua
162	Khánh Hòa	Lô đất số 21 đường Hùng Vương, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang	507,50	Trung tâm Hội nghị hội thảo và nghỉ dưỡng BIDV	Đất mua
163	Khánh Hòa	Lô đất số 24B1 đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang	184,20	Trụ sở PGD Vĩnh Hải - Khánh Hòa	Đất mua
164	Khánh Hòa	Số 312 đường Dã Tượng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	234,76	Trụ sở PGD Bình Tân - Khánh Hòa	Đất mua
165	Khánh Hòa	Số 158 Ngô Gia Tự, P.Phước Tiến, Tp Nha Trang, Khánh Hòa	197,70	Trụ sở PGD Xóm Mới - Khánh Hòa	Đất mua
166	Khánh Hòa	Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 14, tại TDP Thuận Phát, phường Cam Thuận, Tp Cam Ranh, Khánh Hòa	485,30	Trụ sở PGD Cam Ranh - Khánh hòa	Đất mua
167	Phú Yên	Khu đất tại số 287 đường Nguyễn Huệ, phường 5, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên	2.050,00	Trụ sở CN Phú Yên	Đất thuê 50 năm (từ năm 1998), trả tiền thuê đất hàng năm

168	Phú Yên	Khu đất tại 234 đường Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên	156,50	Trụ sở PGD Tuy Hòa - Phú Yên	Đất thuê trả tiền hàng năm. Hiện BIDV đang làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất (dự kiến 50 năm)
169	Phú Yên	Khu đất tại số 310 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên	93,95	Trụ sở PGD Phú Lâm - Phú Yên	Đất thuê 50 năm (từ năm 2005), trả tiền thuê đất hàng năm
170	Bình Định	Lô đất số 72 Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, Bình Định	3.288,00	Trụ sở CN Bình Định	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
171	Bình Định	Lô đất số 399 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	707,19	Trụ sở PGD 1 - Bình Định	Đất thuê 50 năm (từ 2000 đến 2050), trả tiền thuê đất hàng năm
172	Bình Định	Lô đất số 318 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	249,50	Hiện đang sử dụng làm bãi để xe cho CN Phú Tài	Đất mua
173	Phú Tài	Lô số 02-03 KCN Phú Tài, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	4.137,00	Trụ sở CN Phú Tài	Đất thuê 43 năm (từ 2005 đến 2048), trả tiền thuê đất hàng năm
174	Phú Tài	Khu đất tại số 103-105 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	229,58	Trụ sở PGD Hoài Nhơn - Phú Tài	Đất mua
175	Ninh Thuận	Lô đất số 138 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	531,91	Trụ sở CN Ninh Thuận	Đất mua
176	Ninh Thuận	Lô đất số 138 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	3.160,00	Trụ sở CN Ninh Thuận	Đất thuê 20 năm (từ 1996 đến 2016), trả tiền thuê đất hàng năm
177	Ninh Thuận	Lô đất số 138 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	637,60	Trụ sở CN Ninh Thuận	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
178	Ninh Thuận	Lô đất số 01 Tự Đức, phường Bảo An, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	49,00	Trụ sở PGD Phan Rang - Ninh Thuận	Đất thuê 50 năm (từ 2006 đến 2056), trả tiền thuê đất hàng năm

179	Ninh Thuận	Lô đất số 498 Thống Nhất, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	113,20	Trụ sở PGD Tháp Chàm - Ninh Thuận	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
180	Bình Thuận	Khu đất tại số 286A Trần Hưng Đạo, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết	2.257,20	Trụ sở CN Bình Thuận	Đất thuê 50 năm (từ 2003 đến 2053), trả tiền thuê đất hàng năm
181	Bình Thuận	Khu đất tại số 125 Trần Phú, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận	272,90	Trụ sở PGD Phan Thiết - Bình Thuận	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
182	Bình Thuận	Khu đất tại số 405B Thủ Khoa Huân, Phan Thiết, Bình Thuận	166,80	Trụ sở PGD – Bình Thuận	Đất mua
183	Đắk Lắk	Lô đất tại số 17 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	3.600,00	Trụ sở CN Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
184	Đắk Lắk	Lô đất tại số 41 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	2.096,00	Trụ sở PGD Đông Ban Mê - Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm (từ 1993 đến 2043), trả tiền thuê đất hàng năm
185	Đắk Lắk	Lô đất tại số 02 đường Tú Xương, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	2.983,00	Sân tennis (Quỹ phúc lợi)	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
186	Đắk Lắk	Lô đất tại số 27 đường Quang Trung, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.	138,40	Trụ sở PGD Buôn Ma Thuột - Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm (từ 1995 đến 2045), trả tiền thuê đất hàng năm
187	Bắc Đắk Lắk	Số 170 đường Hùng Vương, thị xã Buôn Hồ, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.	1.176,00	Trụ sở CN Bắc Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
188	Bắc Đắk Lắk	Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49, thị trấn Ea Đăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	350,00	Trụ sở PGD Ea H'leo - Bắc Đắk Lắk	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
189	Đông Đắk Lắk	Tại Km52, QL26 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn EaKar, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.	1.236,00	Trụ sở CN Đông Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm

190	Đông Đắk Lắk	Tại Km30, QL26 đường Giải Phóng, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.	1.374,00	Trụ sở PGD Krong Pak - Đông Đắk Lắk	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm
191	Gia Lai	Lô đất số 205 Đỗ Trạc, An Khê.	633,03	Trụ sở PGD Đông Gia Lai - Gia Lai	Đất mua
192	Gia Lai	Lô đất số 80 Trường Sơn, Tp. Pleiku, Gia Lai	1.944,00	Trụ sở PGD Bắc Gia Lai - Gia Lai	Đất mua
193	Gia Lai	Lô đất tại xã Ia York, huyện Ia Grai, Gia Lai	240,00	Dự kiến để xây dựng QTK	Đất mua
194	Gia Lai	Lô đất tại số 112 Lê Lợi, Tp. Pleiku, Gia Lai	3.346,30	Trụ sở CN Gia Lai	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), đất thuê trả tiền 1 lần
195	Gia Lai	Lô đất tại 47 Hoàng Văn Thụ, Tp. Pleiku, Gia Lai	220,00	Trụ sở PGD TP Pleiku - Gia Lai	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), đất thuê trả tiền 1 lần
196	Gia Lai	Lô đất tại 802 Hùng Vương, Chư Sê, Gia Lai	1.150,00	Trụ sở PGD Nam Gia Lai - Gia Lai	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
197	Gia Lai	Lô đất tại 12, 13, 14 Thi Sách, Tp. Pleiku, Gia Lai	122,40	Trước đây là PGD Diên Hồng, sau đó di dời PGD ra ngoài	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
198	Gia Lai	Lô đất tại 66 Tăng Bạt Hổ, Tp. Pleiku, Gia Lai	470,00	Trụ sở PGD Đô Thị - Gia Lai	Đất thuê 20 năm (từ 1997 đến 2017), trả tiền thuê đất hàng năm
199	Gia Lai	Lô đất tại tổ 4 Hoa Lư, Tp. Pleiku, Gia Lai	278,00	Nhà kho, nhà bảo vệ (nằm trong tổng thể khuôn viên của trụ sở CN Gia lai)	Đất mua
200	Kon Tum	Lô đất số 01A Trần Phú, Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.	1.522,50	Trụ sở CN Kon Tum	Đất thuê 40 năm (từ 2007 đến 2047), trả tiền thuê đất hàng năm
201	Kon Tum	Lô đất tại đường Hùng Vương, tổ 2 thị trấn Đắk Hà, tỉnh Kon Tum	1.080,00	Trụ sở PGD Đắk Hà - Kon Tum	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
202	Đắk Nông	Đường 23/3, Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.	3.841,30	Trụ sở CN Đắk Nông	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm

203	Đăk Nông	Số 38 Nguyễn Tất Thành - Tổ dân phố 1, TT ĐăkMil, Đăk Nông.	244,00	Trụ sở PGD Đăk Mil - Đăk Nông	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
204	Đăk Nông	Khu đất tại Thị trấn Kiến Đức, ĐăkrLấp, tỉnh Đăk Nông	1.137,70	Trụ sở PGD ĐăkrLấp - Đăk Nông	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (thời hạn sử dụng 50 năm từ 26/12/2012)
205	Lâm Đồng	Lô đất tại khu Hòa Bình, Đà Lạt.	125,00	Trụ sở PGD số 1 - Lâm Đồng	Đất mua
206	Lâm Đồng	Lô đất số 30 Trần Phú, Đà Lạt.	1.181,00	Trụ sở CN Lâm Đồng	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
207	Lâm Đồng	Lô đất số 2A Bà Triệu, Đà Lạt.	620,50	Nhà khách BIDV	Đất thuê 50 năm (từ 1997 đến 2047), trả tiền thuê đất hàng năm
208	Lâm Đồng	Lô đất tại 458 Trần Phú, Bảo Lộc.	7.439,00	Trụ sở kinh doanh, giao dịch	Đất thuê 50 năm (từ 2005 đến 2055), trả tiền thuê đất hàng năm
209	Lâm Đồng	Lô đất tại trung tâm chợ Liên Nghĩa, Đức Trọng.	600,00	Trụ sở PGD Đức Trọng - Lâm Đồng	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
210	Lâm Đồng	Lô đất tại số 3/3 Bà Triệu, Đà Lạt.	187,83	Sử dụng làm nhà ở cho cán bộ chi nhánh Lâm Đồng	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (Nhà đất thuộc diện bàn giao theo Nghị định 61/NĐ-CP)
211	Bảo Lộc	Lô đất số 52 Lê Thị Pha, Tx. Bảo Lộc, Lâm Đồng.	980,00	Trụ sở CN Bảo Lộc	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
212	Văn phòng II	Lô đất số 85 Bùi Thị Xuân, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. HCM	302,40	Trụ sở CN Bến Thành	Đất mua
213	Văn phòng II	85B Bùi Thị Xuân, Q3, Tp. Hồ Chí Minh	410,30	Trụ sở PGD Phong Thổ - Lai Châu	Đất mua
214	Văn phòng II	Lô đất số 129B Cách Mạng Tháng 8, P.5, Quận 3, Tp. HCM	131,20	Trụ sở PGD - Gia Định	Đất mua
215	Văn phòng II	Lô đất số 445 Võ Văn Tần, P.4, Quận 3, Tp. HCM	219,31	PGD số 2 - Sở II	Đất mua

216	Văn phòng II	Lô đất số 31- 33 Nguyễn Sơn Hà, P. 5, Quận 3, Tp. HCM	96,76	Nhà khách BIDV	Đất mua
217	Văn phòng II	Lô đất số 15A Bến Chương Dương, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM	410,00	PGD khách hàng cá nhân - Sở II	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
218	Văn phòng II	Số 472 Nguyễn Thị Minh Khai, Q3, Tp. Hồ Chí Minh	673,00	Trụ sở VP2	Đất mua
219	Sở Giao dịch II	Khu đất số 117-119 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. HCM và Khu đất số 16 Tôn Thất Thiệp, Quận 1, Tp. HCM	2.665,70	Sử dụng để xây tháp BIDV	Đất mua
220	Tp Hồ Chí Minh	Khu đất số 134 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM	745,11	Trụ sở CN Tp Hồ Chí Minh	Đất khác
221	Tp Hồ Chí Minh	Khu đất số 156 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM	71,24	Phòng Dịch vụ quản lý ATM - TP Hồ Chí Minh	Đất mua
222	Tây Sài Gòn	Lô đất tại vị trí Lô 24 đường Song Hành KCN Tân Tạo, Tp Hồ Chí Minh	5.125,00	Trụ sở CN Tây Sài Gòn	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2001)
223	Tây Sài Gòn	Lô đất tại vị trí lô A1 đường Trần Đại Nghĩa - KCN Lê Minh Xuân	1.367,70	Trụ sở PGD Bình Chánh - Tây Sài Gòn	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2003)
224	Tây Sài Gòn	Lô đất tại số 590 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh	2.065,00	Trụ sở PGD An Lạc - Tây Sài Gòn	Đất mua
225	Chợ Lớn	Khu đất số 411 Kinh Dương Vương, Q.6, Tp. HCM	602,61	Đang xây dựng làm trụ sở CN Chợ Lớn	Đất mua
226	Sài Gòn	Khu đất số 271 An Dương Vương, Q.5, Tp. HCM	965,06	Trụ sở CN Sài Gòn (đang thi công trụ sở mới)	Đất mua
227	Sài Gòn	Khu đất số 119 Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Tp. HCM	82,54	Trụ sở CN Sài Gòn (hiện tại)	Đất mua
228	Đông Sài Gòn	Khu đất số 78C Khu chế xuất Linh Trung II, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	317,63	Trụ sở PGD Linh Trung II - CN Đông Sài Gòn	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2005)
229	Bắc Sài Gòn	Khu đất số 271 Cộng Hòa – phường 13, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	171,80	Đang xây dựng trụ sở, dự kiến cho Bắc Sài Gòn	Đất mua

230	Bắc Sài Gòn	Khu đất số 273 Cộng Hòa – phường 13, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	151,90	Đang xây dựng trụ sở, dự kiến cho Bắc Sài Gòn	Đất mua
231	Bắc Sài Gòn	Khu đất số 275 Cộng Hòa – phường 13, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	154,90	Đang xây dựng trụ sở, dự kiến cho Bắc Sài Gòn	Đất mua
232	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Khu đất số 56 (sau) – 60 – 62 – 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. Hồ chí Minh	489,25	Sử dụng để xây trụ sở CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đất mua
233	Đồng Nai	Số 07 Hoàng Minh Châu, phường Hòa Bình, tp. Biên Hòa, Đồng Nai	1.637,51	Trụ sở CN Đồng Nai	Đất thuê 50 năm (từ năm 1998), trả tiền thuê đất hàng năm
234	Nam Đồng Nai	Lô F khu phố 1, phường Long Bình Tân, tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (mặt tiền tiếp giáp quốc lộ 51 đoạn từ: ngã 3 vũng tàu đến Cầu đen)	717,90	Trụ sở CN Nam Đồng Nai	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm
235	Đông Đồng Nai	Tại Nguyễn An Ninh, Khu Phước Hải, TT Long Thành, Đồng Nai	449,50	Trụ sở CN Đông Đồng Nai	Đất thuê 50 năm (từ năm 1999), trả tiền thuê đất hàng năm
236	Đông Đồng Nai	Tại đường số 2, Xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch	3.000,00	Trụ sở PGD Nhơn Trạch - Đồng Đồng Nai	Đất thuê trả tiền hàng năm. Hiện BIDV đang làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất (dự kiến 50 năm)
237	Phú Mỹ	Mặt tiền đường QL 51, Thôn Vạn Hạnh, TT Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu	2.457,00	Trụ sở CN Phú Mỹ	Đất mua
238	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 24 Trần Hưng Đạo, thành phố Vũng Tàu	1.630,00	Trụ sở CN Bà Rịa Vũng Tàu	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
239	Bà Rịa Vũng Tàu	Số 72A Trần Hưng Đạo, thành phố Vũng Tàu	253,50	Trụ sở PGD - CN BR Vũng Tàu	Đất thuê 50 năm (từ năm 1998), trả tiền thuê đất hàng năm

240	Bà Rịa	Khu đất tại 1306 đường Bạch Đằng, phường Phước Chung, thị xã Bà Rịa	81,90	Trụ sở QTK số 2 - CN Bà Rịa	Đất mua
241	Bà Rịa	Khu đất tại đường Lê Duẩn, phường Phước Chung, thị xã Bà Rịa	2.555,50	Để xây dựng Trụ sở CN Bà Rịa	Đất mua
242	Bình Dương	Khu đất tại lô DH3, đường D5, KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	3.250,00	Trụ sở PGD Nam Tân Uyên - Bình Dương	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ 2008)
243	Bình Dương	Khu đất tại mặt tiền đường Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13), phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	4.707,20	Trụ sở CN Bình Dương	Đất thuê 50 năm (từ năm 2004), trả tiền thuê đất hàng năm
244	Bình Dương	Đất và công trình xây dựng trên đất tại số 37 Yersin (212 Yersin), phường Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	2.248,00	Trụ sở PGD Thủ Dầu Một - Bình Dương	Đất thuê 50 năm (từ năm 2000), trả tiền thuê đất hàng năm
245	Mỹ Phước	Đất và công trình xây dựng trên đất tại lô A3-6 và 7, khu TM-DV và tái định cư Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	168,00	Trụ sở CN Mỹ Phước	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
246	Mỹ Phước	Khu đất tại một phần lô D1, khu TM-DV Mỹ Phước 2, KCN Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	10.000,00	Dự kiến xây dựng trụ sở mới của CN Mỹ Phước	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2007)
247	Nam Bình Dương	Số 10 Đại lộ Hữu Nghị, khu công nghiệp Việt Nam Singapore (VSIP I), huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	1.170,70	Trụ sở CN Nam Bình Dương	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2006)
248	Bình Phước	14, phường , thị , tỉ	2.855,90	Trụ sở CN Bình Phước	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm
249	Bình Phước	Khu đất tại thị trấn Chơn Thành, huyện , tỉnh	2.386,50	Trụ sở PGD Chơn Thành - Bình Phước	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm

250	Tây Ninh	Khu đất 492 đường 30/4 thị xã Tây Ninh	3.558,00	Trụ sở CN Tây Ninh	Đất thuê 50 năm (từ năm 2002), trả tiền thuê đất hàng năm
251	Tây Ninh	Khu đất tại khu Kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh	1.500,20	Trụ sở PGD Mộc Bài - Tây Ninh	Đất thuê 50 năm (từ năm 2008), trả tiền thuê đất hàng năm
252	Long An	Khu đất tại số 140 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An tỉnh Long An	831,00	Trụ sở CN Long An	Đất thuê 30 năm (từ 2008 đến 2038), trả tiền thuê đất hàng năm
253	Long An	Khu đất tại số 7 Võ Công Tôn, Phường 1 Thành Phố Tân An tỉnh Long An	156,40	Trụ sở PGD Tân An - Long An	Đất thuê 50 năm (từ 2007 đến 2057), trả tiền thuê đất hàng năm
254	Long An	Số 280-282 đường Nguyễn Hữu Thọ, Thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	240,00	Trụ sở PGD Bến Lức - Long An	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (thời hạn sử dụng lâu dài)
255	Tiền Giang	Khu đất tại Số 208A đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 1, thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang	338,00	Trụ sở CN Tiền Giang	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
256	Tiền Giang	Khu đất thuộc thửa số 404, tờ bản đồ số 01 đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang.	152,80	Trụ sở CN Tiền Giang	Đất mua
257	Tiền Giang	Khu đất số 9/18, 9/19 Đình Bộ Lĩnh, phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	147,12	Tạm thời chưa sử dụng	Đất mua
258	Tiền Giang	Khu đất số 79 đường Trưng Trắc, phường 1, thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang (đoạn từ đường Đường 30 tháng 4 - Thủ Khoa Huân)	83,60	Kho lưu trữ	Đất thuê 50 năm (từ 1996 đến 2046), trả tiền thuê đất hàng năm
259	Tiền Giang	Khu đất xã Trung An, thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang	990,00	Trụ sở PGD KCN Mỹ Tho- Tiền Giang	Đất thuê trả tiền một lần cho 50 năm (kể từ năm 2003)
260	Bến Tre	Khu đất tại Số 21, đại lộ Đồng Khởi, Phường 3, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	1.996,20	Trụ sở CN Bến Tre	Đất thuê 30 năm (từ 1996 đến 2026), trả tiền thuê đất hàng năm

261	Đồng Tháp	Khu đất tại Số 12A, đường 30/4, phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1.731,30	Trụ sở CN Đồng Tháp	Đất thuê 20 năm (từ 1998 đến 2018), trả tiền thuê đất hàng năm
262	Đồng Tháp	Khu đất tại Đường Đặng Văn Bình, Phường 1, TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp	1.655,10	Đang xây trụ sở mới cho CN Đồng Tháp	Đất thuê 50 năm (từ 2007 đến 2057), trả tiền thuê đất hàng năm
263	Đồng Tháp	Khu đất tại số 290A, đường Nguyễn Sinh Sắc, Phường 2, TX. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	167,16	Trụ sở PGD Sa Đéc - Đồng THáp	Đất mua
264	Đồng Tháp	Khu đất tại 95, đường Gò Tháp, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	1.200,00	Trụ sở PGD Tháp Mười - Đồng Tháp	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
265	An Giang	Lô đất số 49-51-53 đường Nguyễn Huệ B, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	275,30	Trụ sở PGD Long Xuyên - An Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (Năm 2011 chuyển từ đất thuê sang đất giao)
266	An Giang	Lô đất số 71 đường Lý Tự Trọng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	99,50	Nhà công vụ - An Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (Năm 2011 chuyển từ đất thuê sang đất giao)
267	An Giang	Lô đất tại đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	996,00	Trụ sở CN An Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (Năm 2011 chuyển từ đất thuê sang đất giao)
268	Bắc An Giang	Khu đất tại số 19 đường Nguyễn Hữu Cánh, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang, diện tích 59,3m2 (toàn đường)	59,30	Trụ sở CN Bắc An Giang	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
269	Bắc An Giang	Khu đất tại số 17 Quang Trung, thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang	827,10	Đang xây dựng trụ sở CN Bắc An Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
270	Kiên Giang	Thửa đất số 544, tờ bản đồ số 11, địa chỉ số 205 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	319,20	Trụ sở CN Kiên Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất

271	Kiên Giang	Khu đất tại số 259-261 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	958,50	Đang xây dựng Trụ sở mới CN Kiên Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
272	Kiên Giang	Khu đất tại số 53 đường Duy Tân, phường Vĩnh Thanh Vân, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	85,00	Trụ sở PGD Rạch Giá - Kiên Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
273	Kiên Giang	Khu đất tại lô B40-B44 đường Trục Chính, ấp Ba Hòn, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	578,10	Trụ sở PGD Ba Hòn - Kiên Giang	Đất mua
274	Kiên Giang	Khu đất tại số 98-100 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Rạch Sỏi, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	123,23	Trụ sở PGD Rạch Sỏi - Kiên Giang	Đất mua
275	Kiên Giang	Khu đất tại số 15A đường Chi Lăng, khu phố 1, phường Đông Hồ, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang	260,50	Trụ sở PGD Hà Tiên - Kiên Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất (thời hạn sử dụng đến 15/7/2061)
276	Kiên Giang	Khu đất tại đường Trung Trục, khối 4. thị trấn Dương Đông Huyện Phú Quốc	3.809,00	Trụ sở PGD Phú Quốc - Kiên Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
277	Kiên Giang	Thửa đất số 520, tờ bản đồ số 01, tại ấp Minh Kiên, xã Minh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	162,00	Trụ sở PGD tạm U minh Thượng - Kiên Giang	Đất thuê 50 năm (từ 2004 đến 2054), trả tiền thuê đất hàng năm
278	Kiên Giang	Khu đất tại ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	138,90	Trụ sở PGD số 1 - Kiên Giang	Đất thuê 20 năm (từ 2003 đến 2023), trả tiền thuê đất hàng năm
279	Cần Thơ	Lô đất tại địa chỉ số 12 đường Hoà Bình, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	424,00	Trụ sở CN Cần Thơ	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
280	Cần Thơ	Lô đất tại địa chỉ số 29 - 31 Châu Văn Liêm, Cần Thơ	152,10	Trụ sở PGD Ninh Kiều - Cần Thơ	Đất thuê trả tiền hàng năm. Hiện BIDV đang làm thủ tục để ký hợp đồng thuê đất (dự kiến 50 năm)

281	Cần Thơ	Lô đất số 31 A KCN Trà Nóc 1, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	1.628,00	Trụ sở PGD Trà Nóc - Cần Thơ	Đất thuê 50 năm (từ năm 2009), trả tiền thuê đất hàng năm
282	Vị Thanh	Khu đất tại thửa đất số 259, tờ bản đồ số 13, đường Nguyễn Công Trứ, phường 1, Thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	3.368,50	Trụ sở CN Vị Thanh - Hậu Giang	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
283	Sóc Trăng	Khu đất tại 05 Trần Hưng Đạo, phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	1.085,00	Trụ sở CN Sóc Trăng	Đất thuê 50 năm (từ 2002 đến 2052), trả tiền thuê đất hàng năm
284	Sóc Trăng	Khu đất tại 454 Lý Thường Kiệt, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	5.039,40	Khu đất nhận gán nợ, hiện đang có chủ trương chuyển nhượng lại để xử lý khoản nợ vay	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
285	Sóc Trăng	Khu đất tại 40 Nguyễn Du, phường 3, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	169,40	Trụ sở PGD - Sóc Trăng	Đất mua
286	Sóc Trăng	Khu đất tại 60 Nguyễn Hùng Phước, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	94,48	Trụ sở PGD TP Sóc Trăng	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
287	Sóc Trăng	Khu đất tại số 1/10 đường Lê Hồng Phong, phường 9, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	65,41	Dự kiến làm nhà công vụ	Đất mua
288	Trà Vinh	Lô đất tại số 2B Lê Thánh Tôn, phường 2, Thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	1.329,00	Trụ sở CN Trà Vinh	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
289	Trà Vinh	Lô đất số 24-26 Phạm Thái Bường, khóm 1, phường 3, Thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	125,20	Trụ sở PGD - Trà Vinh	Đất thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm
290	Vĩnh Long	Khu đất tại 50 Nguyễn Huệ, phường 2, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	300,70	Trụ sở CN Vĩnh Long	Đất thuê 50 năm (từ năm 2002), trả tiền thuê đất hàng năm
291	Vĩnh Long	Khu đất tại số 67 Nguyễn Huệ, phường 2, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.	489,20	Nhà xe, nhà kho	Đất thuê 50 năm (từ năm 2007), trả tiền thuê đất hàng năm

292	Vĩnh Long	Khu đất tại khu Công nghiệp Hòa Phú Địa chỉ: ấp Phước Hòa, xã Hòa Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	454,70	Trụ sở PGD Hòa Phú - Vĩnh Long	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
293	Vĩnh Long	Khu đất tại Khóm I, Thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.	764,20	Trụ sở PGD Bình Minh - Vĩnh Long	Đất mua
294	Vĩnh Long	Khu đất tại Khóm A (đường Lê Lai) phường I, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	1.895,20	Đang xây trụ sở mới Vĩnh Long	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
295	Bạc Liêu	Khu đất tại B-44 Lô B Nội bộ Trung tâm Thương mại, phường 3, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	180,00	Trụ Sở CN Bạc Liêu	Đất mua
296	Bạc Liêu	Khu đất tại số 50 Hoàng Văn Thụ, phường 3, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	70,00	Trụ sở PGD Hoàng Văn Thụ - Bạc Liêu	Đất mua (2011)
297	Bạc Liêu	Khu đất tại số A15/168 đường 23/8, phường 8, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	1.085,50	Đang xây dựng trụ sở Bạc Liêu mới	Đất mua
298	Cà Mau	Khu đất tại địa chỉ số 53 đường Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	102,60	PGD số 1 - Cà Mau	Đất mua
299	Cà Mau	Khu đất tại địa chỉ số 12 đường Lý Bôn, Phường 2, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	412,12	Trụ sở CN Cà Mau	Đất mua
300	Cà Mau	Khu đất đường An Dương Vương, Phường 7, Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	1.081,75	Sử dụng để xây trụ sở mới cho CN Cà Mau	Đất giao có thu tiền sử dụng đất
		Tổng cộng	423.635,10		

CÁC HỒ SƠ KÈM THEO

- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao hợp lệ Điều lệ
- Bản sao hợp lệ Báo cáo tài chính:
 - ◆ Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2011 và 2012;
 - ◆ Báo cáo tài chính Quý I/2013 hợp nhất và riêng lẻ.
- Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 thông qua việc phát hành;
- Danh mục các văn bản tài liệu liên quan đến thông tin công bố trong Bản cáo bạch;
- Các tài liệu khác.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2013

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *R*

TỔNG GIÁM ĐỐC



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TRẦN BẮC HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHAN ĐỨC TÚ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

Trần Văn Bé

[Signature]

KẾ TOÁN TRƯỞNG
TẠ THỊ HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT VIỆT NAM *ky*

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Hoài